XÁC ĐỊNH

DIỄN ĐÀN
THANH NIÊN
SINH VIÊN VIỆT
TỴ NẠN

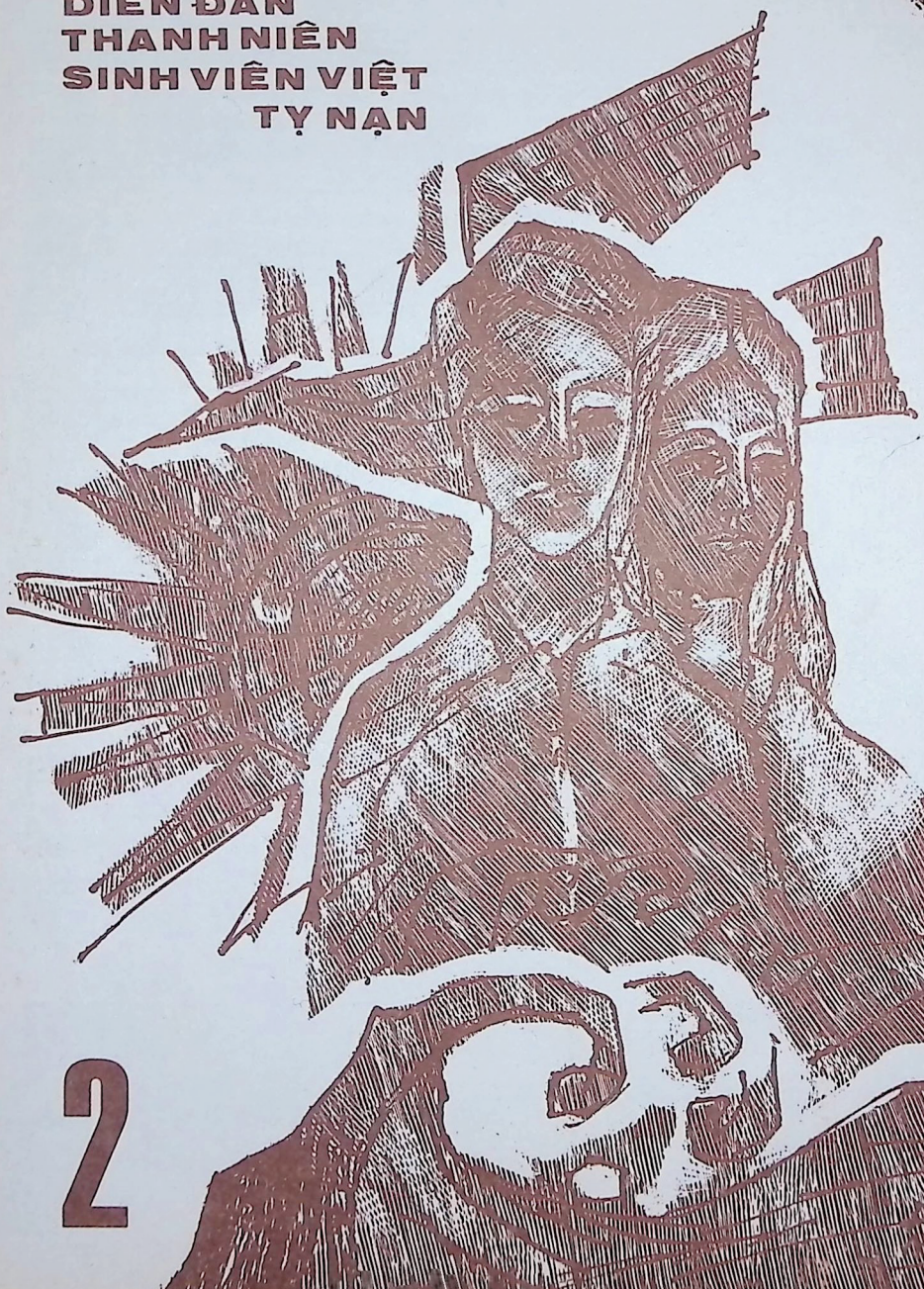

2

Tuổi Trẻ chúng Ta

Hùng, Mạnh

CHÂU ĐÌNH AN

Tuổi Trẻ chúng ta hãy đứng lên làm cách mạng Tuổi Trẻ chúng ta ngẩng cao
Tuổi Trẻ chúng ta bước hiên ngang vì giống nòi Tuổi Trẻ oai hùng vững tin
đầu thắp sáng niềm tin Đừng bi-quan chán chường sống với quá khứ Những sầu
vào đất nước ngày mai Dù bao phen nước nhà nguy biến sóng gió Dân-tộc..
một tranh giành chỉ biết lợi danh. ....mình nòi giống cháu con Tiên Rồng

Thiết Tha.

Tuổi Trẻ chúng ta ỏi đã bao lâu ta còn e ngại Tuổi Trẻ chúng ta
ỏi phá tan đi những ngày đen tối . Anh cùng tôi đứng trong chiến hào Vaikềvai đứng
lên vẫy chào , một lời chào XÔNG TỚI ! Tuổi Trẻ chúng ta nhớ thương
yêu về nước nhà Cuộc sống đau buồn của dân mình kiếp sống lầm than Lòng tin
yêu quyết thề tiến bước cứu nước . Sống Tuổi Trẻ phải sống xứng đáng anh
hùng ! SỐNG TUỔI TRẺ PHẢI SỐNG XỨNG ĐÁNG ANH HÙNG

Thân Tặng Anh chị Em
Sinh viên Xác Định

May 9, 1983

XÁC ĐỊNH

XUẤT BẢN BA THÁNG MỘT LẦN

SỐ 2-NĂM THỨ NHẤT-THÁNG 7,8,9 NĂM 1983

MỤC LỤC

1.	Lá Thư Xác Định		1
	PHẦN DÂN TỘC		
2.	Đặt Vấn Đề: Dòng Giống Rồng Tiên	*Trần Lam Giang*	4
3.	Phụ Bản: Minh Họa Chim Lạc của Hồ Đắc Ngọc		10
4.	Phần Đóng Góp Của Văn Chương Bình Dân Đối Với Nền Văn Hóa Việt Nam	*Cụ Dưỡng Đình Khuê*	11
5.	Phụ Bản: Mẹ Việt Nam	*Võ Tuấn*	21
6.	Phụ Trang Phần Dân Tộc: Những Cao Trào Kháng Pháp Đầu Thế Kỷ XX		29
7.	Phỏng Vấn: Cụ Bà Hoàng Thị Vệ	*Vũ Tuệ*	30
8.	Cao Trào Kháng Pháp Đầu Thế Kỷ XX	*Hà Mai Phương*	37
9.	Sơ Lược Tiểu Sử Các Nhân Vật Lãnh Đạo Các Cao Trào Ái Quốc Chống Pháp Đầu Thế Kỷ XX	*Hà Mai Phương*	44
10.	Phụ Bản	*Bùi Hữu Anh*	50
	PHẦN CỘNG ĐỒNG VÀ THANH NIÊN SINH VIÊN		
11.	Thanh Niên Trước Vấn Đề Truyền Thống Dân Tộc	*Văn Thanh*	52
12.	Tâm Sự Của Chúng Ta	*Linh Sơn Linh*	57
13.	Về Lại Suối Nguồn (Tự Khúc)	*Bùi Vũ Phương Thảo*	64
14.	Lá Thư Phi Châu: Mùa Hè Có Phượng	*Bùi Văn Phú*	79
15.	Văn Hóa Việt Và Danh Dự Việt	*Lê Văn Khoa*	83
	PHẦN SÁNG TÁC		
16.	Ai Đem Con Sáo Sang Sông	*Quán Như*	90
17.	Phụ Bản: Về Nhà	*Võ Tuấn*	102
18.	Thơ: Nhớ Con Lắm Những Ngày Mưa Năm Trước	*Giang Hữu Tuyên*	103
19.	Thơ: Đoản Khúc Bốn Mùa	*Kim Kha*	104
20.	Thơ: Chiều Chủ Nhật	*Tường Vũ Anh Thi*	106

21.	Giấc Mơ Của Bé	*Bạch Mã*	107
22.	Thơ: Mộng Hướng Khê	*Hoàng Xuân Sơn*	119
23.	Thơ: Hoà Âm II	*Hồ Đắc Ngọc*	120
24.	Phụ Bản	*Hồ Đắc Ngọc*	121
25.	Hướng Hoa Quỳnh Trên Sông	*Phướng Bối*	122
26.	Thơ: Gởi Về Sông Cái Lớn	*Vĩnh Thuận*	125
27.	Thơ: Xin Anh Đừng Quên	*Lê Thị Hằng Đông*	126
	PHẦN NHÂN LOẠI		
28.	Điểm Sách: Nga Sô Trong Khủng Hoảng	*Nguyễn Xuân Mai*	128
29.	Khoa Học: Đi Vào Cõi Vô Biên	*Nguyễn Thái Hòa*	131
30.	Giá Biểu Quảng Cáo		132
	PHẦN TIN TỨC		
31.	Thời Sự Thế Giới Tóm Lược	*Lý Văn Anh*	134
32.	Tin Cộng Đồng Thanh Niên Sinh Viên		140
33.	Nghệ Thuật: Nguyễn Hà Phi Thạch, Một Ngôi Sao Sáng Trong Làng Điêu Khắc	*Nguyễn Hân*	149
34.	Phóng Sự: Sinh Viên UTA, Texas, Sôi Động Trước Vấn Đề Chính Trị Và Nhà Trường	*Nguyễn Đứng*	151
35.	Cảm Tạ Ân Nhân của Xác Định		156
36.	Thư Tín Và Nhắn Tin		157
37.	Quảng Cáo		
38.	Nhạc: Tuổi Trẻ Chúng Ta	*Châu Đình An*	

CHỦ BIÊN: *Nguyễn Đình Thắng,*
THƯ KÝ : *Nguyễn Xuân Nguyên*
KỸ THUẬT: *Bùi Hữu Anh, Võ Tuấn , Nguyễn Hà Phi Thạch*
PHÁT HÀNH: *Nguyễn Phong, Nguyễn Văn Khanh*

Lá thư XÁC ĐỊNH

THANH NIÊN và DÂN TỘC

Lá thư Xác Định số 1 đề cập đến sự cần thiết phải đặt vấn đề Vai Trò và Nghĩa Vụ của người thanh niên sinh viên Việt tại hải ngoại trước công cuộc vận động Cứu Nước hiện nay của nhân dân Việt Nam. Chủ trương ấy được xây dựng trên một lập trường cho rằng người thanh niên sinh viên đang thuà hưởng các công nghiệp Giữ Nước và Dựng Nước của tiền nhân từ bao thế hệ trước; do đó, người thanh niên sinh viên ngày hôm nay – tuy ở nước ngoài – không thể tự hoặc bị tách rời ra khỏi dòng sinh mệnh mất còn của Tổ Quốc Việt.

Muốn đóng đúng vai trò và nghiã vụ của mình trên căn bản lập trường Dân Tộc cho công cuộc Cách Mạng Cứu Nước và Dựng Nước của Nhân Dân Việt Nam thì người thanh niên sinh viên phải hiểu thấu về: nguồn gốc, tiến trình lịch sử Giữ Nước và Dựng Nước, các nguyện vọng đích thực của Dân Tộc trải từ thời lập Quốc cho đến hiện tại và tương lai. Nếu không thấy và nắm vững vấn đề căn bản ấy người thanh niên sinh viên sẽ chỉ còn nhìn thấy những vấn đề trước mắt như to lớn quá, những rối rắm thời đại như phức tạp quá khiến ta tưởng chừng như không thể giải quyết nổi trên căn bản khả năng Tự Cứu và Tự Chủ của Dân Tộc.

Lịch sử lâu đời, với trên 4.000 năm sống còn và tiến hóa của Dân Tộc Việt, cho thấy một cách hùng hồn rằng tuy đời sống của Dân Tộc có lúc thăng lúc trầm, lúc vinh lúc nhục nhưng không vì thế mà Dân Tộc ta không có phương thức đối phó với các trở

lực hoặc các kẻ thù cả trong lẫn ngoài. Mà hơn thế nữa, cứ mỗi đợt giải quyết được các bế tắc lịch sử thì dòng sinh mệnh Việt lại dường như đưa mình đến gần hơn với sự hoàn tất công trình Dựng Nước của tiền nhân. Và đấy là triết lý chỉ đạo cho toàn khối Dân Tộc trải từ đời này sang đời khác, nhất là trong những lúc phải tìm đường tiến ra khỏi những bế tắc, để đưa Dân Tộc tiến lên từng chặng tiến hóa của thời đại.

Hoàn cảnh sống và sinh hoạt của loài người trên căn bản người – người và sự liên đới qua lại giữa các dân tộc trên căn bản quốc gia – quốc gia trong hậu bán thế kỷ 20 hiện ngày càng trở nên đa dạng và máy móc. Một phần do bởi những tiến bộ vượt mức của ngành khoa học kỹ thuật đã làm cải thiện các phương tiện sản xuất, vận chuyển và truyền thông trên toàn cầu. Phần khác, do bởi sự hình thành của nhiều hệ thống ý niệm mới mà trên đó những tương quan chính trị, ngoại giao, quân sự và kinh tế. . . giữa các nước được đặt định làm căn bản. Hình thái quan hệ giữa các nước, sự giải quyết các vấn đề, các bế tắc của từng nước và giữa các nước, của từng vùng trong thế giới, cho chí đến các vấn đề có tầm mức đến sự sinh tử toàn cầu đang và sẽ được xảy ra dưới những dạng hình thức khác xưa và phức tạp.

Nếu tầng lớp thanh niên sinh viên Việt ngày hôm nay – tức tầng lớp chủ thế hệ đấu tranh trong thời gian này và tương lai gần – không tự ý thức ra sự cần thiết để trang bị cho tập thể của mình những nền tảng hiểu biết về Dân Tộc Việt để có được vững vàng một lập trường Dân Tộc thì có thể sẽ khó tránh khỏi những vọng động sai lầm trong tương lai, hoặc giả có thể lại đi vào những vết xe cũ đầy thất bại chua cay của những thế hệ cha anh trước đây.

●Xác Định

ĐẶT VẤN ĐỀ: GIỒNG GIỐNG RỒNG TIÊN ● *Trần Lam Giang*
PHỤ BẢN: MINH HOẠ CHIM LẠC
PHẦN ĐÓNG GÓP CỦA VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN ĐỐI VỚI NỀN VĂN HOÁ VIỆT NAM ● *Cụ Dương Đình Khuê*
PHỤ BẢN: MẸ VIỆT NAM ● *Võ Tuấn*
PHỤ TRANG PHẦN DÂN TỘC: NHỮNG CAO TRÀO KHÁNG PHÁP ĐẦU THẾ KỶ XX
PHỎNG VẤN : CỤ BÀ HOÀNG THỊ VỆ ● *Vũ Tuệ*
CAO TRÀO KHÁNG PHÁP ĐẦU THẾ KỶ XX ● *Hà Mai Phương*
SƠ LƯỢC TIỂU SỬ CÁC NHÂN VẬT LÃNH ĐẠO CHỐNG PHÁP ĐẦU THẾ KỶ XX ● *Hà Mai Phương*
PHU BẢN : BIỂU TƯỢNG TRỐNG ĐỒNG ● *Bùi Hữu Anh*



⊕PHẦN DÂN TỘC

Đặt vấn đề:

DÒNG GIỐNG RỒNG TIÊN



Vấn đề nguồn gốc của dân tộc là một vấn đề vô cùng phức tạp hàm chứa những giá trị nhân bản siêu việt. Cho tới nay, những công trình suy tưởng của nhân loại, dù được khoa học tiến bộ hỗ trợ phối kiểm, vẫn chưa tìm được giải pháp thỏa đáng.

Cây có cội nước có nguồn. Từ không sinh ra có là điều vô lý. Tầm vóc suy luận của con người, có lẽ bị mây mờ vọng động che phủ chăng, chưa vượt ra ngoài phạm trù nhân quả. Nhân nào quả ấy. Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Gieo gió gặt bão, ở hiền gặp lành Cha nào con nấy.

Con ai mà chẳng giống cha
Cháu ai mà chẳng giống bà, giống ông

Như dân Việt nam ta, dù cùng màu da với Trung Hoa, Nhật Bản, Đại Hàn, cùng sống vùng Châu Á nhưng từ vóc dáng đến cử chỉ thái độ, từ khuôn mặt đến ánh mắt nụ cười đều có phần khác biệt.

Trứng Rồng lại nở ra Rồng
Liu điu lại nở ra đòng Liu Điu

Nơi người Việt, sự hiện hữu của gốc tổ trong dòng lịch sử cũng như trong tâm tư từng cá nhân là một hiện hữu chân thực. Hiện hữu này không có tính cách cụ thể của vật chất, nhưng là cụ thể của tâm linh.

Người ta có tổ có tông
Như cây có cội như sông có nguồn

Hai tiếng Tổ Quốc dù sống ở cảnh ngộ nào, người Việt cũng thấy vô cùng thiêng liêng cao cả, vô cùng gần gũi thiết tha. Tổ Quốc

không cầm được bằng tay, nhưng hiển nhiên có vì cầm được bằng cả tâm hồn.

Từ thời đại Thần Nông, tổ tiên ta dùng nền văn minh nông nghiệp ở vùng châu thổ sông Dương Tử. Trước khi giống du mục nhà Chu, cỡi ngựa, cầm gươm trần đến ta đã có nông tang, có văn tự. Lạc Việt cùng Bách Việt xây dựng nền văn minh tồn trữ, phát huy nhân tính, hệ thống nhân luân hợp với ý nghĩa, giá trị và bổn phận làm người, như vậy trên hẳn muôn loài và xứng là Việt thật đúng nghĩa.

Trong các sắc dân Việt, đến nay chỉ còn Lạc Việt, tức Việt Nam là giữ được nền văn minh độc lập. Dù nước ta bé nhỏ, dân số không nhiều nhưng tinh thần Việt mạnh, soi sáng nhân luân, gắn bó với nhau bằng tình tự anh em máu mủ nên kẻ thù nào ta cũng khắc phục, bạo lực nào ta cũng đẩy lui.

Từ thuở xây dựng thành xã hội, xác định biên cương lãnh thổ, tổ tiên Việt Nam đã dốc toàn tim óc thể hiện cuộc sống tình người. Công trình ấy vĩ đại, gian nan nên để lại trong dòng lịch sử những sự kiện như kỳ tích. Hình ảnh kỳ tích trong lịch sử chỉ biểu tượng cho đức độ, tài ba siêu phàm của tiền nhân Việt Nam. Giải đất tự nó không có ý nghĩa gì, nhưng giải đất thấm nhuần công sáng tạo, tình yêu người thì trở nên thiết tha, hữu tình và gắn liền với kiếp người, với lịch sử. Mảnh đất Việt Nam đã nhiều ngàn năm gói ghém, ôm ấp tình tự văn minh ta nên giải đất không còn là đất để cho con người khai khẩn trục lợi. Đất Việt đã thành đất Mẹ, Mẹ chung của dân Việt, và chỉ của dân Việt thôi. Ngoài người Việt, không ai có quyền gì trên đất ấy, từ sông, từ núi, từ ngọn cỏ lá cây. Trời chung mà đất riêng. Vì đất ấy là mạch sống góp bằng bao nhiêu nước mắt, bao nhiêu mồ hôi, bao nhiêu xương máu, bao nhiêu thế hệ Việt Nam. Nếu so với núi cao sông lớn của thế gian thì sông núi Việt Nam kém phần cao sâu nhưng uy linh huyền bí không trơ trơ lù lù trước mắt chiêm quan. Núi sông ta in dấu của văn minh nhân bản.

Sơn bất tại cao, hữu tiên tắc danh
Thủy bất tại thâm, hữu long tắc linh

Sơn thủy danh linh vì tình người từng thế hệ nối liền, triền miên vô tận như dòng thời gian, vì công trình văn hóa yêu người vượt qua bất cứ gian lao, nham hiểm nào cản trở. Những giá trị ấy để dấu tích trên sông núi, cao cả như Rồng như Tiên.

Về Rồng Tiên, ngày nay có nhiều người đưa ra những giả thuyết khác nhau, nhưng tựu chung đều gặp nhau ở điểm chiêm ngưỡng giá trị cao đẹp của nguồn gốc mình. Đó là thiện chí, đáng được tuyên dương. Tuy nhiên nếu thiện chí mà bao hàm những nhận định sai lầm, hoang đường vu khoát, sai khác với lịch sử, có thể đưa đến cái nhìn lệch lạc về văn hóa tình người của dân tộc ta thì cần phải phân

tích và chỉnh hướng lại cho đúng đắn.

Từ khi làm quen với văn học, tư tưởng phương Tây, thuyết vật tổ được đặt thành vấn đề suy ngấm cho một số người Việt. Theo sự tìm kiếm của các nhà nhân loại xã hội học phương Tây, cận đại, vật tổ là một tôn giáo tối cổ còn lưu hành tại các xã hội bán khai vùng Đông Nam Á và Phi Châu. Một số nhà trí thức mới của Việt Nam tin ngay là dân tộc ta "còn bán khai" và nhận con Rồng là vật tổ của mình. Họ cũng dựa vào sự tích Rồng tiên làm dữ kiện suy luận.

Một số khác, pha trộn Á, Âu, tìm về nguồn qua huyền thoại cổ thư. Họ lấy Lĩnh Nam Chích Quái của tác giả Trần văn Pháp và Lĩnh Nam Dật Sử của tác giả Ma văn Cao làm tài liệu dẫn chứng và dữ kiện suy luận.

"Lĩnh Nam Chích Quái" tự nó đã bao hàm ý nghĩa huyền hoặc, hoang đường và ma quái. Vì tính cách "chích quái" (hay trích quái cũng không quan trọng đến độ phải bàn luận) nên tác giả đã không thận trọng khi viết. Ông đã đưa cả Phật tích, Phật lý vào những chuyện cổ trước khi Đức Phật xuất thế. Tác giả này lại phạm vào tội láo xược dân tộc, dám đem hồn thiêng sông núi biểu tượng bằng một con gà và một đứa con gái và đã bị Thục An Dương Vương giết chết. Vậy, nếu lấy tác phẩm này làm dữ kiện suy luận về nguồn dân tộc thì thật là quái gở.

"Lĩnh Nam Dật Sử" giá trị tầm thường, một phần dựa vào "Lĩnh Nam Chích Quái" mà phóng tác. Tuy nhiên cũng bầy tỏ được tấm lòng hiếu học hiến văn của người thiểu số xứ Mường Mán. Chiêu văn vương Trần nhật Duật thấy người Mường mà cũng viết sách nên đã khích lệ bằng cách dịch tác phẩm đó. Hành động của ông cho thấy tiền nhân Việt Nam quan tâm nâng đỡ văn học cập đến cả những sắc dân thiểu số vùng rừng sâu, nước độc, đúng là tinh thần hàm ngụ trong câu :

Bầu ơi thương lấy bí cùng
Tuy rằng khác giống nhưng chung một dàn

Dân tộc Việt Nam, từ ngày dựng nước đến nay, lịch sử nguồn gốc đã minh bạch. Tổ tiên là người, không phải một con Rồng lấy một cô tiên rồi sinh sôi nẩy nở thành dân tộc Việt Nam. Rồng tiên chỉ là cách thế biểu tượng cho phẩm cách của Lạc Long Quân và bà Âu Cơ. Ông Lạc Long Quân chắc chắn không phải là con rồng quỷ quái vì ông là chắt đời thứ năm của dòng Thần Nông tổ phụ của Đế Minh. Gọi là Rồng vì Lạc Long Quân là đấng đức độ khoan dung, tài ba siêu việt trong đám trượng phu. Bà Âu Cơ là con gái Đế Lai, theo chính sử (khác với Chích Quái hay Dật sử thêu dệt rằng Âu Cơ nguyên là vợ Đế Lai). Bà có tộc hệ năm đời với Lạc Long Quân. Vì bà đức hạnh đoan chính, nhan sắc tuyệt vời, vượt trên hẳn các nữ

lưu nên người Việt gọi là Tiên.

Cuộc hôn nhân giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ dù có Tộc hệ nhưng không phạm tội nhân luân vì huyết tính đã xa cách năm đời. Điều này chứng tỏ luân lý Việt Nam từ đời Thái cổ đã đạt mức nhân bản vững vàng.

Sự tích lưu truyền rằng Lạc Long Quân kết hôn với Âu Cơ, sinh trăm trứng nở trăm con trai. Thật là một chuyện dị thường chưa được suy kiếm đích xác.

Tổ tiên là nhân, hậu duệ là quả. Tổ tiên Việt Nam cao đẹp như Rồng Tiên nên tạo thành cái quả là người Việt sống dòng lịch sử chan hoà văn hoá tình người. Cảnh ngộ có khi đổi thay, quốc vận có lúc thịnh, lúc suy nhưng yếu tính lịch sử vẫn là nhân bản. Những lúc trầm luân của kiếp người, những cơn phong ba của sinh hoạt lịch sử, đối với văn hoá Việt Nam chỉ là gió bụi thổi cát qua vàng:

Cát bay qua vàng vàng lại ra vàng
Dạ người quân tử lại càng đinh ninh.

Không một tà thuyết nào có thể lay động được văn hoá Việt Nam. Vì : dân tộc tính Việt Nam đã phát huy nhân luân cao cả, dân tộc tính Việt Nam quảng đại dung thứ:

Thức khuya mới biết đêm dài
Sống lâu mới biết dạ người có nhân.

Và dân tộc chí Việt Nam vững mạnh, quả quyết:

Lòng ta ta đã chắc rồi
Dễ ai giục đứng, giục ngồi mà nao

Vì tính nhân luân, tính dung thứ và chí quả quyết mà cuộc sống có ý nghĩa, mà giá trị làm người được minh xác từ tâm , từ não, không còn phải vẩn vơ đi tìm chân lý. Lịch sử Việt Nam như một giòng sinh tồn luân lưu triền miên gắn liền với giá trị nhân sinh. Do



đó những hành động, những công trình thích hợp hoặc sai khác với nhân bản được xác định một cách minh bạch và khác biệt.

Gốc Việt vững bền, xây bằng uy đức nhân ái như Rồng như Tiên nên người nước Việt thịnh nhân. Trải 18 đời Hùng Vương với hơn hai ngàn năm thái bình thịnh trị đã là một Kỳ quan siêu việt trong lịch sử nhân loại. Không Kim Tự Tháp hay Vạn Lý Trường Thành nào có thể sánh cùng. Hơn hai nghìn năm ấy, phong hoá tinh người đã thấm vào tâm khảm của từng cá nhân, đã thể hiện một xã hội với nền kinh tế, chính trị đại hữu, là linh hồn của nền văn minh châu Á. Nơi đó, người với người được gắn bó bằng tương quan nhân ái, hiệp nhau xây đời sống chung trong niềm tin đoàn kết:

Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao

Suốt hơn hai ngàn năm đời Hùng, bạo lực xâm lăng phương Bắc chỉ một lần bén mảng đến quê hương ta và đã nhận bài học thất bại kinh hồn. Bạo lực không thể đàn áp nổi xã hội nhân hòa. Xã hội ấy được ca dao biểu dương bằng bài "Thằng Bờm":

Thằng bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi một xâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim,
Phú ông xin đổi con chim đồi mồi.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi,
Phú ông xin đổi nắm xôi Bờm cười.

Người cộng sản lấy triết lý duy vật làm bản lãnh, lấy giai cấp đấu tranh làm cách thế hành động, đã từng xuyên tạc bài ca dao trên một cách gượng gạo. Họ phân tích rằng thằng Bờm biểu tượng cho giai cấp vô sản bị lừa gạt và bóc lột. Theo họ, người vô sản Việt Nam đã nhiều kinh nghiệm bị bóc lột nên không tin lời hứa hẹn đường mật của giai cấp tư sản. Sự kiện này, theo họ, được ca dao biểu tượng bằng thái độ của thằng Bờm từ chối đổi cái quạt mo lấy gia tài kếch sù của phú ông, chỉ chấp nhận nắm xôi thực tế trông thấy trước mắt, cầm gọn trong tay và ăn rồi thì phú ông không thể giằng lại được. Từ lý luận ấy, cộng sản Việt Nam đi tới kết luận rằng xã hội duy vật vô sản là xã hội mà Việt Nam mơ tưởng từ lâu !

Thực ra, khi đọc bài ca dao "Thằng Bờm", chưa cần suy luận để tìm hiểu ý nghĩa hàm chứa ở trong, ta đã cảm thấy vui vui, ngộ ngộ và hiền hòa. Người hiếu động cũng không thể cảm thấy hình ảnh của bạo lực đàn áp và đấu tranh. "Thằng Bờm" đưa lên trong

tâm hồn người một tình cảm êm dịu của xã hội thanh bình nơi đó con người nối kết bằng tình tự thương yêu. Phú ông biểu tượng cho lớp người lớn tuổi, có hằng sản và hằng tâm. Thằng Bờm là hình ảnh của những em thơ đầu còn để chỏm. Sinh thành trong xã hội đại hửu, người biết yêu người, lấy trung thành làm phương châm xử thế, lấy quân sản làm cán cân điều hòa và thăng bằng xã hội, đứa em thơ đã được tôi đúc cho có tâm hồn cương trực, không tham lam. Hành động muốn đem ba bò chín trâu đổi lấy cái quạt mo của phú ông chính là hình ảnh biểu tượng cho thế hệ lớn tuổi biết hướng về thế hệ đang lên mà nâng đỡ che chở và dìu dắt. Thằng Bờm từ chối gia tài vì gia đình và xã hội đã giáo dục cho đứa em thơ có tấm lòng ngay, tự tin, không ỷ lại và yêu cách hành xử công chính : cái quạt mo giá trị tương xứng với nắm xôi. Giá trị tương xứng lãm đứa em thờ vui lòng trao đổi.

Tóm lại, bài "Thằng Bờm" là hình ảnh của một xã hội thanh bình nhân ái. Nơi đó, thế hệ trước biết yêu thương và che chở cho thế hệ sau. Thế hệ sau được nuôi dưỡng để có khả năng xây dựng một tương lai trong chiều hướng công chính và tự tin. Chính xã hội này đã dùng nền văn hiến tình người suốt mười tám đời Hùng. Sứ mạng lãm người cao cả, lớn vươn lên mãi, tạo thành cá tính yêu người và yêu đời, của dân tộc Việt. Cho nên dù cơ cực cách mấy người Việt vẫn có thể điểm một nụ cười, dù tang thương cách mấy, người Việt vẫn yêu nhau, nắm chặt tay nhau để xây thành hạnh phúc. Và chính cái hạnh phúc xây bằng tình yêu ấy mới vững bền muôn thuở, bạo lực nào cũng phải thất bại, xâm lăng nào cũng phải lui bước, dựng nên giòng lịch sử Việt Nam, lịch sử của con Rồng cháu Tiên. Thật đúng với câu:

Trứng Rồng lại nở ra rồng
Liu Điu lại nở ra dòng liu điu.

Lịch sử nhân loại đã chứng tỏ cho thấy có sự hiện hữu của những dòng liu điu : đó là những giòng giống tầm thường, khi tiếp xúc với văn hóa ngoại xâm đã bị đồng hóa dễ dàng, đã uốn mình khuất phục, quên gốc, quên nguồn, quên luôn cả tiếng mẹ đẻ.

Trong cơn dâu bể hiện nay của giòng lịch sử Việt Nam, những người tỵ nạn chính trị hẳn đều ý thức rằng chúng ta không bình đẳng với những kẻ di dân cầu thực, bỏ nước ra đi vì miếng cơm manh áo. Mỗi người tỵ nạn đều có sứ mạng đối với quê hương : sứ mạng góp phần cứu nước và dựng nước. Tựa lưng vào lịch sử, đối diện với gian nan hiểm nguy, trong hoàn cảnh hiện tại phải "nước lã mà vã nên hồ", kẻ sĩ những ai có nghe chăng tiếng hò Sát Đát.●

Trần Lam Giang

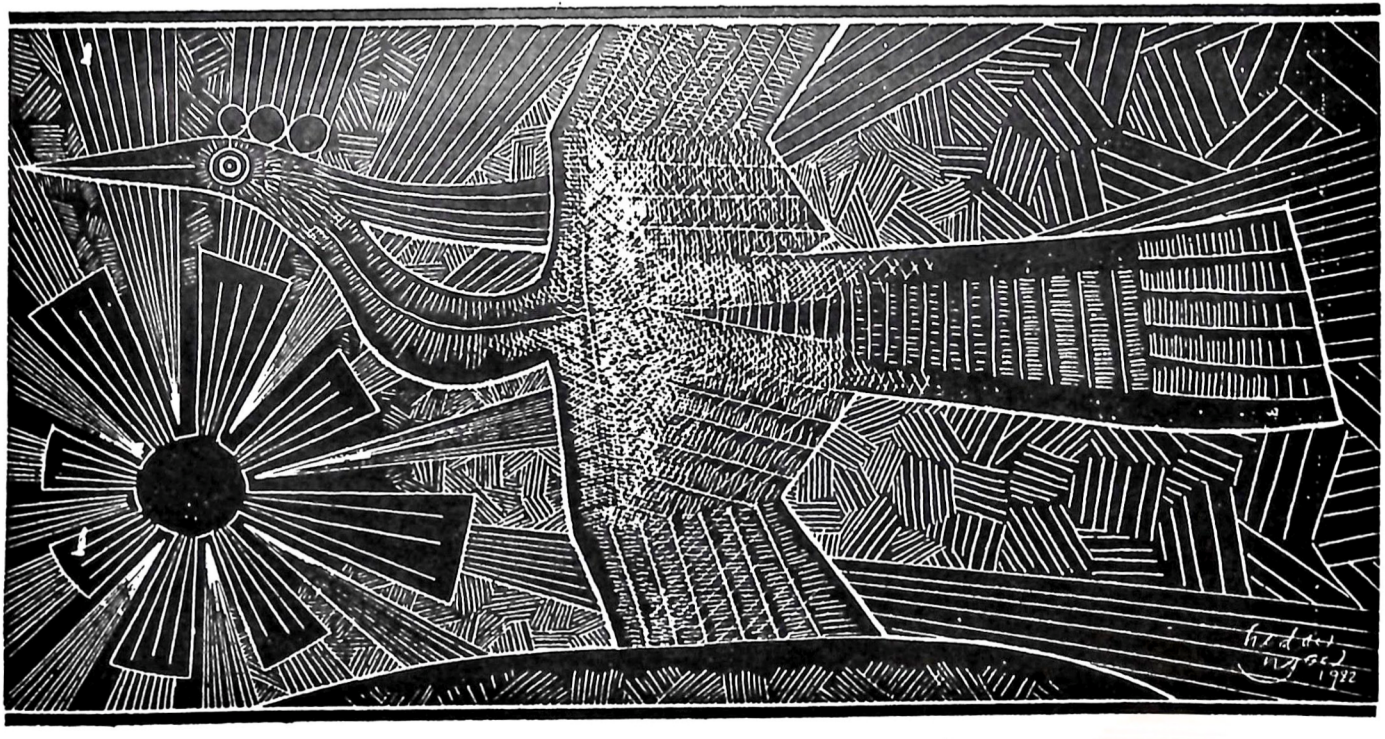

Chú thích: Biểu tượng chim Lạc. Minh họa của Hồ Đắc Ngọc.

Phần đóng góp của văn chương bình dân đối với nền văn hóa Việt Nam

VÀO ĐỀ

Thuở trẻ đi học, chúng tôi chỉ được biết một số rất ít tác phẩm văn chương bình dân của Pháp, như truyện chú Cáo, vở hài kịch Pathelin, và vài tác phẩm khác mà nay đã quên mất tên, xuất hiện trong thời Trung Cổ. Từ thời Phục Hưng trở đi thì các sách giáo khoa không thấy nói đến văn chương bình dân nữa, mà chỉ toàn nói về văn chương bác học mà thôi. Có lẽ vì nghề in sớm xuất hiện ở Tây Phương nên gây ra tình trạng đó chăng?

Chúng tôi lại không am hiểu các ngoại ngữ Á Đông, nên không rõ địa vị của văn chương bình dân trong các nước Trung Hoa, Nhật Bản, Triều Tiên, Thái Lan, Ấn Độ như thế nào. Dù sao thì việc đó cũng không quan trọng lắm, ta chỉ thiếu đi vài đối tượng so sánh mà thôi. Điều quan trọng đối với chúng ta là văn chương bình dân chiếm một địa vị rất lớn trong nền văn hóa Việt Nam, ngang sức và có khi trội hơn các tác phẩm văn chương bác học. Đó là mục tiêu của bài tiểu luận này, gồm có ba phần: giá trị nghệ thuật, giá trị xã hội học và giá trị tâm lý học của văn chương bình dân. Nhưng trước khi nghiên cứu những đặc điểm đó, tưởng cũng nên định nghĩa văn chương bình dân là gì?

Ai cũng biết rằng loại văn chương này gồm có tục ngữ, ca dao và truyện cổ tích. Nhưng cái gì ban cho các tác phẩm đó tính cách bình dân?

1) Người ta nghĩ ngay đến sự ẩn danh tác giả, hay nói cho đúng hơn là tính cách tập thể của sự cấu tạo những áng văn chương đó. Nhưng ta nên lưu ý rằng, một tục ngữ hay một ca dao, tất phải do một người làm ra đầu tiên, người đó có thể là ẩn danh, nhưng cũng có khi chúng ta biết rõ tính danh. Ví dụ câu tục ngữ:

Thương người như thể thương ta

xuất xứ từ bài Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi. Hoặc là câu ca dao:

Gối rơm theo phận gối rơm
Có đâu dưới thấp mà chồm lên cao

xuất xứ từ quyển Lục Vân Tiên của Nguyễn Đình Chiểu.

2) Vậy cái gì khiến cho một tục ngữ hoặc một ca dao được coi là có tính cách bình dân, nếu ta xét kỹ, thì thấy nó đã rơi vào sự thông dụng của quần chúng, đã ở trên đầu lưỡi hoặc trong tâm khảm của mọi người, vì nó phản ảnh trung thực những ý kiến và tình cảm của bần dân thiên hạ. Vậy theo thiển ý, cái đặc điểm của văn chương bình dân, không phải là tính cách tập thể của sự cấu tạo, mà là tính cách tập thể của sự xử dụng. Tuy nhiên, một đôi khi một tục ngữ hoặc ca dao cũng thực sự đã được cấu tạo tập thể vì qua nhiều thế hệ, nó có thể đã biến dạng đôi chút. Nhất là các truyện cổ tích thì ta có thể nói rằng chúng đã được cấu tạo tập thể rõ rệt, vì mỗi khi một truyện cổ tích được kể đi từ người này sang người khác, thì mỗi người kể truyện đều có thêm bớt mắm muối của chính mình vào.

I - GIÁ TRỊ CỦA VĂN CHƯƠNG BÌNH DÂN VỀ PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT

Chúng tôi sẽ không chiều theo khuynh hướng mị dân của vài phê bình gia mà cho rằng văn phẩm bình dân hay hơn, có nghệ thuật hơn văn phẩm bác học. Thật vậy, ta không phải khó khăn gì mà tìm thấy trong các câu ca dao những vần ép, gượng, nghèo, và nhiều truyện cổ tích nhạt phèo, truyện "giải buồn" mà đọc lên càng thêm buồn vì cái nội dung ngô nghê của nó. Chỉ riêng các tục ngữ là có thể coi là toàn bích, chính vì nó cô đọng vô cùng.

Thật ra thì không hề có một nghệ thuật của giới bình dân khác biệt hẳn với nghệ thuật của các nho sĩ. Đôi bên đều xử dụng mọi kỹ thuật làm văn: nhân cách hóa các tĩnh vật, biến các tư tưởng trừu tượng thành những hình ảnh cụ thể, chơi chữ, đảo nghịch, đối chọi, phóng đại, cố ý lặp đi lặp lại vài chữ quan trọng v. v. . . Nhưng quả thật văn phẩm bình dân, nói chung, cho chúng ta một cảm tưởng phong phú,

đầy sinh khí hơn văn phẩm bác học, trừ các tác phẩm của vài nho sĩ lỗi lạc như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, đã biết hòa hợp khéo léo nền văn hóa cổ điển học trong các sách Trung Hoa với tinh thần dân tộc Việt Nam. Sự khác biệt đó rõ rệt phát xuất từ sự kiện này: Trong khi nho sĩ cảm nghĩ, nếu không phải hoàn toàn qua sách vở, thì cũng bị ảnh hưởng một phần nào bởi những câu văn đã học, thì người bình dân cảm nghĩ chỉ theo kinh nghiệm của mình. Một đằng thì thanh tao lịch sự, đôi khi rỏi vào cầu kỳ gò bó, một đằng thì thẳng thắn bộc trực, đôi khi rỏi vào tục tĩu quá đáng.

Sau khi nhận định những nét đại cương trên đây, chúng ta có thể đi sâu vào chi tiết của nghệ thuật trong văn chương bình dân.

A - Thi văn bình dân bất cần những luật thở cổ điển, nhất là Đường luật. Một bài thơ bát cú Đường luật là cả một viên ngọc mài rũa tinh vi, gồm có 8 câu, mỗi câu có một nhiệm vụ riêng biệt, không thể xáo trộn được. Câu đầu là phá đề, mở bài. Câu 2 là thừa đề, nối với câu phá mà nói đến đầu đề. Câu 3, 4 gọi là thực đề, giải thích đầu bài cho rõ nghĩa. Hai câu 5, 6 gọi là luận đề, bàn bạc để mở rộng ý nghĩa đầu bài. Hai câu 7, 8 gọi là câu kết, tóm ý nghĩa cả bài mà thắt lại cho mạnh mẽ rắn rỏi. Thật là một cái khung chật hẹp, gò bó khủng khiếp! Ngoài ra, còn nào là vần, nào là tiếng bằng tiếng trắc, nào là sự đối trọi từng chữ của hai câu 3, 4 và hai câu 5, 6. Cái Đường luật khe khắt đó phải chờ đến thập niên 1930 mới mất tính cách thiêng liêng bất khả xâm phạm của nó trong giới trí thức.

Còn người bình dân thì đã từ lâu bất chấp nó rồi. Thi văn bình dân xáo trộn những câu 5 chữ, 6 chữ, cho đến 10 chữ, 12 chữ. Còn sự đối trọi của vài cặp câu thì chẳng bao giờ được để ý đến cả.

Tại sao người bình dân lại có thái độ đó, trong khi nho sĩ thì không? Lý do rất dễ hiểu. Ta cũng chẳng cần phải viện dẫn đến tâm lý nhà nho quen tùng phục những luật lệ của cổ nhân để lại, trái với người bình dân phóng khoáng hơn. Ta chỉ cần nghĩ đến cách ngâm các bài thơ Đường luật và cách hát các bài ca dao là đủ. Các bài thơ Đường luật chỉ có thể ngâm theo một lối, trái lại các bài ca dao có thể tùy hứng mà hát theo nhiều điệu nhạc của dân quê, như xẩm, quan họ, đò đưa, trống quân v. v. . . Hơn thế nữa, các bài ca dao nhiều khi được ứng khẩu trong các cuộc thi hát, do đó mà tất nhiên phải tự cho phép nhiều tự do mà nho sĩ không thể nào chấp nhận.

B - Nhưng đó không phải là đặc điểm chính của văn chương bình dân. Đặc điểm rõ rệt nhất của nó là nó được diễn tả bằng những hình ảnh cụ thể hơn là bằng những ý niệm trừu tượng. Ý kiến nào lọt vào đầu óc người bình dân tức khắc biến thành một hình ảnh cụ thể, không chút khó nhọc gì cả.

Có thể có người khó tính cho rằng đó là một dấu hiệu của sự kém cỏi về lý trí: người bình dân không có khả năng vươn lên tới các ý niệm trừu tượng để lý luận tổng quát. Nhận xét đó có thể đúng một phần nào, nhưng riêng chúng tôi nghĩ khác. Theo thiển ý, không phải người bình dân không đủ khả năng lý luận, và hình ảnh cụ thể chỉ là cách tự nhiên hắn diễn tả tư tưởng và lý luận chứ không phải là một giới hạn của khả năng suy nghĩ của hắn. Ta cứ lấy vài câu tục ngữ ca dao thì đủ biết.

Muốn khuyên con cái phải lường thiện dù trong cảnh nghèo hèn, người bình dân nói gì? Hắn ví ngay sự giầu sang với chiếc áo đẹp:

Tốt danh hơn lành áo

Khi muốn tán dương đức tính nhẫn nại cần cù để vượt mọi khó khăn, hắn nghĩ ngay đến

Nước chảy đá mòn.

Muốn khuyên bảo người ta nên bớt ham muốn, hắn so sánh những hạnh phúc ở đời với bông hoa lộng lẫy và nụ hoa khiêm tốn:

Có hoa mừng hoa,
Có nụ mừng nụ.

Từ tục ngữ, sang ca dao. Một thanh niên muốn hỏi một thiếu nữ mà hắn thầm yêu xem nàng đã có ý trung nhân chưa, hắn không sỗ sàng hỏi thẳng, mà nhờ loài thảo mộc hỏi thay mình:

–Bây giờ thì mận hỏi đào
Vườn hồng đã có ai vào hay chưa ?
– Mận hỏi thì đào xin thưa
Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.

Giả dụ cô con gái chê chàng trai là không xứng đáng với mình. Cô sẽ không nói thẳng mà ví von:

Thân chị như cánh hoa sen,
Em như bèo bọt chẳng chen được nào.

Vài tỷ dụ nêu trên tưởng cũng quá đủ để nói lên đặc điểm của văn chương bình dân, là khéo diễn tả bằng những hình ảnh cụ thể những tư tưởng trừu tượng nhất, tế nhị nhất.

C - Đã nắm được cái đặc điểm đó rồi, bây giờ ta thử xem nó đưa tới kết quả nào khi văn chương bình dân tả cảnh, tả người, tả tình và kể truyện.

1) Tả cảnh - Chúng ta đều biết rằng đối với nho sĩ, cảnh chỉ là phản ảnh của tâm hồn:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?

Và nho sĩ thường tả cảnh rất đơn sơ, chỉ dùng vài nét phác họa thôi. Văn chương bình dân cũng vậy, cũng coi tâm hồn là chính, ngoại cảnh là phụ, nên cũng rất đơn sơ. Tuy nhiên, có khác những bức tả

cảnh của nho sĩ ở hai điểm sau đây:

— Một là các cảnh vật tả trong văn chương bình dân đều là những cảnh vật thông thường, riêng cho Việt Nam, chứ không phải là những cảnh ít nhiều bịa đặt phỏng theo văn chương Trung Hoa. Không hề nói đến tuyết mùa đông, lá vàng mùa thu, thành xây khói biếc, mà chỉ có ruộng lúa, nhà tranh, trăng sáng.

— Hai là để tả cảnh, người bình dân không hề xử dụng những điển tích lịch sử hoặc văn chương như các nho sĩ thường dùng. Ví dụ:

Rủ nhau đi cấy đi cầy
Bây giờ khó nhọc có ngày phong lưu.
Trên đồng cạn, dưới đồng sâu,
Chồng cầy vợ cấy, con trâu đi bừa.

Đây là bức tranh tả đèo Hải Vân:

Chiều chiều mây phủ Hải Vân,
Chim kêu gành đá, gầm thân lại buồn.

Tất cả thi vị của cố đô Huế được khêu gợi lên trong câu ca dao sau đây:

Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương.

Và tất cả vẻ man rợ của đất mới khai hoang miền Nam được gợi lên trong câu này:

Trời xanh, kinh đỏ, đất xanh,
Đìa bu, muỗi căn làm anh nhớ nàng.

2) Tả người - Văn chương bình dân tả chân hơn văn chương bác học. Trong quyển Kiều của nho sĩ Nguyễn Du, chúng ta thán phục những bức tranh tả mỹ nhân, công tử hào hoa, Sở Khanh, anh chàng sợ vợ, đồ phụ, bậc anh hùng, v. v. Tuy nhiên, những bức ảnh đó tượng trưng hơn là tả chân. Với văn chương bình dân thì khác, có những nét thật rõ rệt.

— Cô gái đẹp:

Cổ tay em trắng như ngà
Con mắt em liếc như là dao cau.
Miệng cười như thể hoa ngâu
Cái khăn đội đầu như thể hoa soan.

— Người anh hùng:

Đây ta như cây giữa rừng
Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.

— Ông tướng bất đắc dĩ:

Đốn rằng quan tướng có danh,
Cưỡi ngựa một mình chẳng phải vịn ai !

Dù sao, người bình dân Việt Nam, cũng như nho sĩ Việt Nam,

không thích tả người tỉ mỉ. Chúng ta phải nhận rằng tả người không phải là một ưu điểm của văn chương Việt Nam, dù là bình dân hay bác học. Tại sao thế? Phải chăng vì dân ta khinh vật chất, trọng tinh thần? Hoặc vì tính e dè cà thẹn, không bao giờ mặc quần áo hở hang, nên tả người cũng kín đáo?

3) Tả tình - Trái lại, văn chương Việt Nam rất xuất sắc trong việc tả tình. Nhất là người bình dân nghĩ sao nói vậy, không hề loanh quanh. Ví dụ:

— Tình mẹ đằm thắm trái với tình con sơ sài:

Mẹ nuôi con biển hồ lai láng,
Con nuôi mẹ tính tháng tính ngày.

— Nết ghen tuông:

Gái nào là gái chẳng hay ghen chồng ?
Vôi nào là vôi chẳng nồng ?
Gái nào là gái có chồng chẳng ghen ?

— Nỗi niềm than tiếc muộn màng:

Ba đồng một mớ trầu cay,
Sao anh chẳng hỏi những ngày còn không ?
Bây giờ em đã có chồng
Như chim vào lồng, như cá cắn câu.
Cá cắn câu biết đâu mà gỡ,
Chim vào lồng biết thuở nào ra ?

4) Kể truyện - Các truyện của văn chương bác học thường có khuyết điểm là bị gò bó trong một công thức quá chặt chẽ:

Mở đầu bao giờ cũng bằng vài tư tưởng đạo đức hoặc triết lý. Rồi đến sự giới thiệu các nhân vật trong truyện.

Cốt truyện vô cùng rắc rối, cho xen vào những chi tiết hoang đường, nhưng rút cục lại vẫn theo công thức sau đây: người hiền bị thiên ma bách triết, còn kẻ ác thì tạm thời may mắn lên như diều.

Và kết cục bao giờ cũng là chính thắng tà. Và vài tư tưởng đạo đức hoặc triết lý lại kết thúc cầu truyện.

Những quy luật đó được theo đúng trong tất cả các truyện cổ bằng thơ, kể cả những tác phẩm bất hủ như Đoạn Trường Tân Thanh, Lục Vân Tiên, chỉ bù lại cái nhược điểm ước lệ đó bằng lời văn điêu luyện tuyệt tác.

Trái lại, những truyện cổ tích và ca dao của văn chương bình dân thì đã vượt qua được những gò bó đó. Vào đề thì nhanh chóng, cốt truyện thì giản dị. Còn kết cục thì nhiều khi bất ngờ, có thể hợp với đạo lý, hoặc không. Phần nhiều thì hợp đạo lý, vì người bình dân Việt Nam, dù sao cũng thấm nhuần tư tưởng Nho, Thích, Lão. Nhưng cũng đôi khi kết cục trái ngược hẳn, hoặc để làm trò cười, hoặc để

chống đối những bất công của xã hội. Ví dụ bài ca dao sau đây:

Em là con gái đồng trinh
Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè.
Ông Nghè cho lính ra ve.
– Trăm lạy ông Nghè, tôi đã có con.
– Có con thì mặc có con,
Thắt lưng cho dồn, theo vống cho mau !

Đó há chẳng phải là một màn hài kịch sôi động? Một cô gái bán rượu đi qua dinh ông Nghè. Mặc dầu ở địa vị nhỉ mục quan chiêm, ông Nghè không thắng nổi thú tính dâm dật, thay vì phải nêu gương đức hạnh cho dân bản hạt. Tự mình ông không lẽ ra ve gái giữa đường, ông bèn sai lính ra ve. Đó là cách hành động thông thường của các vị quan to, buôn lậu, che chở ổ điếm, nhưng sai bộ hạ đứng tên lãm bình phong. Cô gái bán rượu lãm kế hoãn binh, nói rằng mình đã có chồng con, vì cô còn tin tưởng rằng ít nhất người ta cũng phải nể vì một người vợ, một người mẹ. Nhưng vô ích, cơ thừa nào mèo lại chê một miếng mỡ vì miếng mỡ không còn nguyên vẹn? Thế là cô gái bán rượu bị đẩy vào dinh quan Nghè, một đồ đệ có bằng cấp của đức thánh Khổng.

Bây giờ xin xét đến các truyện cổ tích bằng tản văn, và lấy truyện "Con gà thiến" làm điển hình. Truyện như sau: Một tên quan thị trong phủ chúa Trịnh rất khoe khoang vì có một con gà trọi rất khoẻ, đã từng thắng nhiều trận. Trạng Quỳnh nghe đồn, ghét lắm, bèn phao tin rằng mình cũng có một con gà chọi rất khoẻ. Tên quan thị tức tốc đến nhà Trạng, thách đấu. Trạng nhún nhường từ chối, nói rằng con gà của mình bất lực, chắc phải thua. Nhưng tên quan thị càng lên mặt, thách đấu ăn tiền, trước sự chứng giám của đông khán giả. Cuối cùng Trạng bằng lòng.



Đến ngày đấu, tên quan thị mang tới con gà bách chiến bách thắng của hắn, còn Trạng đem tới một con gà rất to xác, nhưng là gà thiến. Chỉ mới hiệp đầu, con gà thiến bị con gà kia mổ và đá tơi bời, chạy chối chết. Tên quan thị vênh vang, đòi tiền được cuộc. Trạng bèn ôm con gà thiến vào lòng, và bảo nó rằng: "Gà ơi, mày đã bị thiến, không biết thân phận mà còn đòi diễu võ dương oai với thiên hạ à? Đáng chết lắm, con ơi!" Nghe thấy thế, tên quan thị bỗng ngửng tiếng cười, lủi thủi ôm gà về nhà, không dám đòi tiền được cuộc nữa. Kết cục thật là bất ngờ đột ngột, dù các bậc kể truyện tài tình ngày nay cũng khó mà làm hơn được.

II - GÍA TRỊ VỀ PHƯƠNG DIỆN XÃ HỘI HỌC

Đọc lại các tác phẩm văn chương bác học từ đời Lý cho đến mãi giữa thế kỷ 19, chúng ta nhận thấy thiếu hẳn những tài liệu về đời sống cổ xưa. Các nho sĩ cho ta biết rất nhiều về quan niệm của họ về ái tình, trung, hiếu, tôn giáo, v. v. như thế nào. Nhưng về cách ăn ở, làm việc mưu sinh, trật tự xã hội, thì họ cho đó là những vấn đề quá tầm thường không đáng chú ý. Mãi đến Nguyễn Khuyến và Trần Tế Xương mới tả chân xã hội Việt Nam ở cuối thế kỷ 19, nhưng thời đại hai nhà văn đó đã không còn hoàn toàn thuộc về cổ Việt Nam nữa, đã đánh dấu cáo chung của thời đại hoàng kim của nhà nho rồi. Vậy trường hợp đặc lệ của họ không phủ nhận được mà trái lại khẳng định sự thiếu sót của văn chương bác học về phương diện xã hội học.

Đó là một thiếu sót rất đáng tiếc để căn cứ vào đó mà hiểu rõ tâm lý của dân tộc Việt Nam, của văn hóa Việt Nam. Vì tư tưởng và cảm tình đều bị nhào nặn bởi những điều kiện sinh sống vật lý, đó là một chân lý mà ngày nay chúng ta đã làm quen và chấp nhận. May thay, cái khuyết điểm đó của văn chương bác học đã được bổ khuyết một phần nào bởi văn chương bình dân. Chúng tôi nói: một phần nào thôi, vì những câu tục ngữ, ca dao và truyện cổ tích dù sao cũng chỉ có thể cho ta biết qua về đời sống kinh tế và xã hội thời xưa, chứ không thể nào rành rọt bằng một bài khảo cứu công phu căn cứ vào sử học, địa lý học, phong tục học, khảo cổ học, v. v.

A - Đời sống kinh tế

Việt Nam thủa xưa dĩ nông vi bản. An ninh xã hội, sự vững chắc của chính quyền, sự phát triển mỹ thuật, đình đám hội hè, cái gì cũng tốt đẹp khi được mùa, cái gì cũng ngả nghiêng khi mất mùa.

Do đó ta không lấy gì làm lạ khi thấy văn chương bình dân dành ưu tiên cho công việc đồng áng.

– Tấc đất tấc vàng
– Người đẹp về lụa
Lúa tốt về phân
– Ăn kỹ no lâu
Cầy sâu tốt lúa
– Cầy đồng đương buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

Canh nông ngự trị đời sống dân Việt Nam đến nỗi lịch cũng là một thứ lịch canh nông :

Tháng chạp là tháng trồng khoai
Tháng giêng trồng đậu tháng hai trồng cà
Tháng ba cày vỡ ruộng ra
Tháng tư làm mạ, mưa sa đầy đồng.

Ai ai cũng vợ cũng chồng
Chồng cày vợ cấy trong lòng vui thay !
Tháng năm gặt hái đã xong
Nhổ trồi một mẫu năm nong thóc đầy

Và nhiều tục ngữ ca dao dành cho việc tiên đoán thời tiết:

– Muốn ăn lúa tháng năm
Xem trăng rằm tháng tám
– Quầng cạn tán mưa.
– Mỡ gà thì gió
– Mỡ chó thì mưa (màu sắc của mây)
– Mùa hè đang nắng
Cỏ gà trắng thì mưa
– Tháng bảy heo may
Chuồn chuồn bay thì bão.

Tuy nhiên, nếu hoạt động canh nông là chính trong đời sống dân Việt Nam thì cũng để chỗ cho vài hoạt động kinh tế khác vì bản chất canh nông là theo mùa mưa nắng, nóng lạnh, nên có nhiều ngày trong năm nhà nông phải nghỉ việc đồng áng. Vậy ngoài canh nông, họ làm gì ?

Trước hết là việc nuôi gia súc, nhưng vì ở đồng bằng đất qúi giá phải dùng vào việc canh nông, không thể biến thành đồng cỏ để phát triển việc nuôi trâu bò. Do đó, việc nuôi gia súc chỉ chú trọng vào thả cá, và nuôi chó, lợn, gà vịt.

– Thứ nhất thả cá
Thứ nhì gá bạc.
– Lợi thì nuôi lợn nái
Hại thì nuôi bồ câu
– Chó khôn tử tức huyền đều
Tai thì hỏi cụp, đuôi thì hỏi cong
Giống nào mồm nhọn đít vồng
Ăn cơm cặn bẩy ấy không ra gì
– Gà nâu chân thấp mình to
Đẻ nhiều trứng lớn con vừa khéo nuôi
Chả nên nuôi giống pha mùi
Đẻ không được mấy, con nuôi vụng về.

Còn việc đánh cá thì trừ ở miền duyên hải và ở các hồ ao, ruộng ngập, người ta cũng câu hoặc lưới cá, nhưng ít có ốc mạo hiểm đi đánh cá ở biển cả, xa lục địa.

Họ cũng không thích buôn bán, đến nỗi đặt nghề thương vào hạng chót trong tứ dân. Một phần có thể vì tổ tiên chúng ta đồng ý với phái Physiocrates, cho rằng chỉ có canh nông là hoạt động thực sự sản xuất, còn hoạt động thương mại chẳng tạo được thêm sản phẩm

nào. Nhưng lý chính là tổ tiên chúng ta coi mối lợi của nhà buôn căn cứ trên sự buôn rẻ bán đắt, dùng trí xảo quyệt để bóc lột cả người sản xuất lẫn người tiêu thụ. Âu đó cũng là một thái độ tự nhiên trong xã hội đạo đức cổ thời.

Cũng vì vậy mà sau sĩ và nông, công được đặt vào hạng thứ ba, trên thương. Công gồm tất cả các tiểu công nghệ như thợ rèn, thợ mộc, làm giầy dép, làm đồ gốm, v. v. và vài hoạt động dành riêng cho phụ nữ như kéo sợi, dệt vải, tằm tang, hái chè, v. v.

– Em đi hái dâu
Lá dâu xanh xanh
Nuôi tằm dệt áo đăng anh chờ ngày.
– Sáng trăng trải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.

Hoạt động tiểu công nghệ thủa xưa có 2 đặc điểm:

— Một là nó có tính cách gia đình, trước khi nước ta thuộc đô hộ Pháp. Thủa xưa không có những xưởng tiểu công nghệ, qui tụ nhiều công nhân ăn lương ngày hay tháng, hoặc lãnh nguyên liệu và dụng cụ của chủ về nhà làm rồi đem sản phẩm đã chế biến xong đến chủ để nhận tiền công. Người thợ thủa xưa làm việc cho chính mình, với nguyên liệu và dụng cụ của mình, và tự mình bán lấy sản phẩm làm ra. Kết quả tất nhiên của sự trạng đó có thể rất trái ngược nhau: hoặc là sản phẩm rất thô sơ, như mâm gỗ, nồi niêu, hoặc là rất tỉ mỉ, công phu, của vài người thợ có óc thẩm mỹ, say mê với nghề nghiệp của mình. Ví dụ vào thượng bán thế kỷ này, ta còn được trông thấy vài cái tủ chè khảm sà cừ, vài đôi câu đối, hoành phi, hoặc vài bộ ngai thờ xứng đáng là những tác phẩm tuyệt mỹ. Sau cuộc binh lửa 1945-54, chúng ta chỉ còn thấy những đồ làm với máy móc, thật nhanh chóng, nhưng thiếu hẳn cái "hồn" của người thợ làm ra nó.

— Hai là mặc dù tiểu công nghệ nói chung có tính cách gia đình, nghĩa là khắp nước đâu đâu cũng thế, nhưng trong vài ngành đặc biệt nó chỉ nổi danh trong vài địa phương, như:

– Dưa La, cà Láng, tương Bần
Nước mắm Vạn Vân, cá rô đầm Set.
– Ước gì anh lấy được nàng
Để anh mua gạch Bát Tràng về xây.

Cái tính cách địa phương đó có thể cắt nghĩa bằng một số điều kiện thủy thổ đặc biệt thuận tiện cho việc trồng dưa, trồng cà, nung đất thành gạch. Nhưng một phần cũng vì dân ta có óc hẹp hòi, giữ riêng cho gia đình mình hoặc làng xóm mình vài bí mật chế tạo, như tương Bần Yên Nhân, nước mắm Vân Hải, và nhất là các bài thuốc gia truyền, không bao giờ truyền cho người ngoài.



HÃY NỖ LỰC CỔ ĐỘNG VÀ NUÔI DƯỠNG DIỄN ĐÀN THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT TỊ NẠN

B - Đời sống xã hội

Ngày nay, với những tiến bộ khoa học, thế giới đã trở nên nhỏ hẹp. Tầu thủy, tầu hỏa, xe hơi, máy bay, rồi vô tuyến truyền thanh và truyền hình đã thắng được cả không gian lẫn thời gian, khiến cho chúng ta, dù muốn dù không, đều biết tin tức và có khi chịu ảnh hưởng của những biến cố xảy ra tận đầu đầu. Ngày xưa không thế, mỗi làng xã là một thế giới riêng biệt. Người xưa rất ít đi xa, chỉ trong những trường hợp bất đắc dĩ như lên tỉnh để hầu kiện, hoặc các ông cử phải vào kinh đô để dự kỳ thi hội, thi đình. Có rất nhiều người cả đời chưa bao giờ ra khỏi tỉnh nhà hoặc huyện nhà. Vả đi xa để làm gì? Họ tự túc sống trên ruộng đất họ, kết hôn và kết bạn trong láng giềng, và làng xã tự cai trị lấy. Tất cả các nhu cầu kinh tế, tình cảm và xã hội đều được thỏa mãn tại chỗ: tự túc trên mọi phương diện.

Và sự kiện tự túc đó không phải chỉ được tượng trưng mà được thực hiện bằng tổ chức pháp lý làng xã, có ruộng công điền, có bộ máy cai trị độc lập, có lệ luật riêng biệt, có thành hoàng, đình làng, chùa làng và dân làng. Kết hôn với người ở một làng khác, dù là cùng huyện, cũng được gọi là lấy chồng, lấy vợ thiên hạ. Và dân cư ngụ không được hưởng đầy đủ quyền lợi như dân bản xã, cho tới khi họ đủ điều kiện để nhập tịch, có khi phải sau vài thế hệ. Xin nhắc lại sơ qua vài câu tục ngữ diễn tả sự trạng đó:

– Chợ có lệ
Quê có thói
– Phép vua thua lệ làng.
– Một miếng giữa làng
Bằng sàng xó bếp.

Do đâu mà có tư tưởng địa phương nông cạn như vậy? Có thể đó là di tích của chế độ bộ lạc thời vua Hùng, lúc đó mỗi bộ lạc chỉ vâng mệnh vị lãnh chúa địa phương mà thôi. Và cũng có thể đó là kết quả của chính sách nhà Trần, tổ chức mỗi xã như một tiểu triều đình, có xã quan, quyền xử án, có công điền công thổ, để giới hạn tham vọng của những người có chí lớn trong vòng lũy tre xanh mà thôi.

Dù là do nguyên nhân nào, thì rõ rệt là thủa xưa, hoạt động chính trị và xã hội của dân quê chỉ giới hạn trong phạm vi làng xã. Ta có thể tự hỏi: làng xã có đủ để thỏa mãn mọi khát vọng không? Ngày nay chúng ta có muôn vạn thứ giải trí: chiếu bóng, vô tuyến truyền thanh và truyền hình, du lịch, và cũng muôn ngàn mối ưu tư: chính trị quốc tế và quốc nội, thuế má, vật giá leo thang, và những cạnh tranh ghen ghét nhỏ nhen giữa bạn đồng sự, giữa đồng chí, giữa các nhà buôn, các nhà kỹ nghệ với nhau v. v., có lẽ chúng ta cho rằng cái đời sống tù hãm trong "bùn lầy nước đọng" thủa xưa là vô vị. Nhưng không!

trái lại, tổ tiên chúng ta biết tìm trong cái đời sống kín mít đó rất nhiều cảm hứng sôi nổi mà cuộc sống hiện tại, máy móc, vật chất, tàn bạo đã làm tê liệt trong trí óc chúng ta một phần nào.

Trước hết, chúng tôi muốn nói đến những sự việc quan trọng trong một đời người, như học hành thi cử, kết hôn, sinh con đẻ cái, ăn khao dù chỉ là lên lão, rồi sinh ly tử biệt. Mỗi một sự việc đó, trừ việc tử, đều được đánh dấu bằng những bữa tiệc có thể dài, tùy theo gia sản đương sự, một hay nhiều ngày. Nhất là trong những việc hỷ, như thi đỗ, hôn nhân, thì người ta mổ bò, mổ lợn, lăm gà vịt để thết đãi gần khắp mặt người trong làng. Để giúp vui cho bữa tiệc, người ta lại còn mời những gánh hát hoặc đào nương, và tổ chức những chiếu tổ tôm, bàn đèn thuốc phiện. Ngay cả việc hiếu cũng nhộn nhịp. Lẽ tự nhiên, con cháu người quá cố phải khóc lóc và không có gánh hát đến làm trò náo nhiệt, nhưng đã có những cuộc tụng kinh với chiêng trống náo bạt ồn ào không kém. Và những bữa tiệc chia buồn rất linh đình vẫn có, có khi có cả chiếu tổ tôm và bàn đèn thuốc phiện. Bởi vì, theo quan niệm của dân Việt Nam chúng ta, sống gửi thác về, tử giả cố đồi tạm bợ nay để trở về quê hương vĩnh viễn của linh hồn là việc đáng mừng hơn là đáng buồn cho người quá cố, chỉ buồn cho người ở lại mà thôi. Và một khi ta đã hiểu quan niệm đó rồi, thì sẽ không còn gì phải ngạc nhiên khi thấy một đám tang tưng bừng hơn là buồn thảm. Dù người sống có đau buồn vì nỗi tử biệt, nhưng vẫn đưa tiễn người quá cố trọng thể như một cuộc vinh qui về đất Phật.

Bên cạnh những ngày lễ gia đình đó, còn có những khánh tiết công cộng nhiều vô kể, mà chúng ta có thể sắp xếp vào hai loại: những khánh tiết quốc gia và những khánh tiết làng xã. Nhóm thứ nhất gồm những lễ theo lịch như Nguyên Đán, Trung Thu, Hàn Thực, Đoan Ngọ, tết cơm mới. Rồi đến các khánh tiết tôn giáo như Phật Đản, Phật thành đạo, Xá tội vong nhân, trẩy chùa Hương, thỏ đức Bồ Tát Quán Thế Âm, trẩy Phủ Giầy thờ đức bà Liễu Hạnh v. v. Và cuối cùng là những khánh tiết để ghi công ơn tổ như lễ giỗ Hùng Vương hoặc những bậc anh hùng như đức thánh Phù Đổng, Hai Bà Trưng, Hưng Đạo Vương, v. v.

Những khánh tiết của làng xóm không kém quan trọng. Cốt để nhớ ơn công đức của đức Thành Hoàng, có đủ rước sách, tế lễ, hát chèo, rồi tiệc tùng linh đình. Xin trích ra sau đây vài câu ca dao về hội làng:

– Bói Đăm, rước Đá, hội Thầy,
Vui thì vui vậy chẳng tày giá La
– Dù ai buôn đâu bán đâu,
Mồng mười tháng tám chọi trâu thì về (Đồ Sơn)

– Làng ta mở hội vui mừng
Chuông kêu trống đánh vang lừng đôi bên
Long ngai thánh ngự ở trên
Tả văn hữu vũ bốn bên rồng chầu

Có làng như làng Mọc Quan Nhân ở Hà Đông, mười năm một lần mới mở hội cực lớn. Trong mười năm, họ để dành tiền, để năm thứ mười có một ngân quĩ đồi dào đủ để tổ chức lễ trong cả một tuần lễ. Không những họ mời các quan viên kỹ mục ở các làng bên và ở Hà Nội đến dự tiệc liên miên, họ còn tổ chức đủ trò vui như cờ người, leo đu, bói chải, đánh vật, hát chèo v. v. để tiêu cho hết trong một tuần lễ số tiền đã dành dum trong mười năm.

Nhưng khánh tiết quan trọng nhất và được phổ biến trong toàn dân vẫn là Tết Nguyên-Đán. Mọi người đều sửa soạn Tết từ trước một tháng. Nhà cửa được quét vôi lại, câu đối đỏ và các tranh Tết được dán la liệt trên tường hoặc cột nhà. Và đến gần ngày Tết, người ta dự trữ thực phẩm cho cả tháng: gạo, đậu, gà, vịt, thịt lợn, thit bò, cá kho v.v. Nói tóm lại, ai cũng muốn hưởng một cái Tết thật đầy đủ, lịch sự, người giàu thì tiêu tiền không kể, còn người nghèo thì mang công mắc nợ để ganh với thiên hạ. Do đó, có câu tục ngữ:

Tết đến sau lưng
Ông vải thì mừng, con cháu thì lo.

Và việc lễ tổ tiên cũng theo một thứ tự rất nghiêm:

Mồng một thì ở nhà cha,
Mồng hai nhà vợ, mồng ba nhà thầy.

III - GIÁ TRỊ VỀ PHƯƠNG DIỆN TÂM LÝ HỌC

Chúng ta có quyền nghĩ rằng tất cả người Việt Nam, dù là nho sĩ hay bình dân, đều có tâm lý như nhau. Rất đúng; tuy nhiên cũng có vài điểm khác biệt về chi tiết. Cả hai đều thấm nhuần tám giáo: Nho, Thích, Lão, nhưng mỗi bên hiểu tam giáo hơi khác nhau.

A - Về Nho giáo

Những nét chính của Nho giáo là: đạo thần tử, đạo làm con, đạo làm vợ, sự phân biệt nam nữ, và ưu thế của lý trí trên tình cảm và bản năng.

1) Nhà nho coi việc trung quân là một bổn phận thiêng liêng, không thể đem ra bàn cãi. Cố nhiên, vì hoàn cảnh và thời thế biến đổi, họ có thể và đã hi sinh vì những giống họ vua chúa khác nhau, như Lý, Trần, Hồ, Lê, Mạc, Trịnh, Nguyễn, nhưng nguyên tắc trung quân vẫn không hề biến đổi. Ngay đến hạ bán thế kỷ 19, khi Pháp đặt nền đô hộ ở Nam Kỳ, Tôn Thọ Tường là một trong số những nho sĩ theo Tây đầu tiên, vẫn cãi rằng mình không phản quốc và chỉ phục vụ tân trào để tránh cho dân chúng sự tàn sát chắc chắn trong một cuộc chiến đấu

chá chênh lệch. Còn những nhà nho chiến đấu tới hơi thở cuối cùng như Phan Đình Phùng, và cả những nhà nho bất đắc dĩ phải ra làm việc với Chính Phủ Bảo Hộ như Nguyễn Khuyến vẫn không đổi chí hướng.

Người bình dân có thái độ hơi khác. Họ chỉ mong được sống yên ổn. Và đối với việc nước họ dửng dưng, như nói lên trong câu ca dao:

Thành đổ đã có chúa xây
Việc gì gái góa lo ngày lo đêm?

Hoặc trái lại, khi bị áp bức, người bình dân chống chọi cả vua quan:

Làm trên ở chẳng chính ngôi
Khiến nên kẻ dưới chúng tôi hỗn hào.

Những cuộc khởi nghĩa của nông dân không hiếm gì trong lịch sử Việt Nam. Cuối thời Lê Trịnh, và dưới thời Minh Mạng, Tự Đức có hàng chục cuộc nổi loạn không phải do nho sĩ quí tộc mà do nông dân chân lấm tay bùn cầm đầu. Chứng tỏ người bình dân không coi trọng nghĩa quân thần như nho sĩ.

2) Gia pháp của Khổng học là

— Xuất giá tòng phu, vợ phải theo chồng

và — Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu: con lúc nào cũng phải phục tòng cha mẹ.

Luân lý đó từ Tàu đem sang nước ta, đã bớt đi một phần khắc nghiệt ngay ở cả trong các gia đình nho sĩ, nhưng dù sao vẫn có hiệu lực cho mãi tới đầu thế kỷ này (tiểu thuyết Nửa Chừng Xuân của Khái Hưng là một tỉ dụ điển hình).

Trong các gia đình bình dân, phụ quyền không mạnh mẽ đến thế, và nhất là đối sống vợ chồng, tuy đôi khi thô bạo, thường cẳng tay hạ cẳng chân, nhưng lại mặn mà chân thật hơn:

Đây là anh chồng sau khi nóng đánh vợ, hối hận xin lỗi:

Đêm nằm nghe trống sang canh
Nghe sư gõ mõ, nghe anh dỗ nàng

Và chị vợ sẵn sàng tha thứ:

Yêu anh cốt rữ xương mòn
Yêu anh đến thác vẫn còn yêu anh.

Nhiều khi, người vợ nắm toàn quyền trong gia đình:

Lệnh ông không bằng cồng bà

vì đàn bà thường đảm đang, buôn bán nuôi chồng, ngay đến ông Tú Xương còn phải nể vì bà Tú, hướng hồ các anh chồng bị thịt đốt nát.

3) Khổng giáo đặt ra nguyên tắc trọng nam khinh nữ, vì lẽ chỉ đàn ông mới đảm đương được việc hương hỏa, nên mới có phán quyết: "Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại", được bình dân diễn ra bằng câu:

Một trai là có
Mười gái là không.

Tuy vậy, phụ nữ bình dân không dễ dàng chấp nhận sự bất bình đẳng đó và dám nói lên:

Ba đồng một mớ đàn ông
Đem về mà bỏ vào lồng cho kiến nó tha.
Ba trăm một mụ đàn bà
Đem về mà giải chiếu hoa cho ngồi.

Câu "nam nữ thụ thụ bất thân" được tôn trọng triệt để trong các gia đình nho sĩ, cũng ít được áp dụng trong các gia đình bình dân, vì lẽ giản dị trong các công việc canh nông, trai gái láng có nhiều dịp làm quen, hát hỏng với nhau, hơn là trai gái tỉnh thành. Ở Bắc Ninh còn có tục lệ khá kỳ lạ, là trong các hội hè khi hát, gái có chồng hát hay gặp trai ngang tài có thể mời người đó về nhà để thết đãi, chồng lấy làm hãnh diện là có vợ hát hay được thiên hạ để ý.

4) Lý trí thắng tình cảm và bản năng. Nho giáo lúc nào cũng khuyên đệ tử xử sự theo đạo lý, lý trí, mắt không được ngắm sắc đẹp không phải là vợ mình, tai không được nghe tiếng đàn dâm đãng, tâm không được nổi lên tà dục. Sự cấm đoán đó có khi khiến nhà nho phải phát tiết tình cảm bị dồn ép bằng những bài thơ ý tục tiếu dưới hình thức thanh tao, điển hình nhất là các bài thơ của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

Người bình dân giản dị hơn, và để mặc cho tình cảm và bản năng tỏ lộ một cách tự nhiên. Đây là lời một goá phụ sắp đi tái giá:

Hỡi thằng cu lớn, hỡi thằng cu bé,
Cu tí, cu tị, cu tì, cu tì ơi!
Con dậy con ăn con ở với bà,
Để mẹ đi kiếm một vài con thêm.
Cha con chết đi trong bụng mẹ nó hãy còn thèm,
Mẹ xem quẻ bói vẫn còn đàn em trong bụng này.
Con ra gọi chú vào đây,
Để mẹ giao trả cái cơ nghiệp này mẹ bước đi.

B - Về Phật giáo và Lão giáo

Sau đời Lý, Trần, Phật giáo đã bắt đầu biến thể, kể cả trong giới nho sĩ. Từ một tôn giáo giải thoát bằng từ bi hỉ xả, nghĩa là rất tích cực, Phật giáo trở thành tiêu cực, nói ẩn cư của những tinh thần đau khổ đã bị cuộc đời dày vò. Thi hào Nguyễn Du, trong truyện Đoạn Trường Tân Thanh và trong bài Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh đã tiêu biểu cho quan niệm đó.

Đến người bình dân thì phần tinh hoa của Phật giáo gần như mất hẳn, và chỉ còn giữ lại những lễ nghi hình thức:

– Đi lễ quanh năm
Không bằng ngày rằm tháng giêng.
– Đi với Bụt mặc áo cà sa
Đi với ma mặc áo giấy

Trong các truyện cổ tích, Phật hay Bụt thường hay xuất hiện để thưởng thiện phạt ác, vì có lẽ Phật giáo chỉ đem lại cho người bình dân niềm tin tưởng bền vững vào thuyết Nhân Quả:

– Ở hiền gặp lành
– Ác giả ác báo

Lão giáo cũng vậy, từ một triết lý cao thượng, theo đạo tự nhiên của Càn Khôn vũ trụ, vô vi chứ không bất vi, đã biến thể trong giới nho sĩ thành một thái độ tiêu cực, tin vào thuyết Định Mệnh (như trong Cung Oán Ngâm Khúc). Đến người bình dân thì còn hạ thấp xuống thành mê tín địa lý phong thủy:

– Đời trước đắp nấm
Đời sau âm mồ
– Sống về mồ mả
Không sống về cả bát cơm.



hoặc tin ngày tốt ngày xấu:

Mồng năm, mười bốn, hăm ba,
Cứ ba ngày ấy đừng đi ra đường.

Lão giáo còn biến thể thành phép tu tiên, trường sinh bất tử, trong giới nho sĩ cũng có người tin như vậy (truyện Bích Câu Kỳ Ngộ). Đến tay người bình dân, thì tiên chẳng còn gì cao thượng nữa, cũng có những nhược điểm như người trần, chỉ hơn người trần là ở cõi tiên và có cánh bay (truyện Cô Tiên lấy anh gánh nước).

Về quỷ thần yêu ma, giới nho sĩ thường tuân theo lời dậy của đức Khổng "Quỷ thần kính nhi viễn chi". Nhưng người bình dân thì tin lắm, đến nỗi thời xưa có rất nhiều cây cổ thụ được coi là nơi trú ngụ của yêu ma, nên được thờ cúng sì sụp. Thời Lê mạt còn để lại cho chúng ta một chứng tích:

Long Thành có bốn yêu tinh:
Yêu hồ trước Giám, yêu đình Đồng Xuân,
Yêu cây bàng giữa hàng Cân,
Yêu gốc cây liễu giữa sân chùa Tầu.

Và cho đến thời loạn ly triều Tự Đức và dai dẳng cho đến cuối thế kỷ 19, người ta còn thờ một con yêu khét tiếng là Cô Quyến ở một cây đa phố hàng Bông, đến nỗi một quãng phố đó được gọi là hàng Bông Cô Quyến.

Cuối cùng, ta có thể kể vào ảnh hưởng của Lão giáo khuynh hướng ưa nhàn hưởng lạc của nho sĩ dãi lưng tôn vải. Người bình dân chăm chỉ làm việc hơn để mưu sinh, nhưng cũng không khỏi chịu ảnh hưởng đó:

– Lắm thóc nhọc xay
– Trời sinh voi trời sinh cỏ
– Ai ơi chơi lấy kẻo già
Măng mọc có lứa, người ta có thì
Chơi xuân kẻo hết xuân đi,
Cái già sồng sộc nó thì theo sau.

KẾT LUẬN

Khuôn khổ tập kỷ yếu này đã bắt buộc chúng tôi phải cô đọng trong một số ít trang vài ý kiến chính về văn chương bình dân. Đề tài đó, nếu được khai thác triệt để hớn, có thể đem lại thêm một số nhận xét mới mẻ bất ngờ. Văn hóa Việt Nam đã thể hiện qua hai lối văn chương: bác học và bình dân, cũng như:

Sông Thương nước chảy đôi dòng,
Đèn khêu đôi ngọn, anh trông ngọn nào ?
Muốn tắm mát anh lên ngọn sông Đào,
Muốn ăn sim chín thì vào rừng xanh.

Văn chương bác học thì thanh khiết như ngọn sông Đào và cao quý như trái lệ chi, còn văn chương bình dân thì man rợ như khu rừng xanh nhưng không kém ý nhị như quả sim chín. Đành rằng tắm mát trong dòng nước thanh khiết và thưởng thức trái lệ chi là tuyệt thú nhưng đôi khi cũng nên phiêu lưu vào rừng xanh để hái một vài quả sim dại. ●

DƯƠNG ĐÌNH KHUÊ

LTS: Cụ Dương Đình Khuê đã ưu ái tặng Xác Định toàn bộ bản thảo các bài viết về Dân-Tộc học. Xác Định sẽ lần lượt đăng tải các bài trên trong các số kế tiếp.

PHỤ TRANG
PHẦN DÂN TỘC

NHỮNG CAO TRÀO CHỐNG PHÁP ĐẦU THẾ KỶ XX



PHỎNG VẤN

CỤ BÀ HOÀNG THỊ VỆ, 78 TUỔI, NÓI VỀ VÀI BIẾN CỐ VÀ TINH THẦN GIỚI PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG THẬP NIÊN 1920

Lời Tòa Soạn: "Ôn cố tri tân", tạm dịch là học lại những cái cũ, những cái đã xảy ra trong quá khứ để mà từ đó rút tỉa ra được những bài học, những kinh nghiệm cho tương lai. Cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc Việt Nam hiện nay gồm hai bước: Cứu Nước và Dựng Nước Tuổi trẻ Việt Nam tị nạn ở các nước người sẽ đóng góp được gì vào hai bước vận động cách mạng ấy nếu không chịu học hỏi lại cái lịch sử, tuy có nhiều thất bại nhưng không kém hào hùng, của ông cha ngày trước? Bánh xe tiến hóa của lịch sử sớm muộn gì rồi cũng sẽ xoay chuyển để nước Việt ta tìm thấy lại được cơ hội bước lên cho kịp với đà tiến hóa của nhân loại toàn cầu thì trách nhiệm lịch sử ấy sẽ do ai gánh vác nếu không phải là do tuổi trẻ Việt của thời đại này? Với ý thức ấy, XÁC ĐỊNH, số hai, xin hân hạnh giới thiệu Cụ Bà Hoàng Thị Vệ, 78 tuổi, kể chuyện với Xác Định về một vài biến cố lịch sử của những năm 1920 mà trong đó cụ vừa là một chứng nhân, vừa là một người có ít nhiều liên hệ. (Xin xem phần tóm tắt tiểu sử cụ Hoàng Thị Vệ).

XÁC ĐỊNH: " Là một nhân chứng và có tham gia ít nhiều vào phong trào xin giảm án cụ Phan Bội Châu (1925), xin cụ kể lại một vài chi tiết mà cụ còn nhớ được."

CỤ VỆ: Vào năm 1925 có tin cụ Phan Bội Châu bị bắt ở Tàu và giao cho bọn Tây và sẽ đưa về giam ở Hỏa Lò, Hà Nội. Sự kiện này khiến

làm nổi lên một phong trào đòi ân xá cụ Phan Bội Châu. Phong trào bắt đầu ở Bắc. Hồ Chí Minh lúc bấy giờ đang ở ngoài nước. Không biết bao nhiêu là đảng phái được thành lập, nào là Tân Việt, Phục Việt, Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội. . . Cộng sản lúc đó còn lẩn lút dưới các chiêu bài quốc gia chứ chưa dám ló ra mặt.

Đến khi cụ Phan được đưa về Việt Nam giam tại Hà Nội thì ôi chao từ Nam chí Bắc nổi lên một phong trào quần chúng đòi trả tự do cho cụ. Ngoài Hà Nội, các sinh viên học sinh tổ chức các cuộc biểu tình, ra thỉnh nguyện đòi ân xá cho cụ. Không biết sao mà họ tổ chức hay vậy, nào là các đoàn thể chính trị, sinh viên học sinh, ngay cả các chợ búa buôn bán ngành nghề nữa. Tinh thần lên cao lắm. Các thanh niên nam nữ đều sôi động cả.

Hồi đó, tui đang dạy học ở Đồng Khánh. Có một nhóm bạn gái cùng học với tui thường xuyên liên lạc với mấy đám sinh viên đại học Hà Nội nên tin tức ngoài nớ đưa vào đều lắm. Mấy cái thư ở Hà Nội cho biết các đám phụ nữ buôn thúng bán mẹt cho chí đến bọn học sinh con gái hoạt động hăng lắm. Có những tin như vậy nè. Có nhiều chị em phụ nữ giới tiểu thưởng chờ đón đường xe của lão toàn quyền hay bọn công chức Pháp cao cấp rồi họ quỳ cả xuống giữa đường dâng thỉnh nguyện.

Trường Đồng Khánh lúc bấy giờ nghe tin đó cũng hăng hái khích động lắm. Nói thiệt chớ đám tụi học trò lúc đó cũng lớn cả, đứa mô tuy là đàn bà con gái nhưng trong tâm hồn, trong trái tim của họ ai mà không thấy xấu hổ, mà không biết thương nước thương nòi. Chẳng qua là không có ai dắt dìu, dạy bảo vẽ vời để cho tụi hắn tăng trưởng cái lòng ái quốc nớ ra thành ra trong lúc đầu còn sợ sệt nhưng sau khi nhận được mấy cái lá thư từ Hà Nội vô thì có cô Tĩnh là bậc thầy của tui (bà Trương Thị Tĩnh, giám học đầu tiên của trường Đồng Khánh) đứng lên vận động tụi này. Cô tuy trên tụi tui ít tuổi nhưng tinh thần giáo dục thời đó còn tốt thành thử chưa mất đi cái truyền thống "nhất tự vi sư bán tự vi sư" (một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy). Thành thử mấy chị em hết sức kính nể cô Tĩnh.

Nhóm ở ngoài Bắc gửi thư vào đứng đầu là Trần Tiễn Ngư. Hồi đó chủ trương là "quảng nô lệ đi" về tụi Tây hồi đó tàn ác lắm. Đến độ cuối năm 1925, Pháp thấy phong trào chống đối lên dữ quá bèn cho đổi thằng toàn quyền. Tụi hắn đưa một tay khác sang thay, có lẽ là người của bọn Socialist (xã hội). Tay này sang và tha cụ Phan tuy trước đó tụi Tây đe dọa là bỏ cụ Phan lên đoạn đầu đài. Sau khi Tây nó tha cụ rồi nó lại còn mời cụ làm Thượng Thư Bộ Học. Cụ từ chối. Sau nó giải cụ về Bến Ngự và giam lỏng ở đó.

XÁC ĐỊNH: "Cụ bắt đầu tham-gia các cuộc đấu tranh vào năm nào? Lý do? Theo cụ tinh thần giới phụ nữ thời đó ra sao?

CỤ VỆ: Hồi tui 15, 16 tuổi thì theo học lớp nhất. Một hôm học một bài giảng bằng tiếng Pháp có nội dung tóm tắt như vầy: "Hồi Pháp-Đức đánh nhau, Pháp thua phải nhường Đức tỉnh Stratsbourg, một tỉnh miền Đông nước Pháp. Có một tay lính Pháp bị thương nặng trong cuộc giao chiến lần chót, biết mình sắp chết, anh ta gọi hai thằng con lại, một tên là André, 11 tuổi và một tên là Juliên, 9 tuổi. Anh ta nói với hai đứa trẻ này là: Đừng có ở đất này nữa vì kể từ nay nó thuộc về tay giặc rồi! Anh ta khuyên hai con nên đi về Pháp mà ở. Đi đến tỉnh nào tụi hắn cũng ghi lại các sự kiện, các thắng cảnh ở vùng đó. Nhất là tụi hắn có ghi lại các mẩu chuyện về các gương ái quốc ở nhưng nơi đã đi qua." Toàn bài xoay vào địa dư và lịch sử Pháp. Ấy thế mà học bài nớ hắn có tác dụng vào lòng ái quốc của mình. Vì thế, sau bọn Tây thấy vậy ra lệnh bỏ không cho dạy bài đó nữa.

Cũng hồi nhỏ, ở trong nhà quanh-quẩn nghe mấy người lớn như ông chú, ông bác bàn ra tán vô mấy cái chuyện Tây nó đô hộ nước mình thành ra cũng sinh lòng mà để ý và bị ảnh hưởng lúc nào không hay. Nhất là quê chúng tôi cùng quê ông Phan-Đình-Phùng mà mấy người đã từng giúp ông Phan Đình Phùng thì cũng có nhiều người lã bã con của tuị. Sau khi ông Phan Đình Phùng thất bại thì những người còn sống chạy rút về ở quê ông Phan nên chi cũng còn giữ lại những khí thế hào hùng lắm. Mỗi khi có dịp ở tỉnh về làng thì tui thường được nghe thấy có những điệu hát câu hò, những bài ru mà lời lẽ, ý hướng đều hướng về cái chỗ gợi lên lòng ái quốc của người ta. Thành ra mấy thứ đó ảnh hưởng vào tâm hồn mình lúc nào không biết nữa.

Tới khi tui về Đồng Khánh ở nội trú thì cũng nghe xì xào chuyện nầy chuyện nọ. Toàn là chuyện anh hùng kháng Pháp. Nì, hồi đó tụi tui là con gái ở nhà quê Hà Tĩnh mà còn có chút ít ý thức, còn có cái não như rứa huống chi đến đám thanh niên sinh viên học sinh ngoài Hà Nội hay trong Nam. Tui có tham gia vào phong trào xin ân xá cụ Phan Bội Châu vào năm 1925, lúc nớ tôi 19 tuổi. Sau khi bị giám thị trưởng Đồng Khánh khám phá ra tụi hắn đổi tui ra Nghệ.

Còn về cái tinh thần của đám phụ nữ thời đó thì ôi chao tinh thần phụ nữ may cái thời đó tốt lắm. Đặc biệt là mấy người đàn bà buôn bán ngoài chợ ngoài đường. Chứ còn bọn có học như tui thì bận công nầy việc nọ thành thử bị chi phối hết mất thì giờ đâu ốc. Nì, có những người đàn bà vừa làm việc buôn bán vừa làm cách mạng luôn. Họ bí mật, kiên trì lắm. Đến khi có những vụ đổ bể thì mới

biết ra là họ làm gì. Dễ sợ và đáng phục chưa? Nhiều bà nhiều cô bên ngoài thì ngó bộ lễ phép, hiền lành, ăn nói ngọt sớt mà thiệt ra toàn là đám đi làm cách mạng rão trọi. Phải nói rằng chính những người này tinh thần thiệt cao. Chúng tui chẳng đáng sánh với họ.

Ngay trong bọn học trò con gái của tui tụi hắn tinh thần về sau cũng đáng sợ lắm. Có nhiều đứa vào tù ra khám mà mặt mũi đứa nào đứa nấy đẹp như bông đó. Có một chuyện như vầy. Hồi đó ở phủ Đức Thọ, Vinh, có mấy đứa con gái học trò chừng 16, 17 tuổi bị bắt vì tội hoạt động mấy cái đảng phái chống Pháp. Bữa đưa tụi hắn ra xử có ba ông quan tỉnh người Việt và ông sứ Tây. Mấy ông tỉnh đập bàn đập ghế la tụi hắn: "Ồ mấy cái đồ con gái lo ăn học không lo lại theo ba cái thằng giặc ri tê chống chính phủ. Chừ đem lột trần ra mà đập một trận!" Mới có nói vậy chứ mấy ông nớ chưa có làm chi tụi hắn hết thì cả ba đứa nó tự động lột hết quần áo vắt một đống trước mặt mấy ổng rồi nhìn thách thức. Ôi, mà cũng nhiều chuyện buồn. Mấy đứa con gái đi hoạt động cái thời đó có đứa chết, đứa tù, đứa bị bọn Tây lai mật thám Pháp bắt giam rồi hãm hiếp cho đến chết, đứa tự tử... Đa số tụi nó chừng 17, 18 tuổi là nhiều nhất.

XÁC ĐỊNH: "Theo cụ tình hình giới quan lại và triều đình Huế lúc đó ra sao?"

CỤ VỆ: Có hai loại, loại quan lại hợp tác với Tây, đây là bọn Việt gian, loại treo ấn từ quan. Loại thứ nhất tức là loại Việt gian bao gồm các quan lại, bọn làm bồi cho Tây, bọn đưa gái cho Tây. Bọn này sau giàu có và có thế lực. Đám con cái của bọn này nhờ vậy mà có ăn học, đỗ đạt, rồi lại được nhờ ảnh hưởng của cha mẹ mà đi vào làm việc trong các cơ quan của nhà nước đô hộ. Cái bọn bồi Tây, đưa gái cho Tây thì nhờ giàu có và dựa vào thế lực của Tây mà rồi cũng tập hầm tập tước leo lên trong cái xã hội mới ở Việt Nam. Bọn nầy thì cũng bị dân chúng khinh lắm. Nhưng cũng có những ông quan quý lắm chứ như ông Hoàng Kiêm là quan của triều đình Huế. Một bữa họp ông gây lộn với ông sứ Tây rồi ông giựt cái Bài quăng ra đó rồi bỏ về. Ối chào, thời đó một ông quan xưa thấy Tây là run lên có mô mà dám làm như rứa. Thành thử có một vài ông như rứa thì quý ghê lắm. Đa số còn lại là bọn buôn quan bán sắc không thôi.

... Ôi chao loạn lắm! Có một thời tri huyện mọc lên như nấm. Triều đình Huế thì có làm chi được. Mọi việc đều ở trong tay thằng Tây hết tất cả. Làm bù nhìn hết chẳng có quyền thế gì. Họ cũng chẳng còn làm chi được hết với dân nữa.

Mà Tây hắn biết hết mấy chuyện nó nhưng làm ngó vì càng thối tha càng tốt cho hắn. Hắn chỉ lo bọn chống đối mà thôi. Chẳng những thế hắn còn xúi thêm vào, lại còn bày ra cái chuyện thuốc phiện. Dưới cái đời toàn quyền De Coux có thằng Tây tên Du Couroix bày ra cái chuyện phong trào khỏe, đua xe đạp từ Bắc vào Nam .... Thành thử nó làm cho cái não mình quay quắt hết, co thì giờ đâu nữa mà tính chuyện đấu tranh với cách mạng. Nhưng tuy tình hình có như vậy, Pháp nó cố cố gắng làm bọn thanh niên của mình quên đi cái nhục mất nước, nhưng vẫn còn nhiều người sống chết với chuyện cách mạng giành độc lập. Thời nào cũng vậy, theo tui thấy vẫn có người yêu nước thương nòi, chết sống cho nguyện vọng dân tộc. Thời nầy cũng rứa. Bộ ở bên nhà là cộng sản hết cả ư? Chỉ một nhóm/là cộng sản thôi. Thời thế chưa đến lúc, họ phải nằm yên đó chớ. Mình phải hiểu tinh thần cách mạng vẫn còn nhưng nó ngấm ngầm chưa bộc phát.

XÁC ĐỊNH: "Xin cụ cho biết tâm tư của cụ lúc là một người thanh nữ sống trong một hoàn cảnh lịch sử hết sức đặc biệt của nước nhà thời ấy ra sao ? Xin cụ cho nhận xét về tinh thần thanh niên thời nay.

CỤ VỆ: Cái hồi tui còn đi học thì học chương trình của Tây về ngành sư phạm. Ôi chao cái hồi đó chương trình của Pháp nó làm cái nào mình mệt quá. Học chi mô mà học đủ thứ. Đến sau mới biết rằng tụi Tây nó cũng có dụng ý. Nó bắt mình học để không có thì giờ chi mà nghĩ đến chuyện khác. Nhưng cũng phải công tâm mà nói cái học đó có làm cho mình giỏi ra. Đuối mô mà chịu học thì sẽ khá còn nếu không thì bơ ngang.

Hồi nớ, tui thấy như ri nì. Nước mình là một nước nông nghiệp mà trình độ kỹ thuật cũng còn thấp lắm, mình thua Pháp nớ đủ thứ, nhiều phương diện. Làm rang cho dân đủ ăn? Lăm rang có người lãnh đạo thiệt giỏi, thương nước, thương dân? Mấy cái nớ hắn quay quay trong não tui hoài mà mình thì chỉ là con gái đàn bà biết mần rang bầy chừ? Về sau bận chuyện chồng con, ôi chao, nên quên dần hết. Mà đời sống nó làm mình thấm dần, thấm dần. . . cái não ưng làm cách mạng tối một lúc quên hết! Chán chưa?

Lúc nớ có nhiều bài thơ của cụ Phan Bội Châu được truyền tụng trong dân gian. Nhưng tui nói thiệt có mấy bài về sau nhuốm màu sắc đầu hàng rồi. Tui nói là đầu hàng trước hoàn cảnh đó. Theo tui, nếu đã có cái não đi làm cách mạng thì ở đời phải coi cái sống cái chết như nhau. Mấy anh em trẻ phải khẳng khái, không thể có tinh thần đầu

BẠN ĐÃ MUA DÀI HẠN TẠP CHÍ XÁC-ĐỊNH CHƯA ?

hằng được. Sống phải hăng hái làm việc, học hỏi, làm cho tốt, học cho giỏi. Ai rồi cũng phải chết việc gì mà sợ vậy. Tuổi trẻ phải học, phải làm việc giúp gia đình, giúp xã hội, giúp Việt Nam và giúp nhân loại.

• Vũ Tuệ



Cụ Hoàng thị Vệ trong cuộc phỏng vấn dành cho Xác Định

TIỂU SỬ CỤ HOÀNG THỊ VỆ

Cụ bà Hoàng Thị Vệ, sinh năm 1907 tại Hà Tĩnh, đã tưng tham gia các phong trào đấu tranh có liên hệ đến việc đòi độc lập cho đất nước trong những năm của thập niên 1920. Cụ tham gia đấu tranh khi Cụ mới 17 tuổi. Đặc biệt Cụ có từng liên hệ sinh hoạt với Phong trào Phục Việt, sau đó đổi thành Đảng Tân Việt (còn gọi là Tân Việt Cách Mạng Đảng) được thành lập tại miền bắc Trung Bộ (14-4-1925). Đảng cách mạng này có khuynh hướng quốc gia và do một số sĩ phu khởi xướng, gồm quý ông: Lê Văn Huân, Nguyễn Đình Kiên, Trần Mộng Bạch, Đào Duy Anh...

Từ năm 1925-1926 Cụ bà Hoàng Thị Vệ dạy học tại trường Đồng Khánh, Huế. Vì tham gia phong trào Xin Ân Xá cụ Phan Bội Châu, Cụ đã bị thuyên chuyển ra Nghệ An năm 1926. Từ năm 1926 đến 1931, Cụ làm Hiệu trưởng trường Nữ Trung Học Vinh, Nghệ An. Đến năm 1931 Cụ xin trở về dạy học lại tại trường Đồng Khánh cho đến năm 1945. Đến tháng 7-1945, sau khi Việt Minh (Cộng sản) cướp chính quyền thì tình hình trở nên rối ren do các vụ khủng bố, ám sát của cộng sản nhắm vào các nhân sĩ và đảng phái Quốc Gia; nhân vì trong nhà có tang, Cụ Hoàng Thị Vệ đã lấy cớ xin từ chức và lui về sống ẩn dật với gia đình.

Hiện Cụ bà Hoàng Thị Vệ đang sống tại thành phố Alexandria, tiểu bang Virginia. Công việc hàng ngày của Cụ là học Anh ngữ, đọc báo và chuyên trì đọc kinh Phật.

thủ bút cụ Hoàng thị Vệ:

"... Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta."

25 tháng bảy, 1983. Vệ thị Hoàng

Cao trào kháng Pháp đầu thế kỷ XX

Sau vụ Kinh thành Huế thất thủ năm 1885, Phong trào Cần Vương đã dần dần bị tan rã, nhất là kể từ sau khi vua Hàm Nghi bị Pháp bắt (vào ngày 2 - 11 - 1888) và đầy sang Bắc Phi Châu.

"Vua mất, nhưng nước còn" (lời Phan Đình Phùng). Các văn thân vẫn tiếp tục kháng Pháp và tạo được nhiều thanh thế lừng lẫy với Phan Đình Phùng ở chiến khu Vụ Quang (thuộc huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh), Nguyễn thiện Thuật (tức Tán Thuật ở chiến khu Bãi Sậy, tỉnh Hưng Yên) và Hoàng hoa Thám (hay Đề Thám ở chiến khu Yên Thế)...

Cho tới đầu thế kỷ XX, các phong trào võ trang kháng Pháp kể trên đã không còn là một mối lo ngại cho thực dân Pháp nữa (vì Phan đình Phùng đã ốm và chết ở núi Quạt, tỉnh Nghệ An vào năm 1895 và Tán Thuật bị bao vây, triệt hạ đường tiếp tế lương thực và vũ khí cũng đã phải bỏ trốn sang Trung Hoa vào năm 1889...). Bởi vậy, thực dân Pháp đã tuyên bố là :"Các phong trào ái quốc của người Việt Nam đã hết, và mỗi cuộc nổi dậy chống lại nhà cầm quyền đều bị coi là những bọn giặc cướp sống ngoài vòng pháp luật" (theo "Forces Politiques au Viet-nam" của P. Dabezies). Do đó, chúng ta chẳng ngạc nhiên khi Pháp đã gọi "Hùm Thiêng Yên Thế" của chúng ta là "tên giặc Đề Thám", v. v. . .

CAO TRÀO CẢI CÁCH VÀ DUY TÂN

Trước cao trào cải cách và duy tân của Nhật Bản (với Minh Trị Thiên Hoàng), của Trung Hoa (với Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi) và của Thái Lan (với vua Chulalongkorn); do ảnh hưởng của các tư trào tiến bộ trên thế giới của các triết gia Tây phương (như Montesquieu, J. J. Rousseau, Voltaire v. v. . .), các sĩ phu ái quốc Việt Nam mong muốn tiến hành một cuộc cách mạng toàn diện để cứu nước khỏi họa ngoại xâm. Tuy nhiên, đường lối hoạt động của các

nhà ái quốc Việt Nam đầu thế kỷ XX đã không được hợp nhất, mặc dầu cũng thực tỉnh

Người sao trời rộng đất dài,
Ta sao co quắp một nơi thế mà !
Người sao nhẹ thẳng bay xa,
Ta sao co kéo xó nhà với nhau ?
Người sao làm chủ hoàn cầu,
Ta sao nô lệ cúi đầu làm tôi ?

("Cáo hủ lậu văn" của Phan Bội Châu, 1905)

Vào những năm đầu của thế kỷ XX đã xuất hiện nhiều phong trào kháng Pháp ở khắp Trung, Nam, Bắc Việt Nam tạo ngọn lửa thiêng ái quốc hun đúc tinh thần tranh đấu giành lại nền tự chủ. Hai cao trào kháng Pháp thời bấy giờ do hai nhà chí sĩ họ Phan lãnh đạo, tuy có cùng mục tiêu nhưng đường lối hỗi dị biệt: Phong trào Đông Du của Phan Bội Châu nhằm giải phóng quốc gia một cách tích cực, qúa khích, bằng mọi phương tiện (kể cả trông chờ ngoại viện của Nhật Bản và Trung Hoa); trong khi Phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh và hoạt động Đông Kinh nghĩa thục của các sĩ phu miền Bắc thì tranh đấu một cách ôn hòa (đòi hỏi người Pháp phải thực sự khai hóa cho người Việt Nam), cổ động duy tân cải cách (đả phá lối học từ chương khoa cử, bài trừ mọi hủ tục, theo dõi tân học và tìm cách chấn hưng công thương v. v. . .)

VIỆT NAM DUY-TÂN-HỘI VÀ PHONG-TRÀO ĐÔNG DU

Năm 1903, sau khi viết cuốn "Lưu cầu huyết lệ tâm thư" nói lên cảnh của người dân vùng quần đảo Lưu Cầu (là một quần đảo nhỏ ở về phía nam quần đảo Nhật Bản) bị "mất nước" (vì bị người Nhật đô hộ và cai trị) để cảnh tỉnh quốc dân Việt Nam về hoạ "mất nước" của mình ; Phan-bội-Châu (hiệu là Sào-Nam, người huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ-An) chu-du khắp nơi trong nước tìm đồng chí... Một "nghĩa hội" dần dần thành hình, chủ trương cách mạng giải phóng dân tộc và duy tân cải cách hầu nâng cao dân trí... Năm 1905 thì "hội" chính thức thành hình, tức Duy tân Hội, với Minh-chủ là Kỳ ngoại hầu Cường-Để. Các lãnh tụ Duy tân Hội bấy giờ có các ông Nguyễn Thành, Nguyễn thần Hiến, Trần quý Cáp, Huỳnh thúc Kháng, Ngô đức Kế, Đặng tử Kính, Lê-Đại, Tăng-bạt Hổ v.v...

Năm 1905 xuất dương qua Nhật, Phan bội Châu đã tiếp xúc với các chính khách Nhật để tìm sự ủng hộ và viết nhiều sách cổ động thanh niên Việt Nam "đi ra biển đông" để học hỏi Duy Tân và làm cách mạng. Làn sóng xuất ngoại qua biển đông thời bấy giờ được gọi là phong trào Đông-Du. Các tác phẩm xúc động lòng người

gây nên phong trào này của Phan bội Châu là "Hải ngoại huyết thư", "Việt Nam vong quốc sử", "khuyến thanh niên du học văn" v . v ..

Cho tới năm 1907 số du học sinh Việt Nam ở Nhật lên tới 200 người. Họ được đưa vào học về quân sự ở Chấn Võ học hiệu và học về văn chương khoa học ở Đồng Văn học hiệu . . . Nhưng tới tháng 10 - 1907 thực dân Pháp đã thỏa hiệp với Nhật (nhường cho Nhật nhiều quyền lợi kinh tế ở Việt Nam) nên chính quyền Nhật đã ra lệnh trục xuất du học sinh Việt Nam về nước vào đầu năm 1908. Các lãnh tụ Đông Du phần lớn lại trốn sang Trung Hoa và Thái Lan (bấy giờ gọi Xiêm) tiếp tục hoạt động cách mạng, vì :

Hồn máu uất chất quanh đầy ruột,
Anh em ơi ! xin tuốt gươm ra.
Có giời, có đất, có ta,
Đồng tâm như thế mới là đồng tâm.

(Hải ngoại huyết thư, Phan bội Châu, 1906)

CHỦ TRƯƠNG DUY TÂN CỦA PHAN CHU TRINH

Đồng thời với hoạt động Đông Du, Phan chu Trịnh (hiệu là Tây Hồ, người Phủ Tam-Kỳ, tỉnh Quảng Nam), từng đậu Phó-bảng (một thứ tiến sĩ phụ) năm 1901 : từ quan năm 1903, chu du tìm đồng chí mưu sự canh tân cải cách cho Việt Nam. Khác với chủ trương của Phan bội Châu, cụ Tây Hồ không tin tưởng ở sự giúp đỡ của ngoại bang (Nhật, Tàu), chủ trương tranh đấu chống thực dân Pháp bằng đường lối ôn hòa ("bất bạo động, bạo động tất tử") và đòi chính quyền Pháp phải "thực sự khai hoá cho người Việt Nam". Sau khi ở Nhật về năm 1905 Phan chu Trinh gửi cho Toàn quyền Paul Beau một lá thư điều trần "Đầu Pháp chính phủ thư" lên án chế độ thực dân Pháp ở Việt Nam đã "dung túng quan lại Việt Nam hà hiếp dân chúng khốn khổ" và "khinh rẻ sĩ dân Việt Nam".

Phan chu Trinh đi khắp nòi trong nước diễn thuyết, cổ động Duy tân, đả phá óc mê tín dị đoan và các hủ tục, kêu gọi người Việt dùng hàng nội hoá để chấn hưng công thương nghiệp và đề cao việc giáo dục để nâng cao dân trí v . v. . . Bấy giờ có nhiều trường học "duy tân" được thành lập ở Quảng Nam, Nghệ An, Hà tĩnh, Thanh Hoá, Bình Thuận với các lãnh tụ Duy Tân nổi tiếng như "Trần quý Cáp, Ngô đức Kế, Đặng nguyên Cẩn v.v . . . Rồi các "thương hội" (tức nhà buôn, tiệm buôn) của người Việt cũng được mở tại nhiều nơi như Nghệ An, Bình Thuận, Hội An, Chợ Lớn, Long Xuyên. . .

HÃY NỖ LỰC CỔ ĐỘNG VÀ NUÔI DƯỠNG DIỄN ĐÀN THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT TỊ NẠN

"Nam thiên phong vân truyện" thời bấy giờ (1907) có nói về các hoạt động này như sau:

Suốt thân sĩ ba kỳ Nam Bắc,
Bỗng giật mình sực tỉnh còn mê.
Học, thường xoay đủ mọi nghề,
Cái hồn ái quốc gọi về cùng nhau.

(Khuyết danh)

Rồi trong "Tỉnh quốc hồn ca", Phan Chu Trinh cũng nhắc nhở tới tinh thần đoàn kết thương nước thương nòi:

Người ta nghĩ sau dài cặn kẽ,
Đứa bố to ai bẻ cho xuôi.
Chia ra từng chiếc, từng đôi,
Phải ai tay nấy, thường ôi còn gì!
Vậy nên từ đồng nhi, phụ nữ,
Chẳng ai không biết giữ lấy nòi,
Khôn ngoan đá đáp người ngoài,
Người trong một nước thì coi như nhà.

PHONG TRÀO ĐÔNG KINH NGHĨA THỤC

Trong khi đó, tại miền Bắc Việt Nam, vào tháng 3-1907, các sĩ phu ái quốc thành lập Đông Kinh nghĩa thục (là một trường tư dạy học làm việc nghĩa) ở Hà Nội, nhằm cổ động lòng ái quốc, cổ động duy tân nâng cao dân trí và chấn hưng công thương nghiệp cho người Việt. Các lãnh tụ Đông Kinh nghĩa thục bấy giờ gồm: Lương Văn Can (làm Thục Trưởng), Nguyễn Quyền (Giám học), Dương Bá Trạc, Đỗ Chân Thiết, Đào Nguyên Phổ, Hoàng Tăng Bí, Võ Hoành, Lê Đại, Nguyễn Thường Hiền v. v. . .

Trường hoạt động được gần 1 năm, có trên 1.000 học trò (không phân biệt nam nữ, tuổi tác và trình độ học vấn) gây được tinh thần ái quốc cao độ trong quần chúng khiến cho thực dân Pháp hoảng sợ và ra lệnh đóng cửa trường học vào đầu năm 1908. Rồi sau vụ kháng thuế ở miền Trung năm 1908, các lãnh tụ Đông Kinh nghĩa thục phần lớn bị bắt và đưa đi đày cả (như trường hợp Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Dương Bá Trạc v. v. . .) .

Bài "Kêu hồn nước" sau đây của Nguyễn Quyền là một trong những bài ca "ái quốc" đương thời rất được ca ngợi và truyền tụng:

Hồn xưa dòng dõi Lạc Long,
Con nhà Nam Việt người trong giống vàng.
Chi-na chung một họ hàng,
Xiêm-la, Nhật-bản cùng làng Á-đông.

Trời Nam một giải non sông,
Ngàn năm cỏ nghiệp cha ông hãy còn.
Từ khi đứt lời sóng cồn,
Nước non trở đó nào hồn ở đâu ?

. . . . .

Cũng trong một bọn quốc dân,
Gánh giang sơn cũng một phần trên vai.
Than ôi ! Hồn nước ta ơi !
Tỉnh nghe ta gọi mấy lời đồng tâm !

PHONG TRÀO KHÁNG THUẾ MIỀN TRUNG

Đầu năm 1907, vua Thành Thái tủi nhục trước nạn "mất nước" và địa vị "bù nhìn" của mình có ý cưỡng lại chính quyền bảo hộ Pháp nên đã bị Khâm sứ Levecque "giam lỏng" tại điện Cần Chánh (ở Kinh thành Huế) và vua buộc phải thoái vị (ngày 3 tháng 9 năm 1907) nhường ngôi cho con là Hoàng tử Vĩnh San (tức vua Duy Tân sau này) vì "căn bệnh đã làm cho trọng trách của nhà vua (Thành Thái) càng thêm nặng nề" (theo "Phong trào kháng thuế miền Trung năm 1908 qua châu bản triều Duy Tân của" Nguyễn Thế Anh).

Mối nhục này khiến sĩ phu duy tân càng thêm ngậm ngùi cảm xúc. Đầu năm 1908, dưới sự lãnh đạo ngấm ngầm của các lãnh tụ duy tân, hàng ngàn nông dân Quảng Nam từ huyện Đại Lộc đã kéo nhau tới tòa Đốc lý (tương tự như tòa Thị trưởng ngày nay) ở Hội An (Faifoo) xin giảm thuế và xin bớt ngày đi làm xâu (tức là những ngày phải đi làm việc không công cho nhà nước). Phong trào kháng thuế bùng nổ ở Đại Lộc ngày 9 tháng 3 năm 1908 đã lan ra khắp các huyện Điện Bàn, Thăng Bình, Quế Sơn ở Quảng Nam và chưa đầy 3 tháng sau đã lan ra tới Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Thừa Thiên, Thanh Nghệ Tĩnh (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh). . .

Phong trào này không những chỉ có nông dân hưởng ứng mà còn có nhiều hưởng chức và sĩ phu ủng hộ nữa. Các cuộc biểu tình kháng thuế này hầu hết đều có tính cách ôn hòa, ngoại trừ ở Quảng Nam dân chúng quá hăng say cướp công đường, bắt phủ quan mà mưu sát vài tổng lý (chánh tổng, lý trưởng) ở địa phương và ở Bình Định dân chúng cũng đã cướp nhà tù và chống lại quân đội của nhà cầm quyền Pháp thuộc nữa. . . Bấy giờ, do ảnh hưởng của phong trào duy tân, các người đi biểu tình xin xâu kháng thuế đều cắt tóc ngắn và nếu gặp ai còn để tóc dài "búi tó" thì đều xin cắt tóc hộ:

Tay trái cầm lược,
Tay phải cầm kéo.
Húi hề, húi hề !
Thủng thẳng cho khéo.

Bỏ cái ngu này !
Bỏ cái dại này !
Đừng gian đừng xảo,
Học theo người Tây !

(Về "Húi tóc", khuyết danh)

Nhân dịp này, Pháp đã đàn áp rất dã man phong trào chống thuế miền Trung mà họ gọi là "loạn đầu bào" (vì phần lớn những người đi biểu tình đều cắt tóc ngắn như đã kể ở trên). Theo "Châu bản, triều Duy Tân" (dẫn trong sách "Phong trào kháng thuế miền Trung" của Nguyễn Thế Anh) thì nguyên do đưa tới loạn này đã bị "chính phủ Nam triều" buộc tội như sau:

"Bọn người hiếu sự ở Nam Nghĩa (Quảng Nam, Quảng Nghĩa) ngầm mưu xúi dục làm loạn: trước thì dụ dân cắt tóc, cải trang; kế thì đặt trường diễn thuyết; sau hết thì mê hoặc nhân dân bằng việc kêu xin giảm thuế; cùng nhau tụ tập, xướng làm dân quyền (ý nói đòi hỏi quyền của người dân), dần dần đến hồng đường náo thị (ý nói làm rối loạn nơi công đường và chợ búa); mà tỉnh, phủ, huyện quan sở tại không ngăn chận được".

Kết quả là, hầu hết các lãnh tụ duy tân -- và cả các lãnh tụ Đông du nữa -- đều bị bắt, đưa đi tù đày như: Phan Chu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Thành, Phan Thúc Diễn (hay Duyện), Dương Thưởng, Dương Thạc, Đặng Văn Bá, Lê Văn Huân, Đặng Nguyên Cẩn, Lê Khiết, Nguyễn Bá Loan (Ấm Loan), Nguyễn Bá Trạc, Trần Cao Vân, Ngô Đức Kế, Nguyễn Thượng Hiền. Riêng Trần Quý Cáp vì tư thù đã bị xử tội tử hình "chém ngang lưng" chết ở Khánh Hòa. . .

Các bản án hầu hết đều kết tội một cách mơ hồ, vu vơ với những hình phạt hết sức nặng nề nhằm cảnh cáo và ngăn chận các cuộc nổi dậy "phản loạn" khác. Sau đây là nguyên văn nội dung bản án kết tội Dương Thạc "kháng thuế" (dẫn trong "Phong trào kháng thuế miền Trung"):

"Ngày 18 tháng 6 năm Duy Tân thứ hai (tức ngày 16-7-1908).

Phụ chính phủ đại thần đăng tấu: ngày mồng 7 tháng 4, tiếp tỉnh Quảng Nam đệ nạp bản án như sau:

Tú Tài Dương Thạc, 27 tuổi, xã Trường An, phủ Tam Kỳ, cùng anh là bọn Dương Thưởng, đương khi hạt dân phiến động, tên ấy dụ tụ họp bậy bạ: người làng cũng sợ thanh thế Tú tài của y, bèn xướng làm các việc dân quyền, tuy không có tình trạng uống huyết ăn thề, những kết hợp giao hảo, thật mở ra mối càn quấy. Xin chiếu luật "mưu bạn" (Trong luật này có một khoản "mưu phản nước mình, ngầm theo nước khác, chỉ là cùng mưu, không phân thủ tùng (thủ phạm hay tòng phạm) kết tội giảo giam hậu (tội thắt cổ cho chết,

nhưng hãy tạm giam lại); vi tùng (tòng phạm) đều bị phạt 100 trượng và đày đi xa 3.000 dặm"); cứ theo đó mà xử tội.

Vậy "vi thủ" là Dưỡng Thạc, xin chiếu luật "mưu bạn vi hành", xử tội giảo giam hậu; Dưỡng Thưởng, giảm đi một bậc, xử phạt 100 trượng và đày đi xa 3.000 dặm. Xin kính trình lên trên xét sử.

Phụ thần đẳng phụng duyệt, đã thưởng qúi Khâm sứ Đại thần Phụ quốc công Lê Việt (tục Levecque) phúc. Kính xin tấu lên và đợi lệnh để thi hành."

Phong trào kháng thuế ở miền Trung tuy bị đàn áp dã man (với hàng trăm người bị giết và bị thương và hàng ngàn người bị tù đày ra Côn Đảo và những nơi rừng thiêng nước độc) nhưng đã tạo được những tiếng vang lớn, nuôi dưỡng các phong trào tranh đấu giành độc lập sau này như cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân năm 1916, Thái Nguyên khởi nghĩa của Đội Cấn năm 1917, Việt Nam Quốc dân đảng của Nguyễn Thái Học v. v. . . ●

Hà Mai Phương



SƠ LƯỢC TIỂU SỬ CÁC NHÂN VẬT LÃNH ĐẠO CÁC CAO TRÀO ÁI QUỐC CHỐNG PHÁP ĐẦU THẾ KỶ XX

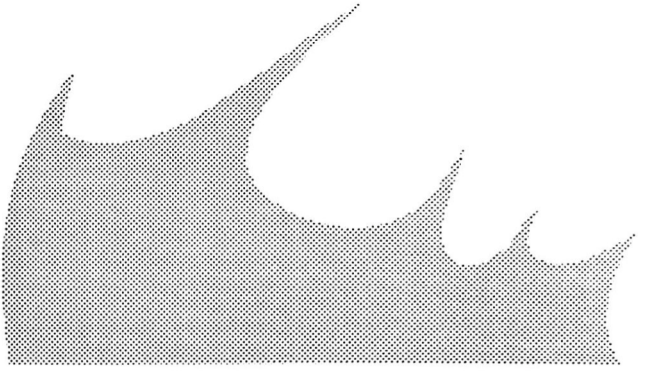

PHAN-BỘI-CHÂU (1867 - 1940)

Phan Bội Châu húy là San, hiệu là Sào Nam (và còn có nhiều bút hiệu khác nữa); quán làng Đan Nhiễm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Phan Bội Châu đậu giải nguyên năm 1900 và không ra làm quan.

Tháng 5-1904, Phan Bội Châu, Nguyễn Thành và các đồng chí lập "Duy Tân Hội" và sau đó xuất dưởng qua Nhật (năm 1905). Phan Bội Châu là linh hồn của phong trào Đông Du (từ 1905-1908) và sáng lập ra Việt Nam Quang Phục Hội (vào năm 1912) sau cải thành Việt Nam Quốc Dân Đảng (1924).

Năm 1925, Phan Bội Châu bị Pháp bắt ở Trung Hoa đưa về nước, kết án tử hình và an trí ở Huế cho tới ngày tử trần (29-10-1940). Phan Bội Châu để lại rất nhiều tác phẩm về lịch sử đấu tranh kháng Pháp nổi tiếng như Lưu Cầu Huyết Lệ Tân Thư, Hải Ngoại Huyết Thư, Việt Nam Vong Quốc Sử v. v. . .

PHAN-CHU-TRINH (1872 - 1926)

Phan Chu Trinh tự là Hy Mã, hiệu là Tây Hồ; quán làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Năm 1901, Phan Chu Trinh đậu Phó Bảng, làm quan một thời gian ngắn rồi bỏ đi chu du tìm đồng chí.

Năm 1905 Phan Chu Trinh xuất dương qua Nhật rồi về nước cổ động "Duy Tân" và đòi hỏi chính quyền bảo hộ Pháp phải thực tâm khai hóa cho người Việt Nam (năm 1906).

Tinh thần duy tân cải cách của ông đã ảnh hưởng mạnh mẽ, tạo nên phong trào kháng thuế ở Trung Kỳ vào năm 1908. Phan Chu Trinh và nhiều đồng chí khác bị bắt và đày ra Côn Đảo. Ít lâu sau, ông được tha, qua Pháp tìm dịp đòi hỏi người Pháp cải cách chính trị ở Việt Nam (năm 1911) nhưng không thành công.

Năm 1925, Phan Chu Trinh về nước và mất ngày 24-3-1926. Tác phẩm nổi tiếng của Phan Chu Trinh là "Đầu Pháp Chính Phủ Thư" (tức thư gửi Toàn Quyền Đông Dương), Tỉnh Quốc Hồn Ca, Thất Điều Thử, Tây Hồ Thi Tập, Săng Tê Thi Tập v. v. . .

NGUYỄN-THƯỢNG-HIỀN (1868 - 1925)

Nguyễn Thượng Hiền hiệu là Mai Sơn; người làng Liên Bạ huyện Sơn Lãng, phủ Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông. Năm 18 tuổi Nguyễn Thượng Hiền đậu Cử Nhân, năm sau (1885) đậu thi Hội. Khi Kinh thành Huế thất thủ, ông lui về ở ẩn ở núi Nưa thuộc tỉnh Thanh Hóa (Nguyễn Thượng Hiền là con của quan Thượng Thư Nguyễn Thượng Phiên và là con rể tướng Tôn Thất Thuyết).

Năm 1892, ông thi đậu Hoàng Giáp, làm Đốc học tỉnh Ninh Bình rồi Nam Định. Nguyễn Thượng Hiền tham gia phong trào Đông Du và Duy Tân của cụ Châu và cụ Trinh. Năm 1907, Nguyễn Thượng Hiền xuất dương qua Trung Hoa và tham gia Việt Nam Quang Phục Hội.

Sau khi Phan Bội Châu bị bắt, Nguyễn Thượng Hiền bỏ đi tu và mất ở Hàng Châu bên Trung Hoa vào ngày 28-12-1925. Các tác phẩm nổi tiếng để lại là Phú Cải Lương, Hợp Quần Doanh Sinh Thuyết, Tang Hải Lệ Đàm và nhiều thơ văn . . .

NGUYỄN-THÀNH

Còn là Nguyễn Hàm, hiệu là Tiểu La; người làng Thịnh Mỹ, phủ Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam. Ông từng theo Nguyễn Duy Hiệu lãnh đạo phong trào Cần Vương kháng Pháp ở Quảng Nam năm 1885.

Năm 1904 Nguyễn Thành cùng Phan Bội Châu sáng lập ra Duy Tân Hội và cổ động phong trào Đông Du. Sau vụ kháng thuế ở Trung

Kỳ năm 1908, ông bị đày ra Côn Đảo, mắc bệnh và thổ huyết chết vào tháng 12-1911.

Trước khi chết, ông có làm bài "Tuyệt Mệnh Thi", trong đó có câu đại ý: "Không sợ thời cuộc đổi thay mà chỉ sợ lòng người bập bềnh như sóng nước" (Thời cuộc bất kinh vân biến chuyển, Nhân tình chỉ khủng thủy ba lan).

NGUYỄN-THẦN-HIẾN (1856 - 1914)

Nguyễn Thần Hiến tự là Phác Đình, hiệu là Chưởng Chu, tục gọi là ông Hội Đồng Hiến; người xã Mỹ Đức, đất Hà Tiên. Ông là nhân vật lãnh đạo phong trào Đông Du ở Nam Kỳ thời bấy giờ.

Năm 1908 Nguyễn Thần Hiến xuất dương qua Nhật rồi qua Trung Hoa, gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội của Phan Bội Châu. Năm 1913, ông bị bắt ở Hương Cảng và đưa về giam ở Hà Nội. Nguyễn Thần Hiến mất ở Hỏa Lò (tức nhà tù ở Hà Nội) vào ngày 26-1-1914 .

TĂNG-BẠT-HỔ

Tăng Bạt Hổ tự là Điền Bát; người tỉnh Bình Định. Ông sinh năm nào không rõ và từng tham gia phong trào Cần Vương ở Nam Trung Phần (năm 1885). Tăng Bạt Hổ bí mật xuất du qua Tàu, Xiêm, Nhật nhiều lần.

Năm 1904, ông gia nhập Duy Tân hội và đưa Phan Bội Châu sang Nhật; sau đó về nước cổ động "Đông Du". Ông mất tại Huế năm 1907.

HUỲNH-THÚC-KHÁNG (1876 - 1947)

Huỳnh Thúc Kháng húy là Hanh, biệt hiệu là Minh Viên; quê ở Thanh Bình, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Ông đậu Giải Nguyên năm 1900 và đậu Hoàng Giáp năm 1904, nhưng không ra làm quan.

Ông ủng hộ phong trào Duy Tân và bị đày ra Côn Đảo sau vụ kháng thuế ở miền Trung năm 1908 và mãi tới năm 1921 ông mới được tha về. Không để thực dân Pháp mua chuộc, năm 1927, Huỳnh Thúc Kháng từ chức Viện Trưởng "bù nhìn" Viện Dân Biểu Trung Kỳ (là một cơ quan tư vấn do Pháp đặt ra để lừa bịp người Việt Nam).

Từ 1927 đến 1943, ông chủ trương báo "Tiếng Dân" ở Huế tranh đấu cho quyền lợi của người dân bị trị. Sau biến động năm 1945, ông được cử làm Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ trong chính phủ liên hiệp (1946) và mất ngày 21-4-1947 tại Quảng Ngãi.

Tác phẩm nổi tiếng của ông là: Thi Tù Tùng Thoại, Thi Tù Thảo, Trung Kỳ Cụ Sưu Ký và Tây Hồ Tiểu Sử v. v. . .

NGÔ-ĐỨC-KẾ (1878 - 1929)

Ngô Đức Kế hiệu là Tập Xuyên; quán làng Đại Lộc, huyện Cam Lộc, tỉnh Nghệ An. Năm 1901 đậu Tiến Sĩ, nhưng không ra làm quan. Ông hưởng ứng phong trào Duy Tân, cùng Đặng Nguyên Cẩn và Lê Văn Huân thành lập "Triều Dương Thương Điếm" ở Vinh (Nghệ An) cổ động dùng hàng nội hóa và chấn hưng công thương.

Sau vụ chống thuế ở Trung Kỳ năm 1908, ông bị kết án là "mở hội buôn, ngầm giúp bọn phiến loạn" và đày ra Côn Đảo. Năm 1921 ông được tha, ra Hà Nội làm báo Hữu Thanh (1922), nhưng báo này bị nhà cầm quyền đóng cửa vào năm 1927. Sau đó ông lập "Giác Quần Thư Xã" chuyên xuất bản những sách cổ động lòng ái quốc của người Việt Nam. Ông mất tại Bạch Mai (Hà Nội) ngày 10-12-1929.

ĐẶNG-NGUYÊN-CẨN (1876 - 1922)

Đặng Nguyên Cẩn hiệu là Thái Sơn; người làng Lưỡng Điền, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Ông đậu Phó Bảng năm 1895, làm Đốc học tỉnh Nghệ An rồi Bình Thuận.

Ông tham gia phong trào Duy Tân và bị đày ra Côn Đảo sau vụ kháng thuế ở Trung Kỳ năm 1908. Năm 1921 ông được tha về và mất ít lâu sau vì quá suy nhược (năm 1922). Ông có để lại một số thơ văn chép trong "Thi Tù Tùng Thoại" và "Thi Tù Thảo" của Huỳnh Thúc Kháng.

TRẦN-QUÝ-CÁP (1871 - 1908)

Trần Quý Cáp hiệu là Thái Xuyên; quán làng Bát Nhị, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Ông đậu Tiến Sĩ năm 1904, làm Giáo thụ phủ Thăng Bình (tỉnh Quảng Nam) rồi sau đó đổi về làm ở phủ Tân Định (tỉnh Khánh Hòa).

Ông tham gia Duy Tân hội của Phan Bội Châu và bị kết án tử hình sau vụ kháng thuế miền Trung năm 1908.

TRẦN-CAO-VÂN (1866 - 1916)

Trần Cao Vân hiệu là Bạch Sĩ; người làng Tư Phú, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ủng hộ phong trào Đông Du và Duy Tân nên ông từng bị Pháp bắt giam nhiều lần. Thuyết "Trung Thiên Đô" do ông lập ra để cổ động cách mạng nhưng đã bị thất truyền.

Năm 1908, sau vụ kháng thuế miền Trung, ông bị đày ra Côn Đảo. Sáu năm sau (1914) ông được tha về, lại tiếp tục tham gia Việt

Nam Quang Phục hội ngầm ngầm hoạt động chống Pháp.

Năm 1916, ông cùng Thái Phiên lãnh đạo cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân, nhưng bị thất bại và bị xử tử hình tại An Hòa (Huế) ngày 17-5-1916.

LƯƠNG-VĂN-CAN

Lương Văn Can, tự là Hiếu Liêm; người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc (nay là Thường Tín), tỉnh Hà Đông. Ông đậu Cử Nhân nên thường được gọi là Cử Can.

Lương Văn Can là người sáng lập ra Đông Kinh nghĩa thục. Ba người con của ông từng tham gia hoạt động Đông Du và là những nhà cách mạng nổi tiếng. Đó là Lương Ngọc Quyến, Lương Trúc Đàm và Lương Nghị Khanh. Cuối năm 1908, Lương Văn Can bị đày ra Côn Đảo; đến năm 1914 thì đưa đi an trí ở Nam Vang bên Cam Bốt (Cambodia).

Mãi đến năm 1924 Lương Văn Can mới được tha về nước và mất tại Hà Nội năm 1927.

NGUYỄN-QUYỀN (1869 - 1941)

Nguyễn Quyền người làng Thượng Trì, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Ông đậu Tú Tài và làm Huấn đạo ở Lạng Sơn nên còn gọi là Huấn Quyền.

Cùng với Lương Văn Can, ông là sáng lập viên của Đông Kinh nghĩa thục. Năm 1908 ông bị đày ra Côn Đảo, sau được về an trí ở Bến Tre và mất ở Sa Đéc. Bài "Kêu Hồn Nước" do ông sáng tác rất được truyền tụng thời ông làm Giám học Đông Kinh nghĩa thục.

LÊ-ĐẠI (1865 - 1952)

Lê Đại hiệu là Tử Long; người làng Thịnh Hào, huyện Hoàn Long (thuộc thành phố Hà Nội ngày nay).

Ông ở trong ban tu thư của Đông Kinh nghĩa thục và có tài làm thơ nôm. Bản dịch "Hải Ngoại Huyết Thư" do ông dịch của Phan Bội Châu (theo thể song thất lục bát) rất được nhiều người tán thưởng.

Sau vụ kháng thuế Trung Kỳ và vụ Hà Thành đầu độc (do nghĩa quân Đề Thám chủ trương giết binh sĩ Pháp) tại Hà Nội, ông bị bắt và đày ra Côn Đảo từ 1908 đến 1926. Từ đó, ông ở ẩn (sinh sống bằng nghề "thầy đồ") và mất năm 1952 tại Hà Nội.

ĐỖ-CHÂN-THIẾT

Ông sinh năm nào không rõ và còn có tên là Đỗ Cơ Quang. Ông quán làng Thịnh Hào, tỉnh Hà Nội.

Ông giữ vai trò hoạt động kinh tài cho Đông Kinh nghĩa thục (mở cửa hiệu Đồng Lợi Tế và Tụy Phường để kiếm tiền cho nghĩa thục). Khi trường bị đóng cửa, ông trốn sang Trung Hoa (năm 1912) và tham gia Việt Nam Quang Phục Hội.

Năm 1914 ông và các đồng chí về nước hoạt động chống Pháp, bị bắt và bị xử tử hình ngày 2-12-1914 tại Lào Cai.

LÊ-VÕ

Lê Võ tục gọi là Âm Võ, người làng Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Ông là em ruột của Lê Ninh người lãnh đạo phong trào Cần Vương ở Hà Tĩnh vào năm 1885.

Lê Võ tham gia các hoạt động Đông Du và Duy Tân và từng xuất dương qua Tàu, Nhật. Sau vụ biến động năm 1908, ông bị bắt đày ra Côn Đảo. Ông được tha về nước vào năm 1926 và mất ít lâu sau đó.

DƯƠNG-THẠC

Dương Thạc còn gọi là Dương Trường Đinh, đậu Tú Tài; người xã Trường An, phủ Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Cùng với anh là Dương Thường tham gia phong trào Duy Tân và cổ động chống thuế ở miền Trung năm 1908.

Ông chết ở Côn Đảo năm 1908 khi đó mới có 27 tuổi.

HOÀNG-TĂNG-BÍ (1883 - 1939)

Hoàng Tăng Bí hiệu là Nguyễn Phủ; người làng Đông Ngạc, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông.

Ông là một trong những nhân vật sáng lập Đông Kinh nghĩa thục và bị đày ra Côn Đảo năm 1908. Sau nhờ nhạc gia là quan Hiệp Biện Cao Xuân Dục bảo lãnh, ông được tha về Huế và thi đậu Phó Bảng.

Ông làm báo "Trung Bắc Tân Văn" và có soạn 3 vở tuồng: Thù Chồng Nợ Nước, Hoa Tiên Ký và Nghĩa Nặng Tình Sâu.

LÊ-VĂN-HUÂN (1875 - 1927)

Ông hiệu là Lâm Ngu; người làng Trung Lễ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh; đậu Giải Nguyên năm 1906 nên thường được gọi là Giải Huân.

Tham gia phong trào Duy Tân, ông cùng các đồng chí chủ trương "Triều Dương Thương Điếm" ở Vinh. Năm 1908, sau vụ kháng thuế, ông bị đày ra Côn Đảo. Tới năm 1917 được tha về, ông bí mật lập hội Phục Việt ở Nghệ Tĩnh. Năm 1927 ông bị bắt giam, tuyệt thực và mất ở nhà lao Hà Tĩnh. ●

Hà mai Phương



THANH NIÊN. TRƯỚC VẤN DỀ TRUYỀN THỐNG DÂN TỘC ● *Văn Thanh*
TÂM SỰ CỦA CHÚNG TA ● *Lĩnh Sơn Lĩnh*
VỀ LẠI SUỐI NGUỒN (TỰ KHÚC) ● *Bùi Vũ Phương Thảo*
LÁ THƯ PHI CHÂU: MÙA HÈ CỐ PHƯỢNG ● *Bùi Văn Phú*
VĂN HÓA VIỆT VÀ DANH DỰ VIỆT ● *Lê Văn Khoa*

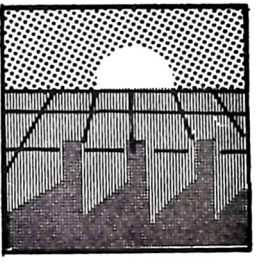

⊕PHẦN THANH NIÊN

Thanh niên trước vấn đề truyền thống Dân Tộc



Lạc lõng trong một xã hội tiến bộ về khoa học kỹ thuật, phong phú về đời sống vật chất và bị đè nặng bởi mặc cảm tự ti dân tộc và mặc cảm ăn nhờ ở đậu, thanh niên Việt tị nạn bằng ý thức hay vô ý thức, đi tìm truyền thống dân tộc để giúp khởi lại niềm tự tin và lòng hãnh diện về nguồn gốc làm vũ khí tinh thần đối chọi lại với sự ngạo mạn hay thương hại của người bản xứ. Họ đã từng mơ ước như người Do Thái, Nhật Bản hay Trung Hoa, có một truyền thống ngời sáng khiến cả thế giới thán phục, lâm bình phong che đậy lòng tự ti luôn luôn tiềm ẩn trong tâm hồn của người dân nước nhược tiểu. Họ mơ ước để rồi thất vọng vì nhìn quanh quất ở xứ người họ không thấy đâu thể hiện cụ thể của truyền thống dân tộc để hãnh diện mà khoe với bạn bè ngoại quốc rằng đấy họ cũng có truyền thống. Vốn liếng văn hóa của thanh niên tị nạn chính trị ngày càng xơ xác, tâm thần ngày càng hoang mang, đời sống ngày càng bị cuốn hút vào vòng quay của xã hội định cư mới, và liên hệ với dân tộc cũng ngày càng mai một đi, đấy là chưa kể một số thanh niên khi sực nhìn lại thì tự thấy chưa bao giờ có một liên hệ mật thiết với dân tộc, hoàn toàn xa lạ với văn hóa dân tộc.

Cảm nhận được sự hụt hẫng này, người thanh niên càng thêm bẽ bàng về sự thiếu truyền thống của mình. Một số người phản ứng bằng cách chối bỏ hẳn gốc gác Việt Nam của mình để không bao giờ phải đối diện với một vấn đề nan giải. Một số người khác cố bám víu vào một số hình thức như trang phục, nghi thức, nề nếp sinh hoạt. . . cho đấy là truyền thống dân tộc và nghĩ rằng chỉ cần bảo tồn những hiện tượng ấy là đã có truyền thống. Cả hai thái độ đều tai hại. Thái độ thứ nhất là thái độ vong bản. Vong bản là tự chối bỏ giá trị về gốc gác của mình nên chỉ là một sự trốn tránh chứ không phải là giải pháp thỏa đáng cho vấn đề khủng hoảng giá trị nội tâm. Thái độ thứ hai là thái độ bảo thủ. Bảo thủ đưa đến sự nghèo nàn về ý thức cũng như về giá trị nên cũng không phải là một giải pháp thỏa đáng. Bởi vậy vấn đề là đi tìm một quan điểm đúng đắn về truyền thống dân tộc. Muốn thế trước hết đi tìm một định nghĩa về truyền thống dân tộc là cần thiết.

Phải chăng tà áo dài, khăn mỏ quạ, tục ăn trầu cau, thói nhuộm răng đen, nghi thức cưới hỏi ma chay, lệ thờ cúng thần hoàng thổ địa. . . là truyền thống? Không hẳn, vì những tập tục, thói quen, nghi thức trên đều thay đổi theo thời gian và không gian. Áo dài không phải là y phục của Trưng Trắc Trưng Nhị, khăn mỏ quạ không phải là y phục của các thiếu nữ ngày nay. Nhuộm răng đen không còn giá trị thẩm mỹ của thời đại này nữa. Các nghi thức cưới hỏi ma chay cũng được thay đổi và cắt giảm dần cho phù hợp với hoàn cảnh xã hội và kinh tế mới, lệ thờ cúng thần hoàng thổ địa không còn phổ cập nữa nhất là ở ngoại quốc thì đã mất hẳn v. v. và v. v. Do đó những thói quen, tập tục, nghi thức này chỉ là những thể hiện của truyền thống qua các thời đại khác nhau. Vậy thì truyền thống phải là một cái gì căn bản, bao quát và trừu tượng hơn đủ để bao gồm tất cả những thể hiện như trên và hơn thế nữa phải trường tồn đối với thời gian, phải đặc thù của dân tộc và phải gắn liền với sự sinh tồn của dân tộc. Như thế thì truyền thống dân tộc có thể được định nghĩa là khả năng sinh tồn của dân tộc

ấy. Định nghĩa nãy hội đủ được các đặc tính nêu trên. Ở đây sinh tồn được hiểu theo nghĩa là sự hiện hữu và tồn tại một cách độc lập lấy dân tộc làm đơn vị gốc. Chẳng hạn cá nhân người Chàm nguyên gốc có thể còn nhưng dân tộc Chàm không còn nữa nên truyền thống dân tộc Chàm cũng không còn là một thực thể trong hiện tại nữa. Hiểu theo nghĩa này thì các đặc tính của người Việt Nam đã được các sử gia đề cập đến như tính ranh mãnh, khôn ngoan, nhớ dai, cần cù, thảo vát, bất khuất. . . đều là thể hiện của truyền thống và chỉ là thể hiện chứ không phải là đích danh truyền thống. Những đặc tính này là những đặc tính tập thành giúp dân tộc Việt Nam sinh tồn và vươn lên qua các thử thách của lịch sử.

Định nghĩa này về truyền thống có một căn cứ sinh vật học. Trong lịch sử tiến hóa của các chủng loại thì khả năng sinh tồn là yếu tố quan trọng nhất, sinh tồn là mục đích căn bản nhất của các loài, hiểu trên đơn vị chủng loại. Tất cả các sự tiến hóa, thích nghi đều nhằm mục đích sinh tồn. Do đó khả năng sinh tồn là thước đo giá trị tự nhiên đối với các chủng loại trong sự đấu tranh với nhau và với thiên nhiên để sinh tồn. Con người thời đại man khai khi còn phải đấu tranh với các chủng loại khác để sinh tồn thì chủng loại người là đơn vị trong vấn đề sinh tồn. Đến khi con người đã bỏ xa các chủng loại khác trong quá trình tiến hóa thì các chủng loại khác không còn là mối đe dọa đối với chủng loại Người mà lúc ấy chủng loại Người bắt đầu có các phân ranh tự nhiên về môi sinh giữa các chủng tộc. Trong giai đoạn này thì chủng tộc là đơn vị dùng trong vấn đề lượng định khả năng sinh tồn. Đến khi chủng loại Người có một hình thức phân ranh cao hơn___ phân ranh chính trị, văn hóa, xã hội, kinh tế___ thì đơn vị sinh tồn là dân tộc. Như vậy khả năng sinh tồn là giá trị tự nhiên dùng để đánh giá một dân tộc. Vì thế từ Âu tới Á, từ Mỹ sang Phi, nơi nào lúc nào thế nhân cũng ca ngợi một dân tộc có tính sinh tồn mãnh liệt chứ không ca ngợi một dân tộc sẵn sàng để bị đồng hóa. Do đó định nghĩa truyền thống dân tộc là khả

năng sinh tồn của dân tộc ấy là một điều hợp lý trên bình diện khoa học.

Trong tinh thần ấy, truyền thống có một đặc điểm căn bản, đó là tính động, tính tiến hóa, chứ không phải là tính tĩnh , tính bất di bất dịch như một số người lầm tưởng trong sự bảo thủ của họ. Cũng như một chủng loạimuốn sinh tồn cần tiến hóa cho thích ứng với môi sinh, một dân tộc muốn sinh tồn cần tiến hóa cho kịp với những thay đổi của thời đại. Dân tộc nào tiến hóa không kịp thì sẽ mang hiểm họa diệt vong, có nghĩa là mang hiểm họa mất truyền thống dân tộc. Chẳng hạn như Nhật Bản dưới thời Minh Trị đã cố gắng cải tiến xã hội, kỹ thuật, thể chế chính trị,v.v. để bắt kịp các nước Tây phương nên đã thể hiện đúng đắn truyền thống dân tộc và ngày nay được các dân tộc khác thán phục. Trong khi đó dưới triều Tự-Đức, Việt Nam bế quan tỏa cảng bưng tai bịt mắt đối với các tiến bộ khoa học bên ngoài nên đi đến chỗ mất độc lập tự chủ và là một nguyên nhân của tâm lý tự ti dân tộc của thanh niên tị nạn ngày nay.

Với định nghĩa như trên về truyền thống thì chúng ta thấy rất rõ ràng rằng những người chối bỏ nguồn gốc cũng đồng thời chối bỏ giá trị tự nhiên của mình vì đã từ chối



đấu tranh để sinh tồn như là thành viên của đơn vị dân tộc. Đây là thái độ đi ngược hẳn lại truyền thống. Đây là đồng hóa, ngược với tiến hóa. Tiến hóa là phát huy những đặc tính tốt sẵn có và tiếp nhận thêm những ưu điểm khác của người, tất cả trên tinh thần chọn lọc kỹ càng. Đồng hóa là chối bỏ đặc tính của mình, dù tốt hay xấu, để tiếp nhận không lọc lựa những đặc tính của người không kể xấu tốt. Tiến hóa là làm thăng hoa bản chất còn đồng hóa là đánh mất bản chất.

Mặt khác, thái độ bảo thủ cũng là thái độ đi trái lại với truyền thống dân tộc vì bảo thủ làm suy giảm tính sinh tồn của dân tộc. Bảo thủ là đóng khung, là làm nghèo nàn đi tính sinh tồn của dân tộc. Bảo thủ cũng sẽ đưa đến sự suy nhược và rồi diệt vong của dân tộc. Nói về truyền thống thì bảo thủ cũng tai hại không kém gì vong bản.

Với quan điểm trên thì truyền thống dân tộc không chỉ là các thể hiện của nó như thói lệ, tập tục, nghi thức mà chính là khả năng sinh tồn của dân tộc, là sự hiện hữu của một dân tộc Việt Nam với tất cả các sắc thái đặc thù.

Chính những đóng góp của mỗi người Việt tị nạn trong tư tưởng, hành động hay sinh hoạt hàng ngày cho sự sinh tồn của dân tộc làm sáng các sắc thái đặc thù là bằng chứng hùng hồn nhất cho người ngoại quốc thấy rằng dân tộc Việt có truyền thống. Chính sự thực hiện ý thức-dân-tộc-sinh-tồn của mỗi người là thể hiện sống và thực nhất của truyền thống dân tộc. Thực hiện như thế nào thì lại là một đề tài thảo luận khác sẽ được bàn đến sau.

Tóm lại, truyền thống dân tộc có thể hiểu theo nghĩa khả năng sinh tồn của một dân tộc và được thể hiện qua sự thực hiện khả năng sinh tồn ấy trong đời sống, sinh hoạt hằng ngày của mỗi con dân. Truyền thống dân tộc nằm trong chính dòng máu của mỗi người Việt có ý thức và ý nguyện●

Văn Thanh

tâm sự của chúng ta



Sáng 12 - 7 tôi có tên khám sức khỏe tổng quát lần chót để tối lên đường, ông mập vào tìm cơ nhã ý mời tôi đi Bangkok chơi. Tôi hiểu là do Chí viết thỏ yêu cầu. Hắn đưa tôi đi bằng xe hơi riêng cùng với một người Thái làm việc trong trại. Đi thăm một cơ sở của người Hoa sau đó là Thai Daimaru của Nhật. Các cơ sở thương mại qúa lớn và tối tân. Ngồi uống Cà-phê trong quán Daimaru nhớ Việt Nam qúa, thương Việt Nam qúa. Nhìn thấy sự trù phú và phát triển của người ta mà càng hận. Nhớ từng khuôn mặt thân yêu trên quê nhà xác xơ tội nghiệp. Tội nầy là tội chung của cả thế hệ chúng ta u mê ám chướng, dẫn dắt dân tộc lao đầu vào cuộc chiến đỏ xanh vô lý. Dựng nước giữ nước bao nhiêu lớp ông cha để hôm nay phút chốc hóa điêu tàn. Nếu may mắn thoát khỏi họa diệt vong thì bao nhiêu năm nữa mới trùng hưng lại được ? buồn qúa các ông ơi! Đi ngang qua cơ sở đại sứ của VC tối nghiến răng muốn trào nước mắt. Năm 1967 tôi đến Thái Lan. Sự cách biệt về phát triển đâu có qúa đáng như bây giờ. Chúng ta hiểu là bấy giờ chưa phải là sự tận cùng của sai biệt. Nếu may mắn mà giai đoạn nầy không kéo dài có nghĩa là quân cộng sớm vỡ vụn thì giá phải trả cũng là sụ tan nát thê thảm, sự chia rẽ phi lý tàn bạo gấp mấy lần hôm nay. Rồi từ đó chúng ta mới xây dựng nên... gia tài Mẹ bị phá sản như thế đó. Trong lúc đó thì vẫn là kẻ thù từ phía trùng vây... bầy con thì ra sức phá hoại bằng đủ mọi cách, ẩn núp dưới mọi chiêu bài : tôn giáo, đoàn thể... cố làm sao gây chia rẽ xé cho bằng nát tổ quốc ra chúng mới thỏa lòng.

Trời ơi, trong đêm yên lặng này tôi muốn hét vang lên gọi mọi người dậy. Muốn quỳ xuống lạy van họ rằng hãy giết hết những cái tôi khả ố đi, tôn giáo tôi, đoàn thể tôi... trăm ngàn cái tôi hàng ngày diễn ra làm tôi chóng mặt, đêm đến chúng ngủ yên lành thỏa mãn như thế kia. Tôi nhớ một lần cách đây hơn mười năm trong một đám chúng tôi ngồi hát với nhau. Mẹ Việt Nam ơi chúng con xin về giữ thơm quê Mẹ. Hơn mười năm chan hòa máu và nước mắt đổ xuống tưới thắm cánh đồng, đỏ rực thành thị. Tổ quốc càng đau thương, dân tộc càng khốn khổ khoai sắn đọa đầy, lớp em chúng tôi mù lòa dấn lối, ác quỷ đùa dường, phơi thây trên khắp các chiến trường hơn cằm tối tệ. Cả giang sơn cuốn hút trong cơn lốc bạo tàn ngu dốt.

Các bạn tôi đâu rồi ? trong đêm tối này các bạn tôi đâu chúng ta lầm đường cả rồi, hãy ngồi lại với nhau đi, hãy tỉnh táo lại đi. Hãy để cho cơn sốt vỡ da này qua đi cái đã, kinh điển cách mạng không cứu được dân tộc mình đâu, đừng làm cách mạng cục bộ chỉ cốt cho lương tâm mình được yên ổn, lý luận cách mạng khỏi đi như một sinh sản tế bào để hô hào năm ba người làm CM là không tưởng, là CM kiểu Nguyễn thái Học hy sinh lưu danh muôn thuở. Tâm trạng này, ảo tưởng này hôm nay chẳng lẽ lại ngự trị chúng ta sao ?

Chúng ta may mắn hơn nhiều người là chúng ta đã được sống và được rèn từ những ngày mới lớn. Dù sai lầm chiến lược, dù thất bại não lòng nhưng mười lăm năm qua, chúng ta trưởng thành nhiều lắm. Lớp anh em chúng ta phần nhiều đã tản lui, bỏ cuộc, hy sinh. Tôi xót xa nghe tin Đức Violon ngày nào manh áo kaki vàng duy nhất ra đi nhận nhiệm sở phó quận Hải Lăng đầy nhiệt thành lý tưởng, hôm nay lang thang ăn mày hè phố. Lập trong đêm tụ tập bạn bè khấn trước bàn thờ tổ quốc "thề trọn đời trung thành với sơn hà nước Nam " hôm nay bị kẻ thù bắn gục trong một chuyến vượt thoát oan nghiệt. Tôi không quên được, phải tôi không quên được cả những anh em tôi đang hóa thân trong guồng máy kẻ thù. Nguyễn long Hội, Trịnh đình Ban... Tôi vẫn tin các bạn hôm nay đã hiểu, đã thấy, vì lối lầng không thể quay

lại ? Vì sĩ diện không dám nhận mình lầm lẫn ? các bạn ơi, có tội nào cho bằng tội phản quốc, phản nhân dân ? Chúng ta đã từng chấp nhận chiến đấu sống chết để phục vụ lý tưởng xá gì can đảm nhận lỗi lầm. Dù bị coi thường, dù trăm cay nghìn đắng chúng ta vẫn có thể tự hào là đã sống trọn ven với mơ ước của cả một quê hương ? Còn lớp anh em tôi nữa... Mỗi anh một khu vực, mỗi anh một địa bàn... Các bạn ơi kẻ thù tôi là bàn tay co lại thành nắm đấm mà chúng ta là những ngón tay. Các anh chiến đấu tuyệt vọng đến thế hay sao : các anh biểu tình trước trụ sở cơ quan Liên Hiệp Quốc, trước tòa Đại sứ Nga. Các anh tập hợp đồng bào khu vực để chửi kẻ thù, các anh tổ chức văn nghệ đấu tranh. Các anh viết sách kêu gọi. Hay lắm, các anh đã làm đúng, nhưng nếu chỉ là thế để qua đi năm tháng thì kẻ thù chúng ta sẽ cười đắc thắng, căn bệnh cũ của chúng ta hôm nay vẫn còn là chúng ta chiến đấu tả khuynh vô chính phủ qúa. Sách lược ở đâu nếu chúng ta không xây dựng tử quân chúng, không có tổ chức tử nhân dân. Rõ ràng nhất là chúng ta phải hiểu. Cuộc chiến này (và sau đó là cuộc chiến kế tiếp để đưa đến toàn thắng của CM VN) phải được phát động tử nhân dân, trong dân. Cộng đồng VN hải ngoại là yếu tố tốt nhưng không đủ đâu, xây dựng những thượng tầng kiến trúc trên đó mà nghĩ là hoàn tất thì quá sai lầm. Hơn nữa huống hồ cộng đồng đó lại phân hóa bởi nhiều nguyên nhân, nhiều yếu tố, các bạn sẽ hỏi rằng: Làm sao chúng ta có được khối nhân dân trong nước, làm sao chúng ta nói chuyện được với họ, chứ nói chi đến việc tổ chức.

Tôi chỉ muốn trình bày với các bạn là : chính nhân dân đó, chính quần chúng đó là động lực và cũng là mục tiêu chúng ta hướng tới. Cứu cánh là ở đó, phương tiện cũng là ở đó. Những hoạt động hôm nay dù với những phương tiện hữu hạn và những mục đích hữu hạn nhưng phải được chỉ đạo bởi mục tiêu hướng tới. Bỏ quên nó để cứ ngỡ là chiến trường thu hẹp này có tầm vóc quyết định thì vô tình chúng ta bỏ điểm theo diện, bỏ thực lực lấy chiêu bài. Cuộc chiến giai đoạn Kháng Cộng không hoàn tất theo chiều hướng

mong muốn. Dù rằng tiến trình vận động lịch sử chắc chắn sẽ đưa đến giai đoạn Thắng Cộng nhưng chúng ta, nhân dân sẽ phải trả một giá đắt hơn nhiều. Đến lúc đó vốn liếng đâu để xây dựng chú đừng nói đến đấu tranh CM hoàn tất sứ mệnh lịch sử của thời đại đối kháng và tiêu diệt các thế lực phản động khác.

Cũng có những anh em muốn giằng kéo các thế lực chính trị quốc tế hầu đem lại kết qủa có lợi nhất. Những vận động chính trị của một vài nhóm với lý luận " kẻ thù của kẻ thù là bạn ta ", " thủ đoạn chính trị có tính cách giai đoạn ". Phải, HCM đã dùng chiến thuật đó để thành công trong liên minh Quốc Cộng. CS đã dùng chiến thuật đó để thành công trong kế hoạchcướp chính quyền năm 1945, nhưng trong hiện trạng ván bài này không thể đánh được như thế, nhất là những tay chơi bài đều không phải tay mơ. Trước khi bắt tay " thỏa hiệp " chúng ta phải nhìn lại xem vốn chúng ta có những gì, có bột mới gột nên hồ, chúng ta không được thảo luận khi chúng ta không có gì trong tay. Nhất là trong cuộc nói chuyện song phương đó đối phương lại là cán bộ CS. Tuyệt đối không thể lầm lẫn rằng chúng ta, người quốc gia có lợi trong giao kèo này, chúng ta chỉ xử dụng được khi chúng ta có thế mạnh, nói chuyện nhân, nghĩa, trí, tín với kẻ thù là ấu trĩ, là mơ hồ. Quan trọng lúc này không phải là những mục tiêu như thế, khi chúng ta dấn thân vào những đối tượng như vậy để theo đuổi một hiện thực sẽ Thành chúng ta không ngờ rằng nó là một hiện thực Đã Thành. Mục tiêu của giai đoạn này, thế chiến lược của giai đoạn này Đã Thành và các quân cờ đã đứng vào vị trí. Điều này chắc chắn là một sự thực. Vì thế chúng ta không nên làm một việc thừa, lộ diện để tốn hao vô ích. Tại sao chúng ta không lợi dụng thời gian này để bổ khuyết vào chỗ thiếu sót quan trọng nhất của chúng ta là tập hợp và giáo dục cán bộ, gấp rút tạo nên cái vốn của người quốc gia để đánh ván bài quyết định. Một cán bộ có kỷ luật, có tổ chức có giá trị gấp trăm lần cán bộ hành động tùy hứng tự chuyên, manh động. Chìa khóa chiến thắng CS là tổ chức và

kỷ luật, luận lý đơn giản này chúng ta ai cũng thấy nhưng chưa làm được trong sáu năm qua, ở trong nước thì có thể bảo rằng vì bạo lực của kẻ thù, vì sự khủng bố và chính sách ly cách và phản gián qúa tinh vi. Nhưng ở hải ngoại thì rõ ràng hầu hết là ở các lý do nội tại, kẻ thù cũng phá hoại nhưng không phải lý do quan trọng nhất mà thực tế là ở chính chúng ta.

Đi sâu vào chi tiết chúng ta sẽ tìm ra qúa nhiều lý do. Ở đây chúng ta nhìn tổng qúat các anh em tôi ơi. Tám năm qua các bạn đã làm được những gì. Đừng tự ái, đừng cục bộ phe nhóm, hãy thẳng thắn nhìn vào sự thật với thái độ cần thiết là ta có thể thua, nhóm ta có thể thua. Nhưng tổ quốc ta nhân dân ta thắng, thì có nghĩa là ta thắng. Với quan niệm chỉ đạo đó chúng ta kiểm điểm lại là đã làm được những gì. Trong lúc đó mọi diễn biến đều qúa có lợi cho ta. Mà những diễn biến này hầu hết là do từ kẻ thù đem lại, như bản chất chúng tàn ác hiếu chiến, không thích nghi được trong thời bình đưa đến mọi rối loạn trong nước, đẩy nhân dân sang thế nghịch cực đoan. Hàng ngũ chúng tự chia rẽ, thoái hóa của cán bộ. Lớp hào quang chúng tạo được đối với thế giới tây phương ngày thỏ thiển cận đến hôm nay hoàn toàn rã rời trước việc chúng xua quân qua Campuchia, nhất là trước việc nhân dân ta " bỏ phiếu bằng chân " tạo nên cuộc vượt biên vĩ đại lịch sử gây chấn động cả một thế giới đang yên ngủ.

Trong khi đó chúng ta làm được những gì ? Có, chúng ta có chiến thắng, ít nhất là trên chiến trường ngoại giao, một chiến trường trước đây kẻ thù múa gậy vườn hoang thì ngày hôm nay chúng ta làm chủ. Chúng ta có khả năng ngăn chặn địch, đánh dập đầu địch trên chiến trường này. Chúng ta cũng hình thành một số lớn tổ chức dưới hình thức hội đoàn tương trợ, hội đoàn tôn giáo, tổ chức chống cộng. Một số anh em lần mò hình thành một số cơ sở lý luận chống cộng đưa đến một vài hiến chương, cương lĩnh ...

Nó có đủ cho một vận động cứu nước không các bạn? Nếu trước 75 chúng ta làm được những điều này thì chúng ta có quyền thỏa mãn, nhưng hôm nay giai đoạn CM này đủ chưa các bạn ?

Kể cả trong lãnh vực văn hóa, văn nghệ, chúng ta chưa đưa ra được một sinh hoạt đúng tầm vóc. Chúng ta hụt hơi trước biến cố quá vĩ đại này chăng ? Kiểm điểm lại chúng ta thấy thực sự có một tác phẩm "Hoa Địa Ngục", một vài nhạc sĩ như Nguyệt Ánh hay "Một Nhật Ký Viết Trong Tù" của Phan Nhật Nam. Những tác phẩm tương đối còn là vũ khí hữu hiệu kháng cộng. Một tác phẩm có giá trị văn chương cũng như có tác dụng vận động quần chúng đúng nghĩa chưa (hay là không) ra đời.

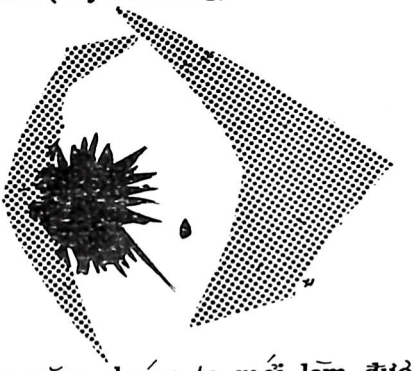

Hơn tám năm chúng ta mới làm được như thế này chăng ?

Và cuối cùng là lớp anh em hiện còn đang nằm trong các nhà tù của kẻ thù từ Nam ra Bắc. Lớp anh em bất hạnh nhất của thế hệ này, các anh tự trọng lắm, các anh anh hùng lắm, trong thắng lợi của giai đoạn Kháng Cộng này, sự im lặng của các anh đã góp phần không nhỏ, các anh gánh vác một món nợ của cả một dân tộc. Các anh không bị lừa mà cả nhân dân miền Nam bị lừa và nhờ các anh, nhân dân biết rằng họ bị lừa từ đó nhìn rõ mặt kẻ thù hơn. Những năm dằng dặc đó các anh cũng đứng rất thẳng. Chiến thắng đó lớn vô cùng, mỗi chốn lao tù các anh ở, đó chính là nơi còn cắm cờ quốc gia, còn là pháo đài của quốc gia. Các anh chiến đấu và gục ngã với tư cách của những chiến sĩ xứng đáng. Tôi không quên được đâu những anh, chị bị chúng xử bắn trong nhà tù Hàm Tân, tôi còn nhớ lắm những bài hát chiến đấu ca chất ngất hào khí, anh chị sáng tác và cất cao tiếng hát trong tù. Những hình ảnh của Thanh, cậu bạn nhỏ trong tù vẫn là một ám ảnh

đối với tôi. Thanh bị bắt sau khi tham gia một cuộc bạođộng võ trang của một cơ sở tôn giáo. Em tâm sự với tôi, vài hôm nuã em sẽ nhân lúc công khai chửi vào mặt chúng. Em đã bị bắn trước mặt tôi, loạt đạn xõ em ngã sấp mặt xuống đất và kẻ thù như chưa vởi nỗi căm hờn chạy đến xả súng bắn tung lưng em. Tôi nhìn thấy giọng máu nóng trong thân thể em tuôn trào ra sôi bọt.

Những loạt đạn AK
Xõ ngã em nằm xuống
Vòng tay ôm đất Mẹ
Vòng tay ôm quê hương . . .

Chúng lấy dây cột chân em, lôi xác em xệnh xệch về quãng giữa sân trại để thị uy đám tù khốn khổ, rồi sau đó mới bó chiếu chôn thầy em cạnh bìa rừng. Thanh ơi,em còn nhớ lời tôi khuyên em! Em chết tôi không buồn, tôi chỉ tiếc cho đại cuộc sau này mất đi một cán bộ... Phải, hôm nay anh em chúng ta không được phép chiến đấu kiểu " tri thức tiểu tư sản " nuã. Đừng mang vào hoài vọng đi làm CM lãng mạn, đừng chiến đấu vì anh hùng cá nhân. Ở trong tù cái sống và cái chết có khác gì đâu. Lắm khi sống còn khổ gấp trăm ngàn lần cái chết. Nhưng chúng ta phải sống, các anh sống đã là một chiến thắng vì sau này còn người đóng góp cho sự nghiệp cứu nước dựng nước. Chúng ta há không từng bảo nhau nếu có chết thì cũng ráng một đổi ba bốn còn rẻ lắm thì cũng một đổi một để bớt đi được một ít kẻ thù cho nhân dân, cho chiến hữu...

Các anh em tôi ởi, ráng sống nhé. Hãy ghìm sức của mình lại để ngày mai này ghìm súng. Cuộc chiến đấu của tổ quốc còn dài. Mỗi cọng lang, mỗi hột bo bo dù sao cũng còn cho các bạn một ít calories để chờ cơ hội cùng nhân dân hát khúc khải hoàn. Hãy cứ nghĩ rằng chẳng lẽ anh em bên ngoài bỏ quên các anh sao? Nhân dân VN,tổ quốc VN lãng quên các bạn sao? Cố lên các anh nhé . ●

Linh _ Sơn _ Lĩnh



về lại suối nguồn tự khúc

MỘT

Đã lâu rồi ta không còn viết được nữa, Hoàng Ngâu có biết? Bởi nếu viết mà những ý tưởng của mình không thoát xác được ra khỏi cái vũng lầy tâm tư cô đọng thì viết để làm gì...

Nhiều lần ta thường ngồi lặng người trong đêm sâu khuya khoắt. Trăng sáng rỡ răng trên cao, để nỗi xúc cảm trong ta vỡ òa ra thành một giòng lênh láng sóng. Ta thả hồn mình dật dờ trên con thuyền của giòng sông cảm xúc đó. Cây cỏ bình tâm ngồi im lìm bên cạnh nhìn ta. Rồi con thuyền nhỏ đưa ta trôi dạt về bên bờ Trí Nhớ. Đưa ta trôi dạt về bên bờ thơ ấu năm xưa, bờ thơ ấu dập dìu trau chuốt đầy những điệu ca dao ngọt đậm. Nỗi nhớ ta bỗng tan vỡ giữa trăng xứ người như những búp hoa rớt rụng. Những búp hoa ngọc lan thơm ngát trắng ngần của vườn cây ngày củ, của khoảng đời tuổi nhỏ vui tươi. Buồn ta bật khóc. Sầu ta đong đưa từng đóa não nề. Ta dơ tay ra hái. Đóa sầu quanh quẩn nở tung, nở rộ ra thành những băn khoăn day

dứt. Buồn ta bỗng chợt nín câm. Để mơ hồ ta thấy vầng trăng đã khuyết, mà cung quảng dịu dàng vẫn chở ta về với vô cùng nỗi nhớ, những trái núi thương, những giòng sông tưởng, những ban mai thức dậy của tâm hồn.

Ta cúi đầu mơ hồ thấy mình là Lý Bạch. Thấy mình là Trang Chu hóa bướm nằm ép mình trên trang sách ước thần tiên. Chuyện huyền thoại đó, ô hay, đã nhập biến vào ta tự thủa nào rồi mà tự nhiên như chính đơ lạ ta vậy? Rồi đôi lúc, giữa trăng xứ người, ta lại mơ hồ tưởng mình đang đứng âm thầm trên giòng sông Tô Lịch, lời ca vang vang rền giọng cõi biên thùy. Lại có lần mơ thấy mình là Nhị Nưởng trên lưng chiến mã. Bóng ngựa lướt thật nhanh trên con đường đất gập ghềnh, dẫn ta về lại một mái chùa xưa, một thành quách cũ, một quan nhỏ tiều điều có rượu có thơ trên bờ đề hiu hắt nắng chiều: "Ngày mai mưa gió lộng biên cương, binh lửa tàn rồi hỡi Nhị Nương? Chén rượu hoàng hoa ai nữa chuốc? Ngựa hồng ai nữa lại lên đường?"... Ta mơ bến sông Lô, ta tiếc hồn Yên Bái. Buổi sáng mùa thu lấm liệt quân reo hò, buổi chiều mùa đông ngồi quây quần mưu bàn quốc sách . . . Ta ngỡ mình là những cánh hoa đào lấm đen thuốc súng mùa xuân năm Kỷ Dậu. Ta thấy mình biến ra thành tám chữ viết bằng mật ong trên những cánh lá xanh tươi, để sau kiến cắn theo giòng mật đó mà làm nên sự định, để nhân dân theo đó mà ùa về giúp kẻ đại trượng phu: "Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần". Ta làm áo vải Lam Sơn. Ta làm ngọn lửa cháy bùng vinh danh bao người tuấn tiết.

Hỡi Hoàng Ngâu, những Hoàng Ngâu và Hoàng Ngâu ơi, giữa trăng xứ người, giòng-sông-trí-nhớ biến thành giòng-sông ước-mơ luân lưu nhịp chảy, đưa ta trở về với cội rễ Quê Cha, như đang dở lại tửng trang lịch sử cũ. Ôi cái tiềm tăng rực lửa hăng say. Ta chèo thuyền chơi vơi trên giòng-thương-nhớ đó, ngụp lặn êm đềm trong cái khát khao của những tinh tự Quê Nhà, của muôn hùng uy bất khuất.

Những lúc đó, ta mới muốn được ghi xuống thành câu thành lời trên giấy, muốn được kể làm sao, Hoàng Ngâu có

hiểu? Để giải thoát cho những xúc cảm đang sắp nổ tung, vang âm như tiếng hô Việt Nam Muôn Năm trên đoạn đầu đài của 13 người liệt sĩ. Ta muốn bật vỡ theo từng chuỗi xúc động trùng trùng điệp điệp dội âm ỉ nãy. Những ý thức hệ lúc đó bất chợt đổ ào ra thành suối thác, cuốn lấp đi con đê mơ hồ ảo tưởng trong ta. Đóa sầu ta lắng xuống. Con lại giữa tim hồng là những câu đối đáp rõ ràng cho một ý thức hệ -- hay một cuộng lưu tư tưởng -- bắt buộc phải có trong mỗi người Tuổi Trẻ chúng ta sau những đêm loay hoay ảo mộng, sau những lần điêu đứng dật dờ . . .

Ta chợt nhớ ra ta là Tuổi Trẻ Việt Nam.

Ta chợt nhớ ra ta đang bơ vơ trên một xứ sở quê người. Thì nỗi buồn ta từ đó mà dâng. Thì giọt lệ ta bởi đó mà đổ. Và cũng từ đó mà ta phải biết đi tìm cho mình một lối đi, một nẻo về bên bờ sông Quê Cũ, để nhập vào một Giòng Cứu Nước, để hòa vào một Giòng Dựng Nước, và uống thật say sưa Giòng Đam Mê Dân Tộc dành cho Tuổi Trẻ chúng ta đây.

Hỡi Hoàng Ngâu, những Hoàng Ngâu và Hoàng Ngâu ơi, ta bắt đầu từ đâu để khơi đi Giòng Lịch Sử Mới, để trở về vòng tay ôm Tổ Quốc mà tự hào với Tuổi Trẻ chúng ta?

Hoàng Ngâu ơi, ta chợt muốn hát một bài ca dao thật hiền hòa giữa cánh đồng lúa thơm ông ả. Con sông êm đềm rồi sẽ dẫn ta về ngày mai tươi mát đó để chúng ta cùng ươm lên những cây Hy Vọng tinh nguyên. Để những câu Yêu Thương được trở thành những sản nghiệp thật tuyệt vời . . .

Ta muốn tập hát một bài ca dao vỉ von đời hạnh phúc, lời dịu dàng phả xuống tận đáy tâm hồn. Rồi chúng ta bắt đầu nói về những điều cần thiết, cần thiết cho bây giờ để có thể lãm sáng tỏ tương lai ! !

Chúng ta đang phải mang trên vai bao nhiêu sứ mạng, và phải biết tự đặt mình vào giữa một Giòng Nhiệt Huyết Hào Hùng.

Hoàng Ngâu có hiểu? Ở đó, chính là Suối Nguồn Dân Tộc của chúng ta.

HAI

Cách đây hơn hai năm, ta tìm đọc được một bài viết dành cho Tuổi Trẻ, "Viết cho tuổi trẻ Việt Nam anh hùng" 1981 của ông Phạm Nam Sách -- những lời hay, những lời đẹp mà ta đã nghiền ngẫm đọc với tất cả sự trang trọng, thành khẩn và thức tỉnh của lòng mình.

Những lời đọc được đã nghiễm nhiên trở thành một Giòng Sông Ý Thức gắn liền với từng nỗi nhớ, với từng cơn đau, đóa sầu, cũng những suy tư không bao giờ có thể chấm dứt của ta. Những lời đọc được nhập vào tâm hồn ta thành gốc thành rễ, khắc sâu vào tâm trí ta cơ hồ như ngày xửa ngày xưa, khi đầu óc non nớt của ta mới biết thấu nhập . . . thì những gì đã thấy đã cảm ở những năm tuổi nhỏ là tất cả những gì quí báu nhất có thể hiện diện muôn đời trong tiềm thức ta. Bài viết đó đã là một phần đời sống của ta rồi đó, Hoàng Ngâu chắc biết, đã đi vào tâm linh ta như một bài kinh nhật tụng, tựa một bản vở lòng của những điều qui ước mà ta cố chăm chút, giữ gìn. Có nhiều lần ta đã muốn đọc đi đọc lại cho Hoàng Ngâu nghe những giòng chữ gói ghém tâm sự đó. Những lời lẽ thật giản dị mà hùng hồn, thâm trầm mà gắn bó. Xúc cảm ta ùa ra theo sóng. Suối Nguồn Dân Tộc hiện lên bát ngát, nở rộ thành ra muôn vạn đóa hoa, đốt lên được thành trăm ngàn ánh đuốc. Suối Nguồn Dân Tộc tự nhiên dào dạt, tự nhiên bùng sôi trong huyết quản để mong mang đến được những ý thức vững vàng cho vạn đại mai sau.

Ta ôm vào tim những điều viết đó, như gắn vào hồn một hình ảnh của Nguyễn Trãi thủa xưa theo tiễn Cha đến nơi cửa ải, nghe Cha mình trăn trối "Cha xót phận tuổi già sức yếu, lỡ sa cơ đành chịu bó tay." Những điều viết của Phạm Nam Sách mà hôm nay đã cơ hồ trở thành như những điều Nguyễn Phi Khanh từng nhắn dạy, "con về đi, tận trung là tận hiếu, đem gươm mài bóng nguyệt dưới khăn tang". . .

Tận Trung là Tận Hiếu! Hoàng Ngâu thấy chứ, mà bây giờ, cái thế hệ Tuổi Trẻ Lưu Vong của chúng ta có lẽ còn phải đặt trên vai những trách nhiệm nặng nề và khó khăn

hơn thế nữa, bởi chúng ta thật sự bơ vơ và bềnh bồng trôi dạt hơn những thời đại cũ biết bao lần. Nguyễn Trãi khi xưa còn một mảnh đất Quê Hương để dung thân mà mưu đồ đại sự. Còn chúng ta, luân lạc bốn bể năm châu, đất không có để mà đứng, giang sơn gấm vóc không còn trong tầm mắt để mà nhìn . . . thì hỡi Hoàng Ngâu, những Hoàng Ngâu và Hoàng Ngâu ơi, ta phải bắt đầu từ đâu để khởi đi Giòng Lịch Sử Mới, để mai sau trở về vòng tay ôm Tổ Quốc mà tự hào với Tuổi Trẻ chúng ta?

Ta muốn Hoàng Ngâu đọc, những điều ta ghi lại sau đây. Vì *"Viết cho Tuổi Trẻ Việt Nam Anh Hùng"* là viết cho Chúng Ta đó! Hoàng Ngâu hãy nhớ lại đi, để rồi mai đây chúng ta sẽ cũng "đem gươm mãi bóng nguyệt dưới khăn tang"- cái Đại Tang của Dân Tộc mình . . .



"Quá khứ, dù xấu đến đâu, vẫn là một cái gì đáng để nhớ, để tiếc, để buồn. Tôi không muốn chìm vào quá khứ, ngập lụt trong dĩ vãng mà nhớ mà thương. Tôi muốn cùng Bạn Trẻ duyệt lại quá khứ để tìm một lối đi cho dân tộc, tránh những vết xe đổ. Chúng ta chia xẻ với chanh những ngậm ngùi cho những cuộc đời bất đắc chí. Chúng ta vẫn khóc Tố Như nhưng chẳng phải để mà khóc theo cái kiểu nhỏ lệ sầu. Chúng ta tìm hiểu bằng cách phân tách dưới ánh sáng của những chủ nghĩa triết học nhân văn lịch sử để rút ra những bài học về thời đại hậu Lê tiền Nguyễn, để soi sáng cho cuộc hành trình cứu nước và dựng nước. Tuổi Trẻ thừa hưởng được những gì của dĩ vãng và sẽ làm gì trong tương lai?" *

Nếu gạt bỏ ra ngoài cái thời kỳ 2.000 năm hồng hoang tiền sử thì chúng ta còn lại hơn 2.000 năm với một nền tảng văn minh dân tộc chồng chất thăng trầm. Giòng lịch sử biến chuyển của một ngàn năm với bốn lần Bắc thuộc là bốn lần cha chúng ta đã đuổi quân xâm lăng ra khỏi cõi bờ, của một trăm năm nô lệ da trắng với cuộc lật đổ dành lại độc lập cho nước nhà. Nhưng ngày nay, Tổ Quốc chúng ta đang phải oằn oại thêm một lần dưới trùm vây đau đớn, mà duyên cớ bởi vì đâu? Chúng ta đã tủng bị biến cải thành một sản phẩm hỗn hợp Âu-Á nguyên bởi cái chủ thuyết văn minh vật chất và cá nhân chủ nghĩa của một xã hội Tây Phương. Và *"từ cái hỗn hợp Á-Âu này, một bọn vong bản đã đem chủ thuyết ngoại lai, mượn chiêu bài giải phóng, sáp nhập đất nước chúng ta vào một đế quốc da trắng khác: đế quốc Sô-Viết"*. * Hoàng Ngâu thấy đó, làm sao bây giờ để trả lời cho sự tủi nhục đau đớn kia, làm sao bây giờ để dập tắt đi một tướng lai ảm đạm mà thay thế vào bằng một trang lịch sử mới vẻ vang, hiển hòa như bản tính chất phác cũ người quê hướng, của nguồn dân tộc? Hay có phải . . . *"nhiệm vụ đã bày ra trước mắt mọi người Việt Nam ở khắp nơi trên trái đất này, chúng ta phải giải phóng quê hướng như xưa kia tổ tiên chúng ta đã đánh đuổi quân Bắc?"* *

Ừ thì điều đó đã hẳn là một điều hiển nhiên bắt buộc rồi, Hoàng Ngâu thấy chứ?

Tại sao chúng ta lại lầm lũi bỏ nước ra đi để rồi hôm nay, nơi xứ lạ quê người, ngồi âm thầm cắn răng chịu đựng những dày vò tâm khảm? Chung ta không làm được một điều gì nữa thiết thực hơn sao? Phải làm gì để thúc đẩy, để nuôi dưỡng công việc cần thiết cho cái nhiệm vụ tối hậu kia: là Giải Phóng Quê Hướng, là Cứu Nguy Dân Tộc.

Ta đã đọc lại biết bao lần những gì Phạm Nam Sách viết, để bắt đầu nghiền ngẫm đến những vết xe đổ mà cha anh chúng ta đã dẫm lên trong quá khứ. Ông đã đưa dẫn ra những ví dụ điển hình của bao thời đại cũ, những ví dụ lố lăm đem đến một sự sụp đổ oái oăm. Thay vì bồi đắp cho nền văn minh văn hiến của hơn 4.000 năm bằng những tinh hoa của

nhân loại, bằng những kiến thức cập nhật hoá của những kỷ nguyên mới, thế hệ bảo thủ của vua quan nhà Nguyễn đã khăng khăng giữ ghì, trói chặt chúng ta lại trong vòng kềm tỏa, bất chấp những đổi thay của thế giới bên ngoài. Nhưng đến những thập niên 1930 - 1945 với các phong trào bỏ cũ thay mới, mà mạnh mẽ và có uy tín nhất là nhóm Tự Lực Văn Đoàn, thì nếu đã góp phần làm giàu cho ngôn ngữ văn chương, nhóm Tự Lực Văn Đoàn lại có trách nhiệm đem cá nhân chủ nghĩa của Tây Phương vào đầu óc thanh thiếu niên Việt. Rồi tiếp theo đó, những hình ảnh như hình ảnh anh chàng Dũng trong "Đôi Bạn" của Nhất Linh chính là tiền nhân của những mẫu người hoạt động cho các đảng phái quốc gia về sau này.

"Dũng là một người muốn thoát ly gia đình để làm việc cho lý tưởng nhưng lại không có một đường lối, một kế hoạch, một chuẩn bị nào cho công việc của mình cả." * Cái dở là ở đó, cái hỏng là ở đó, cái mà Tuổi Trẻ chúng ta hôm nay cần phải nhận thức rõ để thay đổi hoàn toàn cũng chính là ở đó. Nghĩa là chúng ta phải biết tự sắp đặt cho mình những bước đi rõ ràng cho một sự chuẩn bị thuần thục, để biết chắc rằng mọi bước đi tới trên sơ-đồ-kế-hoạch sẽ phải là mỗi bước không sai lầm và là mỗi bước thành công.

Bởi vì:

"Bạn trẻ, xin coi rằng định mạng lịch sử đã trao cho chúng ta cái nhiệm vụ viết ra những trang sử oai hùng cho một nước Đại Việt anh hùng. Chúng ta không được từ chối, và nhất là đừng than thân trách phận.

Tôi muốn nhắc những người Việt, ở trong nước hay ly hương, rằng mọi việc làm, mọi ý nghĩ đều phải hướng vào công cuộc Giải Phóng Dân Tộc khỏi ách đế quốc Sô Viết. Không làm được như vậy thì mọi sự mong muốn mọi hoài bão đều vô ích. Cái sở học của những người Việt ở hải ngoại sẽ dùng làm gì nếu không dành cho quê hương. Tất cả cho đại cuộc giải phóng, tất cả cho việc cứu nguy dân tộc." *

Và song song với sự hòa mình vào Giòng-Cứu-Nước, chúng ta còn phải biết chuẩn bị cho mình một cái trọng trách cao cả hơn nữa, cái sứ mạng dành riêng cho công cuộc Dựng Nước sau này . . .

"Mẫu người của tuổi trẻ Việt Nam ngày nay phải là một sự phối hợp tuyệt vời giữa những giá trị văn hóa Việt Nam và những kiến thức được cập nhật hóa không ngừng. Mỗi sự trau giồi kiến thức đều phải nhằm phục vụ tổ quốc Việt Nam trước hết . . ."

"Xin tuổi trẻ Việt Nam những gì các bạn học, hãy để chút ý nghĩ cho Việt Nam. Một sinh viên kiến trúc phải nghĩ rằng với phong thổ, với khí hậu Việt Nam, kiểu nhà nào thích hợp nhất, kiểu nhà nào vừa bảo trì sức khỏe dân tộc, vừa phù hợp với nền kinh tế nghèo nàn, vừa tượng trưng cho văn hóa Việt Nam. Bạn học hóa học, bạn hãy nghĩ đến những năng lượng có thể sản xuất ra điện ở Việt Nam một cách thật rẻ tiền. Bạn học điện, bạn hãy nghĩ đến những năng lượng có thể sản xuất ra điện ở Việt Nam một cách thật rẻ tiền. Bạn học về dinh dưỡng, bạn hãy nghĩ đến đồ ăn Việt Nam, đến những món ăn thuần túy quê hương và nghĩ sao cho người mình ăn ít, ăn ngon mà lại bổ. Xin hãy khoan nghĩ tới "carrer" của mình trên đất Mỹ. Hãy đón giản trong những thú vui giải trí. Để ra mỗi ngày vài ba mươi phút nghĩ về quê hương mình. Tỉnh Bình Định nằm ở đâu, hình thể nó ra sao, dân số thế nào, kinh tế địa phương có gì đặc sắc. Thế thôi. Bạn sẽ nhớ Việt Nam muôn thuở. Bạn sẽ nung nấu ý nghĩ trở về. Rồi bạn sẽ hành động!

Chúng ta đang trải qua thiên ma bách chiết. Rồi thép sẽ tôi và chúng ta sẽ thành thép. Chúng ta mang dòng máu cái bất khuất của Trần Bình Trọng, cái thao lược của Quang Trung, cái bền bỉ của Lê Lợi, cái nghệ sĩ của Nguyễn Du . . . Chúng ta đã và đang là những hòa hợp thành hình. Phải thúc đẩy sự hòa hợp đó, đừng để một khía cạnh nào mai một. Quên Trần Bình Trọng, chúng ta sẽ hèn, tham sinh úy tử. Quên Quang Trung, chúng ta sẽ chỉ còn là người tầm thường, lấnh "check" để đi cho Tàu cuối tuần. Quên Lê Lợi, chúng

ta sẽ nóng lòng buông mình theo những cạm bẫy giăng mắc của ngụy quyền Cộng Sản. Và quên Nguyễn Du, chúng ta chỉ còn là người Mỹ, thang thang tính tiền "credit" để trả "bills". Không, trăm lần không và vạn lần không vì chúng ta là người Việt Nam đáng yêu đáng kính" *

Hãy luôn luôn nhớ là như thế, này hỡi Nụ-Hoa-Vàng của phương Đông muôn vàn yêu dấu cũ. Hãy tập tành để trở nên là như thế, hỡi Hoàng Ngầu, để mai sau trở về mà dựng xây Cố Quốc, để mai sau trở về mà tiếp tục con đường Dân Tộc, cùng với năm mười triệu công dân nước Việt tạo dựng lại cố đô, ươm mộng Tình Người để trồng lên những cây Hy Vọng triu trái yêu thương, uyển chuyển lướt nhanh trên giòng-sông-Khai-Phóng. Mà Hoàng Ngầu còn nhớ chứ, đã một lần ta nói với Hoàng Ngầu, rằng kết quả của một Việt Nam phương Đông rực rỡ ánh mặt trời buổi sáng phần lớn sẽ phải đến từ những cố gắng không ngừng của Tuổi Trẻ chúng ta, của những nụ hoa vàng rắc rải trên chiếc cầu hội ngộ vào mùa tháng bảy – không phải chỉ mỗi năm một lần mà là sẽ vĩnh cửu đời đời như thế.

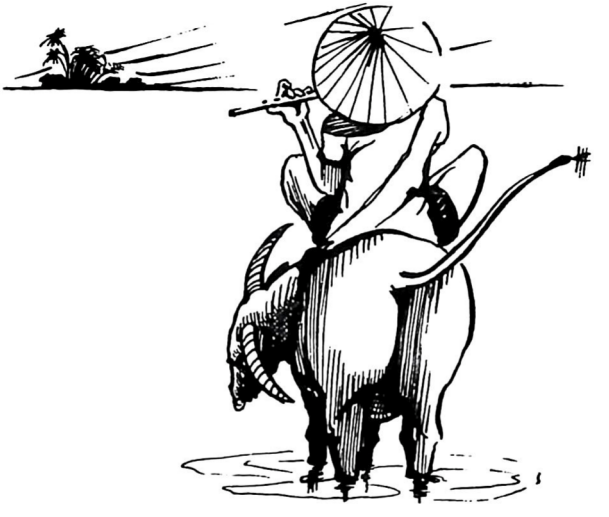

"Tuổi Trẻ phải đi liền với dân tộc, sát cánh với dân mình như cá với nước, cùng ăn cùng chịu cảnh khổ sở thiếu thốn. Đừng đến với dân tộc bằng niềm kiêu hãnh khoa bảng. Đừng đến với dân tộc bằng những thời trang và cử chỉ đúng mốt. Hãy đem đến cho dân tộc một niềm tin khi họ thấy rằng chúng ta cũng quần nâu áo vải, cơm dưa cơm mắm, chúng ta cũng suy nghĩ lo âu như đồng bào. Tuổi trẻ sẽ thấy niềm hãnh diện nòi giống dâng cao. Tuổi trẻ sẽ tiếp nối được chí khí của Quang Trung mà Lê Ngọc Hân đã từng ca tụng: "Thủỏng ngủỏi áo vải, cỡ đào; giúp dân dựng nước, xiết bao công trình."

Tuổi trẻ Việt Nam!

Dân tộc đang chờ chúng ta từng giờ, từng phút." *

BA.

Hoàng Ngâu đọc xong rồi chứ những lời nhắn nhủ kia? Vậy bây giờ, Hoàng Ngâu có muốn nghe không về một điều rất riêng và nực cười này? Hoàng Ngâu có nhớ, ta vẫn thường kể cho Hoàng Ngâu nghe về cái giấc mơ hoa bướm bay về Quê Cũ của mình, cái giấc mơ Trang Chu thời đại . . . (Hoàng Ngâu chắc nhớ!). Ta mơ hoa bướm để trở về nhởn nhơ bay lượn trên mảnh sân vuông vắn trước hiên nhà thuở nhỏ, đậu lại trên cây ngọc lan của mẹ, là đã chung quanh khóm trúc bố trồng, tung tăng hớn hở trên từng nhánh hoa ngâu vàng óng ả, của mùa tháng bảy Ngưu Lang Chức Nữ bắc cầu hội ngộ nối liền. Giấc mơ hoa bướm bay đi, bay về Cố Xứ, để rồi sáng dậy, lại thấy mình vẫn ngồi loay hoay ôn bài ôn vở trong một đám đông lớp học ồn ào, tóc ngắn đong đưa vẫn thật vô tình hết sức. Mà có lẽ, Hoàng Ngâu cũng đã chán ngấy rồi với cái giấc-mơ-hóa-bướm của ta!! Nó ảo tưởng quá, nó mộng mị quá. Nó ngây ngô và thần thoại biết là bao. Nó cho ta thấy cái hình ảnh bơ vơ của một đứa-bé-trong-ta biết mấy, đứa bé quanh quẩn quẩn quanh trong những bất lực, trong nhiều điều không hiểu không biết, và trong sự ấu trĩ của riêng mình. Ta đã thường bị ám ảnh bởi cái viễn mộng được "bay" về Quê Cũ, Quê Nhà

của một lần quày quả bước đi, dù chỉ một đêm, dù trong một tối, dù chỉ được là con-bướm-lãng-tử của một giấc mơ xa. Sự ám ảnh đôi lúc vấy trùm ta đến ngộp thở, đến hoang mang, và những buổi sáng đi giữa một ngày nắng vui ấm áp, ta vẫn thường bâng khuâng mà đau đớn đến não lòng. Ta quấn quại, không biết có phải ta đang sống Mộng, hay đang là hiện thân của một sự ấu trĩ vẹn toàn nhất, của một con nghé con đi lạc hướng lạc đường, không biết mình phải nên làm gì giữa một bầy nghé con xấy đàn lạc mẹ khác, trong cái vòng quay vô cùng xáo trộn của đời sống luân lạc này. Nên ta đành một hôm nhắm mắt thử nhập cuộc chơi, thử đi sâu vào tất cả những ngõ ngách được mở ra trước mắt, để mong tìm được một hướng quay về, hào hùng nhất, một lối bước đến, vững vàng nhất, cho chính cái đứa-bé-ngù-ngờ-chập-chững-trong-ta. Ta đã làm một trăm lần lối, một vạn lần lối, đã có những buổi sáng bước lấm lui trên một con đường không lối thoát, đã có những buổi trưa dặm phải lên một vết xe đổ cũ rích, hư hỏng hao mòn, những buổi chiều cuống quít đứng giữa quá nhiều ngã ba ngã tư bất định, và những buổi tối ta ngơ ngác ôm mặt trách móc mình dưới bóng mây nặng chiều, những "ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay" của Thôi Hiệu thời nào.

Ừ thì đó, rồi hôm nay, Hoàng Ngâu có biết, ta thật sung sướng biết bao nhiêu khi thấy rằng những khúc quanh mình đã vấp phải chính là những sửa soạn trung thành nhất để đưa mình thẳng tới một con-đường-thức-tỉnh, thoát khỏi vòng-mê-man, để bước trên con đường bát ngát hãng mở ước mà quay về ươm lại Suối-Nguồn-Dân Tộc của chúng ta...

Chúng ta đang phải mang trên vai bao nhiêu sứ mạng, và phải biết tự đặt mình vào giữa một giòng nhiệt huyết hào hùng. Hoàng Ngâu có nhớ?

Cái giấc mơ hoa bướm bây giờ không còn ám ảnh ta nữa, cũng chẳng còn là một tảng đá nặng nề đè triu xuống ước-mơ-ta. Ước-mơ-ta không ngủng ở đó! Mà bây giờ đang muốn nổ tung xé trời thành những phát súng lệnh, thành

vạn ngàn tiếng hô vang dội đồng lòng.

Hoàng Ngâu có thấy, Cuộc-Đổi-Thay đã thật sự bắt đầu được khởi xướng rồi kia . . .

BỐN

Ta viết đến những giòng chữ này thì bên ngoài trời lại đổ mưa, khi mà giữa tháng sáu, buổi chiều nắng quái vẫn còn gay gắt. Tháng sáu, mùa-sinh-nhật ta. Tháng sáu, chẳng lẽ rồi như Du Tử Lê, "mừng em, sinh nhật mới này, nến đau đốn thắp lên đầy cuộc vui" hay sao? Không phải đâu! Không thể được! Vì những hạt mưa tinh cờ đã làm mát dịu lòng ta. Ngâu-Vàng thấy đó, bao giờ những cơn mưa êm ả cũng đem lại được cho ta sự xúc cảm sung sướng, nhẹ nhàng lâng lâng mà đằm thắm biết là bao. Cơn mưa chở ta về lại giòng-sông-Quê-Cũ, dìu dặt, khoan thai. Ta thấy ta tuổi nhỏ ngồi dưới mái hiên nhà quen thuộc, tóc Nhật Bản ngắn củn cởn, xúng xính trong bộ áo bà ba màu hồng ngọc mẹ may, đang say mê thả những chiếc thuyền giấy trên giòng nước mưa cuồn cuộn chảy. Ta thấy ta bé thơ cố chu mỏ huýt sáo, bàn tay đưa ra ngập ngừng hứng những giọt rớ tí tách rộn ràng. Ta lại thấy ta lên năm lên sáu, đứng dậm chân khóc vòi giận dỗi khi bà ngoại và bố mẹ không cho ra nghịch ngợm dầm mưa. Ta còn thấy ta loay hoay vớt những cành khô cùng những chiếc lá nhỏ xíu bỏ lên chiếc thuyền rực rỡ màu sắc của em ta, làm thằng bé nhăn nhó phụng phịu vì sợ con thuyền chao đi lật úp. Ta tuổi nhỏ những buổi chiều mưa đầu mùa êm ái, miệng lúng búng những thìa chè ngô ngọt đậm thơm lừng. Ta tuổi nhỏ những sáng tinh sương thức dậy nghe tiếng chim se sẻ riu rít trước hiên nhà, chạy lúp xúp trên sân đón lấy những hạt mưa lành lạnh buốt. Và ta tuổi nhỏ với những cảm nhận thật mỏ hồ về tất cả mọi biến chuyển trong ta và chung quanh ta, về một giòng suối mật linh thiêng, mà hôm nay mới biết chính là giòng Suối-Nguồn-Dân-Tộc. Giữa những ngày bé thỏ đầm ấm đó, Quê Hương đã hiện diện trong hồn, dù chỉ mỏ màng, dù chưa quả quyết, dù chỉ thể hiện được qua những

điều hết sức tầm thường: cơn mưa buổi sáng, mảnh sân trước nhà rộ ngát hương ngọc lan và rải rác những hạt ngâu vàng lấm tấm, câu ca dao bà ngoại ru buổi tối, cái mái đình cong cong bố chau chuốt vẽ trên khung vải buổi chiều, mùi cỏ non thơm thơm khi đứng nắm tay mẹ giữa sân trường nắng mới, nhìn lá cờ vàng lộng lẫy phất gió lên cao, miệng bập bẹ lần đầu tiên bài quốc ca mới thuộc . . . Ngần ấy thứ đủ để pha vào hồn một giống-suối-mật-linh-thiêng. Giống suối mật theo đó mà thêm nguồn kết nhánh, chảy lai láng vào tim hồng, theo ngày tháng mà nảy nở lớn dần, làm phong phú thêm cho khu vườn ươm đầy những đóa hoa-tinh-tú dân-tộc, những-nụ-hồng-ý-thức-quê-hương, những búp-non-xanh-mầm-đất-nước. Hỡi Hoàng Ngâu, những Hoàng Ngâu và Hoàng Ngâu ơi, ngần ấy thứ đủ để cho ta có thể dùng trí hiểu biết hôm nay mà nhận thức ra được một điều, cớ hồ một sợi giây tình cảm vô hình mà gắn bó. Nhớ khi ta ngồi một mình lặng lặng nhìn mưa rồi, ngó ngẩn, "nhật mộ hương quan hà xứ thị, yên ba giang thượng xử nhân sầu." Ta chợt đau lòng muốn khóc làm sao. Ừ thì Vũ Hoàng Chương đã dịch, "gần xa, chiều xuống, đâu quê quán? Đứng gục cơn sầu nửa sóng ơi."

Những đóa sầu phải chấm dứt ở đây, không có quyền lan man nở to ra nữa!!

Chúng ta, Tuổi Trẻ Việt Nam hôm nay giữa bạt ngàn tang thương thất thoát, chúng ta không được quyền ngồi lặng yên nhìn ngắm đóa sầu mà phải hào hùng đứng lên dâng mình cho Tổ Quốc, dù trong vị trí riêng hạn hẹp của mọi người, dù bằng cách này hay bằng cách khác. Trong thời chiến, quốc gia rất cần nhiều kẻ sĩ để mong dẹp loạn cứu nước. Nên hôm nay, chúng ta phải tự tạo cho mình cái phong thái và cung cách của một kẻ sĩ để có thể cùng nhau "tận trung là tận hiếu, đem gươm mài bóng nguyệt dưới khăn tang", mà gây dựng lại con đường Ánh Sáng, mà theo tiếng gọi của tim hồng tìm giúp những kẻ đại trượng phu. Như thuở xưa Nguyễn Trãi đã lặn lội tìm đến gia trang người áo vải anh hùng Lê Lợi, rồi cũng một dạ hết lòng

đem điều Chính Nghĩa đi đến Trang-Sử-Thành-Công. Thì hôm nay, chúng ta cũng có cái bổn phận phải tìm giúp những người anh hùng áo vải đó . Cùng một lúc, chúng ta còn phải nuôi dưỡng cái "tư tưởng học cho đất nước", còn phải "tận dụng thời gian, hãy học, học đi, học cho Quê Hương xứ sở". Hỡi Hoàng Ngâu, những Hoàng Ngâu và Hoàng Ngâu ơi, rồi mai sau trở về, có thể chúng ta sẽ là những đoàn người tiền phong đi vào tận những xóm làng tan nát, xây lại từng căn nhà, lợp lại từng mái đình, đào ra từng ao giếng mới, đem những kiến thức khoa học thu thập được hôm nay để đổi mới những cuộc đời lam lũ đau thương. Có thể, chúng ta sẽ là những người thầy giáo lặng ân cần, tận tụy, là những chuyên viên hướng dẫn trong các ngành sản xuất chuyên môn, là những đoàn văn nghệ luân chuyển khắp nơi để hát vang khúc khải hoàn, rộn rã câu cười nói . . . Chúng ta sẽ trở về để chia xẻ, để hòa mình vào với người dân Việt Nam tiều tụy nát tan kia mà cố gắng vùột ra khỏi cái vòng khổ lụy. Nhưng sẽ không bao giờ, dù chỉ một giây một phút, chúng ta có quyền nghĩ rằng chúng ta sẽ đem những kiến thức uyên bác học được tại xứ người về mà kiêu hãnh đứng ở trên để chỉ huy hay xem thường những người công dân Việt Nam thiếu may mắn khác, những người dân mà lẽ ra chúng ta cũng phải biết xem như là một phần cây rễ của cuộc đời mình. Được như thế, chúng ta mới xứng đáng là Tuổi Trẻ, mới xứng đáng là những kẻ sĩ với cái chí khí ngàn năm lưu truyền.

Ta biết ta đã hư hỏng rất nhiều lần, đã vấp phải bao lỗi lầm vô cùng tủi hổ, nhưng mong rằng nhờ đó mà ta sẽ hiểu hơn, sẽ thấy rõ hơn, và sẽ biết tự cải tiến để trở nên một Tuổi-Trẻ-Việt-Nam-Anh-Hùng. Vì tất cả sẽ tùy thuộc vào chúng ta hôm nay, Hoàng Ngâu hãy nhớ! Này hỡi Hoàng Ngâu, và những Nụ Hoa Vàng của Quê Hương muôn vàn yêu dấu . . .

MỖI ĐỌC GIẢ, MỖI THÂN HỮU CỔ ĐỘNG THÊM ĐỌC GIẢ DÀI HẠN CHO XÁC ĐỊNH.

NĂM.

Cổn mưa bên ngoài vừa tạnh. Đóa sầu đã rụng từ lâu. Còn lại trong tim là một ngọn lửa cháy bùng đầy Tin Yêu rực rỡ.

Rồi trong một ngày tháng sáu sắp đến, chắc chắn quà sinh nhật cho ta sẽ là những nhánh hoa ngâu vàng óng ả trên mảnh sân vuông vắn trước hiên nhà, cho dù là năm năm sau, mười năm sau, hay cho dù mấy mười năm nữa . . .

Rồi sẽ có ta ngồi vui tươi xếp lại những chiếc thuyền giấy nhỏ, thả trôi dạt dào trên Suối-Nguồn-Dân-Tộc yêu thương . . .

Bùi Vũ Phương Thảo

GHI CHÚ: Những phần đánh chữ nghiêng và có dấu * là phần trích dẫn từ bài "Viết cho Tuổi Trẻ Việt-Nam" của Phạm-Nam-Sách.



Lá thư Phi Châu

Mùa hè có phượng

LTS : Hy vọng kể từ số này, quý đọc giả và thân hữu sẽ tìm thấy trong Xác Định những lá thư viết từ Phi Châu do anh Bùi văn Phú gởi đến. Anh Phú đã từng và đang sinh hoạt với bút nhóm Ý-Thức ở Đại học Berkeley, CA. Sau khi ra trường, anh tham gia chương trình Peace Corps do đó hiện đang dạy học ở xứ Togo, Phi Châu.

Được biết Peace Corps là một tổ chức thiện nguyện nhằm mục đích để xướng và góp phần kiến tạo hòa bình thế giới, cũng như tình tương trợ giữa các quốc gia. Để thực hiện mục đích trên, các nhân viên tình nguyện của Peace Corps được gởi đi làm việc với dân bản xứ tại các nước đang phát triển. Tổ chức Peace Corps được thiết lập bởi cố Tổng Thống John F. Kennedy vào tháng 3 năm 1961; đến năm 1971 thì sát nhập vào tổ chức ACTION.

Togo, ngày 29 tháng 06 1983

Máy bay của hãng Air Afrique đáp xuống phi trường Tokoin ở thủ đô Lomé của xứ Togo lúc gần 8 giờ tối trong cơn mưa gió bập bùng. Không như ở các phi cảng Mỹ Quốc hoặc Âu Châu, hành khách của hãng Air Afrique không thể rời phi cơ để đến phòng đợi qua một hệ thống như đường hầm dẫn từ ngay cửa của phi cơ. Máy bay ngừng hẳn, chiếc xe đẩy đôi chân thang to lớn đến hai bên cửa của phi cơ, rồi từng chiếc xe ca từ từ tiến đến chân thang để hành khách lần lượt lên xe và được chở tới phòng đợi.

Cái cảm tưởng đầu tiên của tôi khi vừa bước ra khỏi phi cơ là thời tiết ở đây sao quá đổi giống Việt Nam. Trời vẫn mưa nhưng lại hầm hầm nóng. Từ chân thang phi cơ tôi nhìn thấy hàng chữ Aeroport Lomé - Tokoin bằng điện màu xanh lá cây tươi mát in đậm trên nền trời tối đen. Trong phi cảng nhốn nhác những người đang chờ đợi thân nhân của mình. Nhìn xa hơn trong đêm tối tôi chỉ thấy một chiếc phi cơ khác nữa đang trong bãi đậu, có ánh điện sáng ở đuôi nên tôi biết được đó là phi cơ của hãng KLM.

Phái đoàn chúng tôi -- tất cả là 45 người tình nguyện làm việc với cơ quan Peace Corps -- lần lượt rời máy bay để lên xe ca đến phòng khách đợi của phi trường. Nơi phòng khách chúng tôi được đón chào bởi các viên chức người Hoa Kỳ cũng như người dân bản xứ. Tiếng Pháp còn loạng quạng nhưng tôi cũng cố nói cầu được cầu chăng. Bí quá thì hỏi lại là "bạn có thể nói tiếng Anh được không?" và rồi cứ thế giải thích hoặc trình bày vấn đề bằng tiếng Anh. Ở phi trường trong khi chờ đợi đóng dấu giấy thông hành và khám xét hành lý, chúng tôi bu quanh lại một bức tượng lớn đặt ngay giữa phòng đợi, để chụp hình kỷ niệm. Những tấm hình sẽ là kỷ niệm suốt đời của cả bọn chúng tôi. Tấm hình của giây phút đầu tiên chúng tôi đặt chân lên mảnh đất xa lạ.

Sau khi xong các thủ tục giấy tờ và hành lý. Chúng tôi được đưa về khách sạn bằng xe buýt. Từ trong xe, tôi cố gắng quan sát thật kỹ những gì được thấy của tối nay. Xe chạy qua những con đường dẫn từ phi trường vào thành phố, nhiều ổ gà gập ghềnh, nhiều vũng nước bùn lầy. Đèn đường chỉ thấp thoáng vài ngọn mập mờ. Trời bỗng ngừng mưa, có lẽ cơn mưa vùng nhiệt đới là thế. Bỗng dưng ào ào đổ xuống rồi cũng bỗng dưng ngừng. Xe tiếp tục tiến vào thành phố. Qua một khu phố, có lẽ là một khu chợ thì đúng hơn. Nhiều cửa tiệm có ánh đèn nê-ông màu rực rỡ nhưng không thẩm mỹ chút nào vì ngó vào cửa tiệm chỉ là một đống đồ ngổn ngang. Tôi chỉ thấy loáng thoáng những chiếc quạt trần, quạt để bàn đã cũ kỹ. Qua một khúc phố khác là tiếng nhạc ồn ào văng vẳng cả một đoạn đường. Đó là một tiệm bán máy thâu thanh, máy hát. Trời vừa ngừng mưa độ dăm phút mà đường xá tôi thấy đông nghẹt những khách bộ hành họ đang trên đường về nhà hay là mới bắt đầu một cuộc dạo phố buổi tối thì tôi không biết. Về đến khách sạn. Nhận phòng xong xuôi là tôi nhảy ngay vào phòng tắm. Phòng tắm rất thô sơ, không có bồn tắm, không có chỗ rửa mặt mà chỉ có vỏn vẹn một vòi nước hoa sen cao quá đỉnh đầu. Ngay cả chỗ treo quần áo cũng không có. Buổi tối mà phải tắm nước lạnh! Thế mà tôi cảm thấy vô cùng thoải mái với dòng nước mát lạnh chảy trên thân thể. Tôi có cảm tưởng thật sung sướng như là khi mà tám năm trước đây chiếc tàu tỵ nạn chở

chúng tôi cập bến Subic ở Phi Luật Tân, vừa lên bờ là tôi nhảy ngay đến chỗ vòi nước tắm để gội rửa muối bể, cát bụi của mười bảy ngày lênh đênh trên biển.



Chú thích: Khung cảnh một lớp học của Peace Corps được ghi lại qua nét vẽ của một họa sĩ.

Mười giờ đêm. Chúng tôi được ăn bữa cơm đầu tiên tại xứ Togo vỏn vẹn chỉ có cơm với thịt gà khô mặn và miếng bánh mì nước mắm maggi để khai vị. Nhưng ngon vô cùng, mọi người đều say sưa thưởng thức. Sau bữa cơm chúng tôi đi nghỉ để chuẩn bị cho các việc ngày mai.

Sáng thứ bảy, trời Lomé có lúc mưa lúc nắng. Mưa nắng bất chợt chẳng ai hay. Con đường trước của khách sạn là một con đường cát hòa với đất đỏ. Mưa xuống nhếp nhấp dính giầy, dính dép giống như nhiều con hẻm ở Việt Nam. Tôi và ba người bạn rủ nhau xuống phố chơi bằng Taxi. Muốn đi thì phải ra ngoài đường cái cách nơi khách sạn độ 15 phút đi bộ. Từ khách sạn ra đường cái có rất nhiều khúc đường ngập lụt, chúng tôi xăn quần, xách giầy dép để lội qua. Không ai quản ngại chút gì khó khăn vì khi chúng tôi quyết định gia nhập Peace Corps là chúng tôi đã sẵn sàng chấp nhận tất cả mọi điều kiện sinh sống để hòa mình với dân bản xứ.

Điều thích thú nhất là tôi được thấy ở xứ Togo này – dù mới chỉ có vài giờ ở đây – là có rất nhiều cây trái giống ở Việt Nam. Trên

đường đến trung tâm thành phố tôi đã được thấy các cây đu đủ, cây chuối, cây xoài. Đặc biệt là hoa sứ, hoa phượng. Bây giờ đang là mùa hè phượng nở đỏ cả thành phố, rất nhiều phượng được trồng trước nhà, dọc hai bên đường. Có lẽ giờ phượng đã ít đỏ hơn vì mùa mưa đang về. Một người bạn ở đây đã lâu nói với tôi là một tháng trước đây phượng không có một chút màu xanh mà chỉ toàn là một màu đỏ chói. Nhắc đến phượng thì tôi lại nghĩ đến đám học trò tương lai của mình. Hệ thống giáo dục của Togo rất giống hệ thống giáo dục của Việt Nam vào những năm trước thập niên 70. Việt Nam và Togo đều là thuộc địa của Pháp ngày trước. Việt Nam dành được độc lập vào năm 1954, Togo vào năm 1960.

Học sinh Togo đi học từ tiểu học lên đến bậc đại học phải qua nhiều kỳ thi: thi tiểu học, thi trung học, tú tài I, tú tài II. Mà ở đây tú tài II còn phải thi cả vấn đáp nữa. Mỗi kỳ thi rớt là phải học lại. Khác hơn ở Việt Nam là không bị tuổi lính dồn dập đuổi các chàng thanh niên thiếu may mắn.

Mai mốt đây tôi sẽ là thầy, giảng dạy đám học trò Togo mà mộng ước là con đường đại học tươi sáng trước mặt. Nhưng hoàn cảnh nghèo khó của đất nước không cho phép tất cả học sinh đi thi đều đậu. Còn số hiện tại tôi được biết là chỉ có 25% đậu tú tài II hằng năm.

Nhìn những bóng Phượng nở rộ khắp phố mà lòng tôi bồi hồi xao xuyến. Mười năm trước đây và xa hơn nữa tôi đã có những giây phút vô cùng quyến luyến với đám bạn bè cùng lớp cũ. Hết năm học, phượng nở chói chang sân trường. Lòng buồn vời vợi vì sắp phải chia tay nhưng cũng đầy hồi hộp vì kỳ thi sắp tới. Ở đây kỳ thi tú tài II cũng đã hoàn tất, học sinh đang chờ đợi kết quả thi viết. Nhìn những bóng phượng tôi thầm chia xẻ nỗi âu lo cho đám học sinh mà đời tôi đã từng trải. Giữa đám học trò ấy, dù có khác màu da và ngôn ngữ với tôi nhưng chúng tôi đã từng trải qua thật nhiều kinh nghiệm như nhau.

Đã tám năm qua tôi không có được mùa hè với phượng. Giờ tôi đã tìm thấy nhưng không ở quê hương cũ của tôi mà là ở một xứ Tây Phi bé nhỏ nằm bên bờ Đại Tây Dương. ●

Bùi Văn Phú

Văn Hóa Việt
và
Danh Dự Việt

Hiểu một cách giản dị thì văn hóa một dân tộc được thể hiện qua lối sống và cách cư xử hằng ngày của dân nước ấy. Do đó, người ngoại quốc thường phán xét văn hóa một dân tộc qua đời sống hằng ngày của dân tộc ấy.

Tại xứ người, sau cuộc chạy giặc bi thảm của năm 1975, người tỵ nạn Việt Nam phải đối phó với nhiều khó khan trên mặt trận văn hóa để hội nhập vào xã hội xứ người ít ra cũng là qua hai khía cạnh. Thứ nhất là làm cho người bản xứ thấy, hiểu và kính nể văn hóa VN. Thứ hai, bảo tồn văn hóa gốc của người Việt, trong khi phải thích nghi với văn hóa rất xa lạ của xứ người. Bài viết ngan ngủi này sẽ đặc biệt nhấn mạnh đến hai khía cạnh này trong đời sống người Việt tại Mỹ, vì xứ này tiếp nhận khối người tỵ nạn VN đông nhất, so với các quốc gia tự do khác.

* VÀI NÉT VỀ VỊ TRÍ CỦA NGƯỜI VIỆT TỴ NẠN TẠI HOA KỲ

Một người Mỹ đến sinh sống tại Việt Nam, dầu là ở lâu hay mau, cũng vẫn là một người ngoại cuộc nhìn

vào một xã hội xa lạ, với nhiều sắc thái; và người Mỹ này có khuynh hướng nhìn xã hội VN bằng con mắt riêng của họ và có thể tìm thấy ở đời sống Việt Nam có nhiều điều đáng yêu.

Người Việt đến đất Mỹ không để được dân Mỹ nhìn bằng cũng một cặp mắt bình dị như thế. Cái nhìn của người Mỹ đối với khối người tỵ nạn Việt Nam rất phức tạp, vì rằng sự hiện diện của khối người tỵ nạn VN ồ ạt tới đất Mỹ từ năm 1975 là một sự hiện diện chưa từng có trong lịch sử lập quốc của Mỹ, mặc dầu về thực chất thì Mỹ là một quốc gia do các di dân lập thành. Một trong nhiều khía cạnh làm cho người bản xứ để trở thành khắt khe khi phán xét về người tỵ nạn Việt Nam là sự thất bại của nước Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Mỗi người tỵ nạn Việt Nam có mặt trên đất Mỹ đều mặc nhiên là một nhắc nhở chẳng vui vẻ gì cho sự hãnh diện của nước Mỹ, là quốc gia từng tự hào chưa bao giờ bị bại trận.

Có nhiều yếu tố chi phối cách nhìn của người Mỹ đối với người tỵ nạn Việt Nam. Theo truyền thống của dân tộc Mỹ, mỗi khi nước Mỹ gặp khó khăn kinh tế thì dân trong nước phải tìm một vật tế thần để trút căm hờn, và cũng để đổ lỗi nữa. Những người tỵ nạn thành công về kinh tế quá mau, quá dễ đã không nhất thiết làm cho dân bản xứ kính phục. Đã có những sự khiếu nại, những vụ lên tiếng trên mặt báo chí Mỹ về điều được gọi là sự thiên vị của chính quyền Mỹ đối với một số người tỵ nạn, thí dụ họ tỏ rằng người tỵ nạn Việt Nam được vay tiền dễ hơn nên mua sắm nhà dễ, mua xe hơi mau ! Ngược lại, nếu có người tỵ nạn lãnh trợ cấp xã hội thì sẽ bị một người bản xứ lên án là "cướp mất phần trợ cấp và phần giúp đỡ y tế" của dân bản xứ.

Hãy thẳng thắn nhìn nhận rằng nước Mỹ luôn luôn có những người tỉnh táo, và quảng đại, để không cho những sự căm hờn thiếu suy xét kia đưa tới chỗ không hàn gắn được nữa. Một thí dụ nhỏ nhưng chứa đầy ý nghĩa là cách đây ít lâu, giáo chức, phụ huynh và học sinh trường Trung

Học thành phố Westminster, California đã khai sanh được một tổ chức nhằm tạo sự thông cảm giữa học sinh tị nạn Việt Nam và học sinh bản xứ. Bà Kathy Buchoz, thị trưởng Westminster là một trong những người Mỹ luôn luôn nồng nhiệt bênh vực quyền lợi của người Việt tại thành phố của bà. Trong cuộc bầu cử lập pháp mới đây, bà đã bị mất số phiếu đáng kể khi đối phương của bà tuyên truyền rằng bà "quá thân thiết" với "những kẻ mặc đồ bà ba đen". Mặc dầu sau cuộc bầu cử ấy, phía đối thủ của bà đã ngỏ lời xin lỗi về thủ đoạn thiếu mã thượng ấy, nhưng sự việc cho thấy là người tị nạn Việt Nam đã lại một lần nữa, được dùng làm vật tế thần cho cuộc chạy đua chính trị địa phương.

Gần đây, tại nhiều nơi cổ động người tị nạn Việt Nam, một số ít người Việt đã có những hành động bất lợi cho danh dự của người Việt. Tuy đó chỉ là một vài hành động lẻ tẻ, không diễn ra thường trực, nhưng báo chí bản xứ lại ít muối đăng tải những tin về hành động tốt; hoặc về sự thành công của người Việt. Điều ấy nhắc nhở người tị nạn Việt Nam rằng làm cho người bản xứ hiểu và cảm thông được với những khó khăn của người tị nạn Việt Nam không phải là việc có thể làm mau và dễ. Trên lý thuyết thì cả hai phía đều nên cố gắng để tạo sự thông cảm, nhưng trong thực tế, người tị nạn Việt Nam sẽ phải cố gắng nhiều hơn, vì lẽ giản dị là phía quốc gia, đón nhận không có nhu cầu khẩn cấp để phải làm cho người bản xứ hiểu người tị nạn Việt Nam.

* VÀI NỖ LỰC RỜI RẠC BẮC NHỊP CẦU THÔNG CẢM: BA TRƯỜNG HỢP ĐIỂN HÌNH

Nhiều tư nhân Việt Nam, nhiều đoàn thể Việt Nam trên thế giới đã có sáng kiến cung cấp tài liệu, trình diễn hoặc tổ chức tiếp xúc để người bản xứ làm quen với nếp sống người Việt. Nỗ lực của họ đã đạt được mục tiêu ở mức khiêm nhường. Thí dụ làm cho người bản xứ ưa thích ăn món chả giò, làm cho họ biết thưởng thức cái đẹp trong chiếc áo dài Việt Nam, v. v. . . Nhưng nếu giới thiệu văn hóa Việt Nam chỉ cần có thế thì tập thể chúng ta khác gì các cộng đồng di dân

bỏ quê mẹ ra đi vì miếng ăn?

Văn hóa nước Việt thuộc hệ thống các giá trị tinh thần của Đông Phương, trong khi các xã hội Tây phương thuộc hệ thống giá trị vật chất. Chỉ riêng điểm nầy đã làm cho hai hệ thống khó mà hòa hợp được. Nói thế không có nghĩa là chúng ta chịu bó tay để mặc cho sự bất đồng kia cứ bành trướng mãi, để đưa tới những ngộ nhan, căng thẳng và hận thù.

Trong nhiều năm qua, trong các phương cách làm cho người ngoại quốc hiểu tối thiểu về văn hóa Việt Nam, người tị nạn đã từng dùng các ấn phẩm, các buổi hội thảo, các buổi trình diễn về văn hóa dân tộc v. v.



Cách đây khá lâu, một chương trình mệnh danh là "văn hóa Việt Nam" được một vài nhà khoa bảng Việt Nam soạn tại tiểu bang Arizona. Tài liệu ấy được dùng để hội thảo, rồi lại còn được phổ biến cho người bản xứ nữa. Trong tài liệu nầy, có đoạn ghi rằng "phải chờ người phụ nữ Việt Nam chìa tay ra trước rồi mới được nắm lấy". Toàn thể tài liệu không hề giải thích tục bắt tay được du nhập vào Việt Nam tự bao giờ, và cử chỉ ấy có ý nghĩa thế nào đối với người Việt, nhất là đối với giới phụ nữ Việt Nam.

Trong các chương trình văn nghệ được giới thiệu là "về nguồn" là "văn hóa dân tộc", là "bảo tồn văn hóa", và có nhiều người Mỹ đi xem các chương trình này. Có một màn kịch mà nhân vật chính là một sĩ quan cao cấp của quân lục Việt Nam Cộng Hòa, bị vợ sai khiến nhục nhã hơn là sai tôi tớ, rồi bị vợ đánh đập tàn nhẫn quá đến phải quỳ lạy xin tha. Đã có khán giả Mỹ nói với người viết bài này rằng "xem kịch này thì tôi không lấy làm lạ rằng tại sao các ông không chống cộng được, và phải chạy qua đây. Hi vọng rằng dân xứ tôi sẽ không bị ảnh hưởng bởi nếp văn hóa du nhập từ xứ của các ông".

Một số bài dân ca Việt đã được chuyển ngữ sang Anh ngữ và Pháp ngữ. Tại Mỹ, một thanh niên Mỹ tên Joe thường hát những bài ấy bằng tiếng Việt trong nhiều buổi họp mặt đông đảo người Việt. Có lần, anh ta giải thích cho khán giả người Mỹ nghe trước khi hát rằng cô dâu Việt Nam "ban ngày thì mắc cở, còn tối ở thì quên về". Không hiểu s chuyển ngữ bài "lý quạ kêu" cách nào mà làm cho ngườ ngoại quốc nghe xong thấy rằng cô gái Việt Nam hiền thụ sao lại dễ trở thành một người đàn bà "kỳ cục" đến thế?

Ba thí dụ kể trên thuộc loại tác dụng phô trương mạnh nhất, và do đó, dễ nguy hiểm nhất. Vì chúng đi thẳng vào mắt, tai và trí nhớ của người ngoại quốc. Ở thí dụ thứ nhất, vì sự trình bày thiếu đầy đủ nên dễ tạo ra ngộ nhận. Khi làm công việc ấy phải lưu ý đến sự tác hại do các vị khoa bảng ấy gây ra cho văn hóa Việt Nam tại xứ người. Nếu ta không hoặc chưa thể làm đẹp và sáng văn hóa Việt Nam cho người ngoại quốc hiểu thì đừng làm cẩu thả và nông cạn. Ở thí dụ thứ hai, người ta có quyền nêu câu hỏi là không phải vì ngu xuẩn mà vì đạo diễn vở kịch kia đã làm nhục hãng ngũ sĩ quan cao cấp của Nam Việt Nam ngày trước. Đó phải là một sự tính toán kỹ, để làm cho người Việt quốc gia ở hải ngoại nhục thêm nữa sau cái nhục sụp đổ Nam Việt Nam năm 1975. Còn ở thi dụ thứ ba, quả thật đó là mối đau chung cho cả dân tộc, nếu sự chuyển ngữ đã làm cho người nước ngoài có thể hiểu lầm đến đức hạnh

của nữ giới Việt Nam nói riêng và văn hóa Việt Nam nói chung.

* KẾT LUẬN

Trong cái thứ tự do bừa bãi mà người tị nạn Việt Nam được hưởng từ năm 1975 tại xứ người, không ai có thể giữ độc quyền làm "sứ giả văn hóa" cho người Việt hải ngoại. Nhưng danh dự chung của cả một dân tộc lại cho phép mỗi người Việt hải ngoại đều có quyền lên tiếng để kết án những hành động lăm xúc phạm đến văn hóa của ta như ba thí dụ kể trên đây.

Tại các quốc gia tự do, ấn loát là phương tiện không đến nỗi quá xa xỉ như tại quê nhà. Do đó người viết bài này tha thiết mong rằng sẽ sớm có những bậc thức giả Việt Nam dám vượt khỏi những sự dè dặt, sợ hãi vô lý để mạnh dạn viết thật nhiều cuốn sách, dựng thật nhiều vở kịch, tổ chức thật nhiều buổi nói chuyện có chuẩn bị quy mô và chu đáo để xây dựng sự hiểu biết và kính phục về văn hóa Việt Nam nơi những người bản xứ.

Cuộc đổi đời năm 1975 làm cho chúng ta mất mặt thật nhiều. Danh dự còn lại cho người Việt hải ngoại có thể ví như chữ Trinh của nàng Kiều. Trong cơn lốc quay cuồng đầy cám dỗ vật chất của các nước kỹ nghệ Tây phương, hàng ngũ chúng ta còn được bao nhiêu người để ráng "làm một cái giữ lấy chữ Trinh của nàng Kiều"? ●

Lê văn Khoa

HÃY ĐỌC XÁC ĐỊNH ĐỂ CÙNG CHIA XẺ NHỮNG TÂM TÌNH, THAO THỨC, ƯỚC MUỐN CỦA THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT TỊ NẠN.

AI ĐEM CON SÁO SANG SÔNG ● *Quán Như*
PHỤ BẢN: VỀ NHÀ ● *Võ Tuấn*
THƠ: NHỚ CON LÁM NHỮNG NGÀY MƯA NĂM TRƯỚC ● *Giang Hữu Tuyên*
THƠ: ĐOẢN KHÚC BỐN MÙA ● *Kim Kna*
THƠ: CHIỀU CHỦ NHẬT ● *Tường Vũ Anh Thi*
GIẤC MƠ CỦA BÉ ● *Bạch Mã*
THƠ: MỘNG HƯỚNG KHÊ ● *Hoàng Xuân Sơn*
THƠ: HỌA ÂM II ● *Hồ Đắc Ngọc*
PHỤ BẢN: HỒ ĐẮC NGỌC
HƯƠNG HOA QUỲNH TRÊN SÔNG ● *Phương Bối*
THƠ: GỬI VỀ SÔNG CÁI LỚN ● *Vĩnh Thuận*
THƠ: XIN ANH ĐỪNG QUÊN ● *Lê Thị Hằng Đông*



⊕ PHẦN SÁNG TÁC

AI ĐEM CON SÁO SANG SÔNG



"Cửu long, Cửu long
Chín con Rồng nằm sa nước mắt".

Trước nhà thằng bé là một giòng sông, từ thuở nhỏ, giòng sông đã quyến rũ hắn. Bên kia sông, vùng cồn cát với những ruộng bắp xanh rì, ngôi chùa thấp thoáng đằng xa văng vẳng vài hồi chuông chiều vọng lại... Bên kia sông là thế giới kỳ bí, một chân trời xa lạ, những mơ ước vẩn vơ ngại ngùng..

Một hôm, mẹ hắn mua về một lồng tre nhỏ với một cặp sáo. Quả không ai hiểu tính con bằng mẹ. Từ đó, thằng bé đâm ra ngoan ngoãn ở nhà quấn quýt với sáo. Hắn hứng nước mưa rót vào lọ nhỏ cho sáo uống, hì hục đào trùn đem vào cho sáo ăn, hắn mê mẩn nhìn sáo nhảy từng bước nhỏ trong lồng hẹp.

Một cơn gió luồn thổi vào lồng khiến sáo chênh chếch trên thanh tre cũng đủ làmhắn áy náy đi kiếm mành che gió cho sáo. Khi sáo chẩu mỏ hót vài điệu vụng về lòng hắn hân hoan như mở hội. Hắn kể lể với sáo về những tên bạn mới quen, khoe với sáo về bằng danh dự mới lãnh trong lớp, than thở với sáo về những trận đòn của bố mẹ mà hắn nghĩ là oan ức.

Nhưng càng săn sóc, sáo càng ngày càng ủ dột. Sáo biếng ăn, biếng uống, mỗi ngày thay lọ nước hắn khổ sở khi thấy lọ vẫn đầy tràn, thay chén sành, những con trùn vẫn y nguyên. Hắn xót xa vì sáo héo hon không hề đáp lại tiếng huýt gió gọi chuyện. Sáo thu mình tội nghiệp như con chim trúng nước .

Hắn bối rối cầu cứu bà mẹ, và bà dịu dàng trả lời "con chim có tổ, con cáo có hang, con người cần phải có chỗ gối đầu" bà vuốt tóc hắn và nhỏ nhẹ "con thấy không, khi lạc vào một chốn lạ, một nơi không phải là nhà mình, con sẽ cảm thấy ngỡ ngàng lạc lõng, và con sẽ tiếc nhớ chốn thân thuộc nơi mình cảm thấy tự nhiên, thoải mái. Con sáo của con cũng thế, chỗ của nó là một tổ ấm, do chính nó thu từng ngọn cỏ, nhặt từng lá rơm để đan lại, và nó chỉ cảm thấy thoải mái tung tăng nơi bờ tre bụi cỏ cạnh tổ ấm mình. Không có một sự săn sóc nào, dù ân cần tận tụy đến đâu, không có một lồng chim nào, dù đẹp đẽ tráng lệ đến đâu, có thể thay thế được tổ ấm, khung trời của sáo...".

Nghe lời mẹ, thằng bé đem lồng chim ra bờ sông, hắn tháo cũi sổ lồng nhìn con sáo yêu dấu cất cánh bay cao qua bên kia sông, một cảm giác chia lìa ấm ức làm lòng hắn nghèn nghẹn, nước mắt dàn dụa tủ hồi nao khi hắn thẫn thờ nhìn con sáo tri kỷ mất hút sau rặng cây.

Tội nghiệp thằng bé vừa lên bảy đã nếm vị thất tình.

Và mẹ hắn, người đàn bà tuyệt vời hình như luôn luôn âm thầm xuất hiện khi lòng hắn ngập tràn khổ sở, đã đến bên hắn, bằng giọng Nam ngọt ngào, bà ru hắn :

"Ai đem con sáo sang sông
Để cho con sáo sổ lồng bay sang
Lý sông Đà, lý sông Mã, lý xềnh xang
Nay ta ở
Mai ta về
Đồng ruộng quê nhà
Con sáo lại tung tăng "

Trong vòng tay bà mẹ, hắn thiếp ngủ dần với hình ảnh

con sáo đang tung tăng nơi bụi tre bên giòng sông nước chảy êm đềm.

Lớn lên thằng bé có cô hội sống khắp miền Nam nước Việt và tiếp xúc đủ loại người từ xứ. Hắn đã được nghe đến 16 điệu lý con sáo khác nhau của từng miền đất nước. Và một gã bạn hắn, một tên mê dân ca hơn tình nhân, còn cho biết có đến 22 điệu lý con sáo hắn ta đã ký âm được.

Những điệu con sáo, cũng như ngôn ngữ Việt, nói theo lời nhạc của Phạm Duy đã "khóc cười theo mệnh nước nổi trôi" phản ảnh một vài thăng trầm của lich sử trên con đường nghìn dặm từ Bắc xuôi Nam.

Sáo là một loài chim nhỏ, tung tăng bên những lũy tre xanh, cạnh những giòng kinh, bờ đê hiền hòa, cũng như con cò, cái vạc, con trâu, chú nghé... là những người bạn giản dị, thân thuộc trong đời sống bình thường của người dân Việt, và từ đó được nhân cách hóa trong những vần ca dao, những khúc nhạc dân gian để nói hô người dân những nỗi niềm, những tâm sự.

Hình ảnh con sáo sang sông là hình ảnh một cuộc chia ly đầy u uẩn của người dân khi lìa bỏ quê cha đất tổ để đến một vùng trời mới, một kiếp sống trôi sông lạc chợ, tha hương cầu thực.

Xã hội Việt Nam khởi thủy là xã hội nông nghiệp. Nền văn minh nông nghiệp chủ yếu xây dựng trên đồng bằng của những giòng sông, ở đó, sau lũy tre xanh bao phủ, những cánh đồng lúa được phân chia hài hòa theo hệ thống công điền công xã. Cấu trúc cộng đồng xã thôn ngày xưa được xây dựng trên hai ý niệm chủ yếu : hữu sản hóa người dân (mỗi nông dân quá 18 tuổi đều được phân phối một phần đất của công điền để cày cấy) và công bình (ruộng đất đều được quan niệm là của chung - của đất nước - và mỗi người dân lãnh canh và trả tô thuế đồng đều cho nước, không có phần đất nào được phép tập trung vào tay một vài người, dù là những anh hùng có công với dân tộc, bởi vì hệ thống công điền sẽ trùng thu hầu hết ruộng đất do di sản, trừ ruộng hương hỏa).

Từ một chế độ phân phối ruộng đất tương đối công bình và hợp lý như thế, người nông dân nước Việt đã cảm thấy một niềm bình an ổn cố trong lối sống và họ đã nối kết gắn bó với cộng đồng, nỗ lực sản xuất :

"Ơn trời mưa nắng phân thì
Nơi thì bừa cạn, nơi thì cày sâu
Công lệnh chẳng quản lâu đâu
Ngày nay nước bạc, ngày sau cơm vàng
Ai ơi đừng bỏ ruộng hoang
Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu".

Trong một thiên nhiên khắc nghiệt, đời sống của người dân cũng không kém phần gian nan vất vả, tuy thế họ vẫn bền gan cần cù lao động, bởi họ biết, thành quả lao động của họ sẽ được chính họ, gia đình họ, và cộng đồng thân yêu thụ hưởng.

Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
Ai ơi bưng bát cơm đầy
Dẻo thơm một hột đắng cay muôn phần ".

Một đời sống hồn nhiên trong sáng đậm nghĩa đậm tình với đất tổ, với làng quê, với con trâu, với luống cày đã khiến cho người nông dân Việt Nam ví mình như những con sáo, mỗi lượt đi xa là một cách biệt chia ly vĩnh viễn, và từ đó tình hoài hương càng thiết tha nồng thắm :

"Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao ".

Hậu quả tất nhiên của tình yêu đối với quê cha đất tổ là lòng hãnh diện về miền đất mình đã sinh ra, đã lớn lên và sẽ trở về. " Không có gì đẹp bằng quê hương " quê hương ở đây, dưới đôi mắt người nông dân, là lũy tre xanh, là giòng sông, thửa ruộng, con đê. Trong thời kỳ đất nước chưa phát triển hệ thống giao thông, sự thông thương của từng miền đất nước vẫn còn là một điều gì nan giải, nhãn quan của người nông dân về "quê hương" hình như thu hẹp lại

từng làng thôn nhỏ bé, và thoạt nhìn, có vẻ gần gũi với "óc địa phương" một thảm kịch, một vết thương lớn cho tộc Việt thời gian vừa qua.

Thực vậy, để thực hiện chính sách chia để trị, thực dân Pháp đã phân định lãnh thổ Việt Nam theo ba chế độ cai trị khác nhau : Bắc kỳ đất bảo hộ, Trung kỳ đất bán bảo hộ, Nam kỳ đất thuộc địa. Mỗi "kỳ" đặt dưới một chế độ hành chánh chính trị khác nhau, sự kiểm soát thông thương và dân cư được căn cứ trên "thẻ thuế thân" một tiền thân của các loại thẻ "kiểm tra" và "chứng minh nhân dân" sau này.

Chính sách "manh mún" "chia để trị", "phân biệt địa phương" ấy không phải chỉ có thực dân Pháp là chính danh thủ phạm. Lịch sử còn ghi : vào năm Giáp tý (1744) chúa Võ Vương, Nguyễn Phúc Khoát, bởi e ngại câu sấm ký "bát thế hoàn Trung Đô" (tám đời thì trở lại trung đô) từ đó suy diễn từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa đến thời ông ta là đúng tám đời, nghiệp chúa sẽ tiêu tan và bị sáp nhập vào đất Bắc nên đã quyết định xưng đế nghiệp lập nước "Nam Hà" phân chia miền Nam thành 12 dinh, sửa đổi luật lệ, y phục, cấm đàn bà mặc váy theo lối Bắc, sửa sang phong tục, định triều phục cho bá quan văn võ và xây kinh đô tại Phú Xuân trong ý hướng "Trung Đô" theo sấm ký là Phú Xuân chứ không phải Thăng Long của vua Lê chúa Trịnh.

Nhà nước "Nam Hà" phải chăng là cha đẻ của chánh phủ Nam kỳ Quốc của Nguyễn văn Thịnh ?

Chính sách phân ly Nam Bắc nào phải chỉ phát xuất từ thời Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát, nó đã là một thực tại từ khi nhà Lê suy vi với hai triều đại Nam Bắc Triều của Mạc và Lê, của hai miền biên cương Trịnh Nguyễn phân tranh.

Thế nhưng, mặc cho các quyền lực phong kiến và thực dân vì quyền lợi riêng tư của dòng họ hay mẫu quốc đã áp đặt những biên cương giữa lòng tổ quốc, trong tâm thức của đại đa số dân ta , ý niệm dân tộc vẫn hiển hiện, sinh

đông như một giòng sinh lực xuyên suốt từ Bắc vô Nam.



Xét về mặt lịch sử, tộc Việt đã trải qua những thử thách cam go, luôn luôn bị đe dọa bởi một đại cường phương Bắc từ lưu vực sông Hồng càng chật hẹp, tộc Việt phải đáp ứng với nhịp gia tăng của dân số bằng một hướng duy nhất : hướng Nam tiến.

Khởi từ đầu đời Lý, sau các cuộc viễn chinh của Lý Thường Kiệt và chỉ kết thúc cuối đời chúa Nguyễn. Chính sách Nam tiến của tộc Việt đã trải dài ngót nghìn năm lịch sử. Nó đã được các triều đại liên tục áp dụng bằng các kế hoạch di dân và đồn điền.

Đưa dân cư đông đúc miền châu thổ sông Hồng, sông Mã xuôi Nam trước hết nhằm giải tỏa áp lực dân số, bảo vệ tính cách quân bình của hệ thống phân phối công điền công xã, thực hiện đồng đều chính sách hữu sản hóa nông dân để từ đó xây dựng trên các vùng đất hoang, các miền đất mới sáp nhập, hệ thống tổ chức xã thôn và khuôn mẫu sinh hoạt cộng đồng đã chứng tỏ được tính ưu việt và nhân đạo khi áp dụng tại miền Bắc nước Việt.

Trong các kế hoạch di dân và đồn điền ấy, những người lưu dân đầu tiên là những người dân cùng đinh, những người lính đi "trẩy" nơi chốn biên phòng, và kế tiếp là một thành phần sĩ phu bất mãn vì nhiều nguyên nhân với nhà cầm quyền đang suy thoái đương thời, như Đào Duy Từ, như con cháu nhà Lê... Những người lưu dân đầu tiên ấy đã trở thành những sứ giả, những nhịp cầu trong quá trình hòa nhập giòng sinh lực Việt với những nền văn minh thổ cư của Chiêm Thành và Chân Lạp.

Sự hòa nhập không phải giản dị là sự tan biến của một yếu tố vào một môi trường, nó là một quá trình tổng hợp và biến thể để tựu thành một bản sắc văn hóa mới, và như thế, từng lớp lưu dân khi định cư tại từng miền đất của phương Nam đã thực hiện sứ mệnh truyền đạt nền văn minh Việt tộc và phát huy bản sắc của địa phương theo từng hoàn cảnh địa lý khác nhau.

Do đó nhìn ngoài mặt, từng vùng đất của tổ quốc hình như có khác nhau. Khác nhau về khẩu âm, về phong tục, tính tình cũng như vài phương thức sinh hoạt.

Điều đó giải thích tại sao có đến hơn hai mươi điệu lý con sáo của từng vùng đất quê hương.

Những điệu lý con sáo miền Bắc thì trong sáng nhẹ nhàng, nỗi buồn có vẻ vời vợi mông lung như hình ảnh

con sáo sổ lồng khuất bên kia một giòng sông hun hút.

Xuôi vào miền Nghệ Tĩnh thì nhạc điệu có vẻ xót xa than vãn như tâm sự người lính thú xa nhà.

Vào đến miền Bình Trị Thiên, nhạc điệu càng não nuột xót gan, nghe về đêm tựa tiếng khóc thảm thiết u sầu của người dân Chiêm Thành mất nước.

Điệu lý con sáo Quảng đã bớt những âm điệu ảo não nhưng vẫn còn đầy ta thán oán hờn.

Qua vùng Bình Định Tuy Hòa bắt đầu nhuốm đôi chút reo vui phấn khởi.

Vào đến miền Nam thì điệu lý quả thật đầy vui chơi khoáng đạt, không ước lệ câu thúc, như những cánh đồng ngút ngàn cò bay thẳng cánh

Ai đem con sáo sang sông
Để cho con sáo sổ lồng bay sang
Lý sông Đà, lý sông Mã, lý xềnh xang
Nay ta ở
Mai ta về
Đồng ruộng quê nhà
Con sáo lại tung tăng.

Ngày xưa, khi đường giao thông chưa phát triển, hẳn người nông dân bên bờ Cửu Long hiếm có dịp thăm lại sông Đà, sông Mã để đem hình ảnh hai con sông ấy vào những giòng nhạc hồn nhiên của ca dao. Vậy làm sao giải thích được sự hiện diện của sông Đà, sông Mã bên hình ảnh "con sáo tung tăng" nơi "đồng ruộng quê nhà" tại phương Nam? Tại sao lại sông Đà, sông Mã mà không là sông Bé, sông Vàm Cỏ hay Cửu Long?

Khi người lưu dân từ miền Bắc xuôi Nam, họ mang theo cùng họ những đàn trâu, lưỡi cày, nồi niêu, soong chảo... và đồng thời họ nuôi dưỡng trong họ cả một hệ thống cấu trúc xã thôn, cả một phương thức canh tác, cả một lề thói phong tục, cả những tiết điệu dân ca trữ tình và cả những điệu lý con sáo, hình ảnh gần gũi thân yêu của họ nơi cánh đồng xa xưa của quê cha đất tổ.

Trên con đường ngàn dặm, món hành trang

của từng thế hệ lưu dân ấy đã biến đổi để phù hợp với hoàn cảnh từng địa phương định cư, đã hòa nhập với từng nền văn minh của người dân thổ cư và sau đó tựu thành một nếp sinh hoạt mới nơi vùng đất đến khai phá.

Nhưng hội nhập không phải là tan biến. Bằng một quá khứ tập thể kết tụ do từng thế hệ lưu dân di truyền, những người dân Việt tiền phong khai thác vùng đồng bằng Nam Bộ đã lưu giữ trọn vẹn cái gốc ngọn văn minh tộc Việt phát xuất từ châu thổ sông Hồng. Cái quá khứ tập thể ấy không thể hiện rõ ràng trên sách vở, nhưng nó bàng bạc trong mỗi sinh hoạt người dân, trong kiến trúc hệ thống xã thôn Nam Bộ, nó lưu truyền cải biến và phong phú hóa qua mỗi miền đất nước, từ đời ông sang đời cháu để hình thành một nếp sinh hoạt tâm linh làm căn bản cho sự đồng nhất hóa, sự xuyên suốt của lịch sử dân tộc cả trên hai mặt không gian và thời gian.

Chính cái quá khứ tập thể ấy đã giải thích tại sao trong lòng người nông dân bên bờ sông Cửu Long, vẫn ngời sáng hình ảnh sông Đà, sông Mã. Và nó cũng giải thích được tính tổng hợp, tính triển khai và tính tựu thành của dân tộc tính, của hồn nước.

Hồn nước luân lưu qua từng thế hệ, hồn nước phong phú khi trải dài từ Bắc chí Nam. Giữ vững được hồn nước thiêng liêng ấy, tộc Việt mới trường tồn sau bao thử thách khắc nghiệt của vận nước nổi trôi.

Nay ta ở
Mai ta về
Đồng ruộng quê nhà
Con sáo lại tung tăng

Những con sáo đã sang sông, những người lưu dân đầu tiên đã rời khỏi miền quê yêu dấu với tâm trạng đau đớn bàng hoàng.

Nhưng biệt ly vốn chỉ ở trong lòng người, bởi khi những người lưu dân đầu tiên vẫn nuôi dưỡng trọn vẹn hồn nước trên bước đường khai phá, thì họ vẫn mãi mãi giữ được sông Đà, sông Mã, cả giang sơn gấm vóc liền một cõi trong

lòng họ.

Để từ đó, họ đã xây dựng bên bờ sông Bé, sông Vàm Cỏ, sông Cửu Long, những nếp sống, những tâm tư, những cộng đồng theo khuôn mẫu những gì ký ức tập thể lưu truyền về thủa họ bắt đầu lìa sông Hồng, sông Hương để xuôi Nam.

Những người lưu dân ấy, những người dân cùng đinh của miền Bắc chật hẹp, miền Trung cằn cỗi, những chiến sĩ của phong trào đấu tranh nông dân của nhà Tây Sơn, những chiến sĩ của các phong trào Cần Vương, Văn Thân chống Pháp khi thất thế sa cơ, các sĩ phu bất mãn. . . Những tâm hồn đầy phản kháng, phiêu lưu, ngang tàng ấy đã đóng góp cho miền Nam một tinh thần khai phá và chinh phục, khoáng đạt và cởi mở, "hảo hớn" và bao dung.

Cộng đồng miền Nam tự do được tựu thành, bằng những sắc thái sinh hoạt xã hội đã chứng tỏ được tính ưu việt và nhân đạo của văn minh sông Hồng tổng hợp cùng tinh thần chân chất bộc trực của văn minh Chân Lạp và sức đấu tranh phản kháng của các chiến sĩ cách mạng trốn tránh sự truy lùng của phong kiến và thực dân.

Sự tổng hợp này khiến vùng đất miền Nam trở thành một cái nôi cho một nền văn minh mới đang tựu thành: nền văn minh Cửu Long.

Trong vùng đất bao la và đầy sinh lực đó, người lưu dân tứ xứ tựu về đã cảm thấy một tinh thần rất quen thuộc của nơi quê cha đất tổ, đồng thời cả tinh thần thoải mái của một biên cương mới. Và khi đó, như con sáo hồn nhiên, họ cũng sẽ tung tăng giữa khung trời quê hương.

Những con sáo đã sang sông
Những con sáo đã tìm lại tổ ấm cũ
Những con sáo thoải mái rong chơi trên khung trời rộng bát ngát của miền Nam.[1]

Giờ đây, hàng triệu con sáo lại một lần bỏ nước ra đi. Những con sáo không phải chỉ vượt một giòng sông mà lại phải bay qua từng biển rộng. Giữa những khung trời, hoàn cảnh hoàn toàn khác biệt với khung trời hoàn cảnh quê nhà, họ đang đứng trước một vấn đề thật gai góc: vấn đề hội nhập.

Thằng bé đã nghe nhiều người nói về xứ Hoa Kỳ hấn định cư là xứ sở của hội nhập, tan hòa, những melting pot, salad bowl...

Hấn đã gặp rất nhiều đồng hương đã tạo một sự nghiệp ổn định, gặt hái nhiều thành công, và ngay cả ở những người thành công nhất, hình như cũng đang mang một tình tự không được thoải mái lắm, một chút gì bất an, khắc khoải, hoài vọng...

Hấn se lòng nhớ lại con sáo tri kỷ thiếu thời trong lồng tre biếng ăn biếng uống.

Một ngày rất gần đây, khi những tranh chấp ý hệ mờ nhạt dần, khi những phương tiện truyền thông báo chí, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình, quảng bá sâu rộng trên tầm mức quốc tế, biên cương của các quốc gia sẽ chẳng còn những giới hạn hẹp hòi khép kín. Thế giới lúc ấy chắc chắn không phải chỉ mang một màu sắc đỏ hay trắng.

Thế giới lúc ấy chắc chắn cũng không phải là một salad bowl, một thứ "tả pí lù" hỗn tạp.

Hấn mơ hồ hình dung thế giới lúc đó sẽ giống như một cầu vồng, một cầu vồng thiên nhiên phải hội đủ ngũ sắc: xanh lam chàm tím đỏ, xanh phải tinh tuyền là xanh, chàm phải trọn vẹn là chàm, đỏ phải rực rỡ là đỏ. Những màu sắc phải rõ nét nhưng đồng thời phải phối hợp gắn bó chặt chẽ, uyển chuyển hài hòa để tạo một duy nhất thể là cầu vồng tráng lệ.

Thế giới ngày mai sẽ là một cầu vồng hàng trăm sắc khác nhau, nhưng mỗi màu sắc phải đạt được một giá trị tự thân của mình, để từ đó hòa hợp giao thoa trong một tổng hợp cầu vồng duy nhất.

Những con sáo đã vượt qua những giòng sông.

Những con sáo đã vượt qua từng vùng biển rộng

5.000 năm trước, sự chia ly của Bách Việt theo huyền thoại Long Quân Âu Cơ đã đưa đến một quá trình tổng hợp triển khai tựu thành của nền văn minh sông Hồng.

1.000 năm trước, diễn trình Nam tiến mà cực điểm là tranh chấp Trịnh Nguyễn dần dần khai mở một nền

văn minh Cửu Long đang bắt đầu triển khai những sắc nét.

Ngày nay, sự hội nhập giữa hai nền văn hóa Đông phương và Tây phương, sự phân tranh giữa hai ý hệ cộng sản và quốc gia rồi sẽ đưa tộc Việt vào một bước tựu thành mới, một quá trình tổng hợp, triển khai và gạn lọc các ý niệm phi dân tộc, để từ đó hình thành một nền văn minh tộc Việt toàn diện và toàn triệt, có khả năng hóa giải mọi thế lực phản dân tộc, tiếp nối giòng sinh mệnh lịch sử và tạo một sắc thái, một vị thế trong giòng tiến hóa chung của nhân loại.

Trong viễn tượng đó, non triệu con sáo đang lưu vong lạc loài sẽ đóng được vai trò xúc tác, tiếp thu các nền văn minh toàn cầu để góp bước tựu thành cho một nền văn minh Việt tộc toàn triệt ấy, một nền văn minh đủ sắc thái và có giá trị tự thân, có thể tồn tại và sáng rỡ, như một màu sắc rõ nét trong tổng hợp cầu vồng muôn màu muôn sắc của nhân loại. ●

QUÁN NHƯ



MỖI ĐỌC GIẢ, MỖI THÂN HỮU CỔ ĐỘNG THÊM ĐỌC GIẢ DÀI HẠN CHO XÁC ĐỊNH.

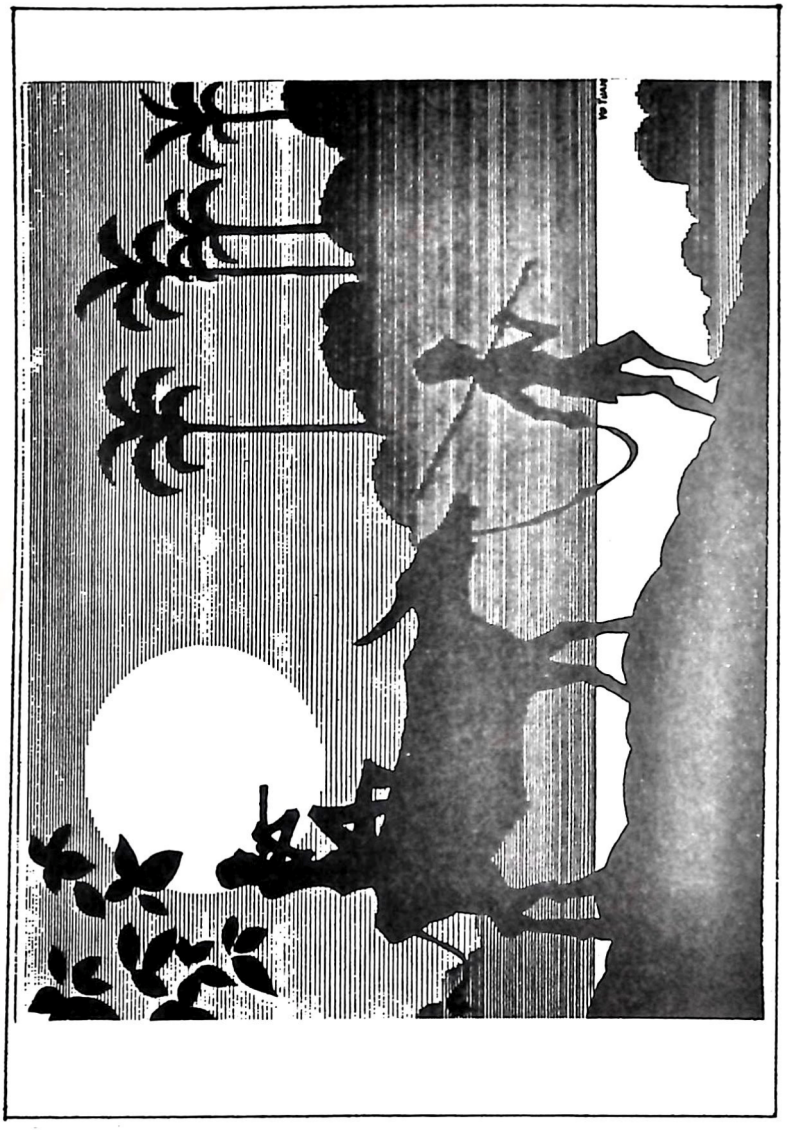

ĐĂNG QUẢNG CÁO TRÊN XÁC ĐỊNH LÀ QÚY VỊ GÓP PHẦN NUÔI DƯỠNG DIỄN ĐÀN THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT TỊ NẠN.

thơ

Nhớ con lắm những ngày mưa năm trước

Tháng chạp năm rồi mưa về muộn
Nên ruộng mình sắp hết con ơi.
Lúa đông ken mà thợ gặt không người
Nhớ con lắm những ngày mùa năm trước
Chiếc cộ lĩa trĩu vãng bông mơ ước
Mình ên con mà lúa vẫn tròn bồ
Kể từ ngày Bác Đảng vô
Còng lưng xuống, mà nhà mình không đủ sống
Phần thì vắng con, mẹ đêm ngày trong ngóng
Phần thì con Xe con Pháo nay đã quá già
Lại thêm tuần họp bảy họp ba
Chúng mắng nhiếc nhà mình theo giặc
Sức yếu thế cô, nhưng mẹ muốn đứng lên tức khắc
Khạc vào mặt chúng cổ trâu đang nhai
Ai giặc? Ai thù ? Ai cướp của ai ?
Đêm qua mẹ nằm đưa võng
Bầy muỗi vo ve hoài, không ngủ được con ơi.

Giang Hữu Tuyên

Đoản Khúc Bốn mùa



Ở đây có mưa nhỏ
Và những buổi chiều buồn mùa thu
Phố xá hai bên không người qua lại
Buồn hắt hiu những mảng trời màu xám

Ở đây có sương mù
Và những buổi sáng nhớ mùa đông
Những dãy đèn mờ nối đuôi lặng lẽ
Nhớ ơ hờ tiếng còi vắng chìm trong màn đêm

Ở đây có nắng cháy
Và những giọt nước trong khung trời mùa hạ
Người vội vã tìm về một góc quên nào đó
Bục giảng đường đã lạnh vắng người qua.

Ở đây có gió lạnh
Và những buổi tối xa nhà mùa xuân
Lung linh ngọn đèn mờ căn gác nhỏ
Từng ngón tay chắt chiu niềm nhớ.

*
* *

Ở đó có mưa mù
Và đất lành nước lũ không người trông
Có cha cúi đầu bước mau lầm lũi
Có chị ôm em nước mắt nhạt nhòa

Ở đó có sương mai
Và tiếng gà chìm trong tiếng loa "Lời Bác"
Có mẹ cong mình quảy gánh chợ xa
Có anh và em bỗ từng nhát vỡ nát cuộc đời

Ở đó có nắng hồng rực cháy
Và dòng sông vẫn uốn khúc bốn mùa phù sa
Có mái đầu xanh ê a lời "Mác"
Từng bước chân thon giấy vụn xây ngai vàng

Ở đó vẫn lạnh, gió rừng gió núi
Từng bóng người nhịp bước giữa đêm khuya
Tiếng dế mèn vang kêu ai oán !
Gạo chẻ tư bạc tóc vẫn hoang đường

*
* *

Ở đây có bốn mùa chất chiu niềm nhớ
Ở đó có bốn mùa cay xé lầm than
Đã bao đêm đứng nhìn về quê cũ
Đếm từng ngày hòa nhịp đập quê hương

Mơ một ngày mai nhịp bước quân hành
Mở một ngày mai cờ bay lòng người mở hội
Trẻ cười vui, mẹ rộng tay đón con về
Chị rạng tươi ửng hồng hoa chiến thắng
Cha già nua giọt lệ tình người

Anh và em nắm chặt tay, khắp miền Tổ Quốc
Ta dựng xây Việt Nam kiêu hùng
Và bốn mùa Xuân Hạ Thu Đông
Giống da vàng bốn nghìn năm giữ nước và dựng nước

KIM KHA

Chiều Chủ Nhật

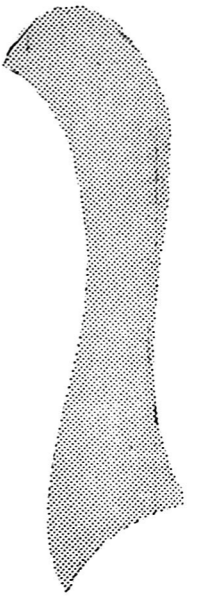

Chiều chủ nhật tôi ngồi như tượng đá
Gọi tên em vồn vã chân trời
Có phải em là chim bồ câu trắng
Ngậm trái tim người bay khắp Việt Nam
Có phải em là chiếc khăn tang
Đã thắt chặt giữa ngàn cao đỉnh núi
Buổi chiều mở một rừng cây đắng
Em băn khoăn đậu xuống vai đời
Ôi trái tim em đen đỏ rối bời
Em khép mắt rụng rời ngần ấy
Bàn chân em đau bàn chân sưng tấy
Cấy trên đồi mưa nắng điu hiu
Em chắt chiu đếm từng lá cỏ
Phủ lên đầu cho tóc thêm xanh
Em bước không nhanh những bước dài dầu
Tôi gọi khẽ chim bồ câu nhỏ
Em bước không nhanh nghiêng mắt cúi đầu
Tôi gọi khẽ giữa hai bờ thống khổ
Bàn tay em thôm bàn tay em ướt
Ấp tim tôi đưa máu trở luân hồi
Dí vãng cây cầu mái nhà tấc dạ
Trên giòng sông rồng rã điêu linh
Tóc vẫn còn xanh ngàn vạn tơ chùng
Mà đôi má đã não nùng quốc biến
Chiều chủ nhật tôi ngồi câm như hến
Gọi tên em vồn vã chân trời

Tường Vũ Anh Thy



GIẤC MƠ CỦA BÉ

Bé thả bước ra bờ suối, người đẹp trong tranh, tiếng tiêu dìu dặt, những nụ hoa tỏa hương và tà áo xanh của chàng thi sĩ họ Lữ. Thế giới của màu sắc âm thanh, hương hoa và sáng tạo. Em cảm nhận, hé nụ trong lòng em một nguồn sáng khải thị. Nét đẹp của trời đất chan hòa trong hồn em, vì em mơ hồ cảm thấy cần chia sẻ niềm vui bất tuyệt mỹ với người khác, người bạn thiết, kể đồng điệu giao thoa cũng em ngôn ngữ của nghệ thuật.

Em hiểu em chỉ là cô bé yếu đuối khờ khạo, em cần nương tựa vào một người bạn thiết, một người vững chãi như ngọn núi xám đàng xa, có tâm hồn tế vi để cảm nhận cùng em sự nhiệm mầu và những phiến tơ dầy bao dung để vượt qua những nhỏ nhen thường tình và đủ bản lãnh để tạo một sự nghiệp mà em sẽ cùng san sẻ...người bạn thiết mỹ... biết đến bao giờ?

Em thấy bên bờ suối một ông già, lưng mang hồ lô rượu đang ung dung ngồi câu, chòm râu bạc phất phơ trong nắng chiều, ông lão ngước mắt nhìn Bé, ánh nhìn rất đỗi từ tốn hiền hòa. Ông lão thu lưỡi câu về, trên sợi dây câu không có lưỡi. Bé ngạc nhiên hỏi "Thưa Cụ, sao Cụ câu cá bằng sợi dây câu không lưỡi?"

Ông lão mỉm cười và bảo:

"Trước kia có người Khương Tử Giang cầm cần câu không lưỡi để tỏ ý ẩn nhẫn chờ minh chủ đặng ra tài an bang tế thế. Lòng y đã biết nhẫn, nhưng vẫn nhuốm vọng cầu. Còn ta thì giăng lưỡi câu xuống giòng suối để lãm cây nêu cho cá mở hội vui ".

Bé nhìn ông lão, gương mặt an nhiên tự tại, không hề vướng bận chút hệ lụy trần gian. Ông lão là Chung Ly Hán vị tiên của sự chính trực.

Hồi còn ở thế gian, Chung Ly Hán theo đuổi nghiệp võ, chàng là một danh tướng đương thời. Gặp buổi nhiễu nhương chàng bèn luyện kiếm, rèn võ nghệ suy gẫm kinh nghiệm chiến trường để chế hóa phép lục thao. Thếchiến quốc, thế xuân thu, gặp thời thế... Chung ly lúc dũng kế liên hoàn để tập trung lực lượng các nhược quốc, lúc lập kế hợp tung để triển khai binh pháp. Chàng vận dụng kiếm khí và thao lược để tung hoành khắp thiên hạ, chàng nuôi hoài bão gồm thâu sơn hà về một mối để dựng bá nghiệp lưu danh cùng sử xanh.

Một đêm kia,sau một ngày chiến trận thảm khốc, Chung Ly Hán thả ngựa đi lược trận. Không khí trận tiền trong đêm đông vô cùng ảm đạm, máu sông xương núi, chập chùng hàng giáo mác ngả nghiêng, và ngọn gió bấc thổi ù ù như hồn oan tử sĩ vọng về.

Trong một phút định thần, nhen nhúm trong lòng một câu hỏi "tất cả mộng công hầu khanh tướng nào có ý nghĩa gì ngoài chút lợi danh hư ảo?".

Vó ngựa dẫn chàng băng qua những chiến hào, những thương binh rên xiết u uất, những khuôn mặt co rúm đớn đau, những thây người chồng chất uất hận. Chàng chợt hiểu, điều quan trọng đầu tiên và cuối cùng là mạng sống con người con người hiện tại bằng thịt bằng xương. Không ai có thể nhân danh bất cứ một thứ lý tưởng, tưởng lai dù hứa hẹn đến đâu, để phung phí những mạng sống con người. Con người không chỉ sống cho riêng mình, khi một con người chết đi, cùng với y, những hứa hẹn đều vô nghĩa.

Trong nỗi bàng hoàng ấy, Chung Ly Hán nghe thôi thúc trong lòng một tiếng gọi thầm kín "về đi thôi, về đi thôi sao còn nấn ná, bóng chiều đã tàn phai, nương dâu đang ngóng đợi... Sao chưa về, sao còn lẩn quẩn... về đi thôi, về đi thôi, sao còn nấn ná".

Về đi thôi, nhưng biết về đâu, thế chiến quốc thế xuân thu, gặp thời thế... hỡi ơi con chim có tổ, con cáo có hang, lẽ nào riêng ta không có một chỗ gối đầu ?

Rồi từ đó, theo vó ngựa bất định, Chung Ly Hán lặng lẽ rời bỏ bản doanh quân ngũ, chàng phó mặc cho con ngựa dẫn dắt đi qua những bãi chiến hào, những thôn trang điền dã những thành thị, xóm làng... ở đâu tiếng uất hận cũng vọng lên đến chín tầng mây.

Một hôm chàng lạc vào thượng nguồn một giòng sông nước chảy xiết. Chàng xuống ngựa và ngồi trầm tư bên bờ sông. Giòng nước nào gột rửa hết mấu tanh, xương trắng trên hình hài ta ? Tay ta đã vướng bẩn, lòng ta nặng triu những tục lụy, tiếng oan khiên từ mười phương vọng về ray rứt cơn tim u muội của ta. Ta đã làm gì đời ta ?

Gặp thời thế, thế thời phải thế...

Không, đó chỉ là một cớ để tự bào chữa. Ta đã làm dơ bẩn đời ta. Giòng sông cuồng nộ chảy xiết. Nước lũ đục ngầu. Đời ta là một giòng sông cuồng loạn.

Suốt mấy ngày đêm thất thần bên bờ sông, Chung Ly Hán ngập hồn trong thao thức dằn vặt. Trải mấy đêm, tóc chàng đã bạc trắng, trán chàng hằn những vết nhăn, chàng già đi hàng chục tuổi.

Một đêm kia, hết lương thực, trí óc căng thẳng, thịt xương rã rời, Chung Ly Hán lê thân dọc theo giòng sông về phía thượng nguồn.

Bước chân chàng thất thểu bất định, mất chàng nhòe trong mờ ảo u mê, chân chàng nặng những bước đi như cột hàng cân sắt.

Tiếp tục đi như thế, dưới ánh sao hôm lấp lánh, Chung Ly Hán vượt qua một dòng thác, mò mẫm trong đêm tối,

xuyên qua những ghềnh đá và rồi ngã gục bên bờ giòng suối.

Chàng kiệt lực và thiêm thiếp như vậy không biết bao lâu, cho đến khi giòng nước mát vỗ nhẹ trên má, trên tóc chàng và dìu chàng tỉnh dậy, cùng với tiếng chim riu rít trong ánh sáng hân hoan đầu tiên của buổi rạng đông.

Chung Ly Hán mở mắt. Chàng chợt thấy trước mắt mình một phiến đá xanh sừng sững. Phiến đá đặt đúng giữa giòng nước, và đã tẻ giòng suối xoay hướng, uốn cong như con rắn rẻ luồn qua những lối nhỏ.

Và Chung Ly Hán bừng tỉnh. Một phiến đá nếu đặt đúng một mạch nguồn, có thể xoay chuyển cả một giòng nước. không ai có thể ngăn được một giòng nước rộng nhưng nếu biết đặt một phiến đá đúng nguồn mạch, ta có thể chuyển hướng cả một cuồng lưu.

Như một tia sáng chói lọi bừng nở trong tim. Chung Ly chợt thấy như mình vừa hồi sinh. Chàng hiểu không ai có thể xoay chuyển cả một thế cuộc, nhưng nếu một kẻ vượt qua được những câu chấp thường tình, phóng cái nhìn bao quát cả vùng biến dịch, y sẽ thấy được chỗ đứng diệu dụng nhất trên đầu ngọn sóng, để từ đó chuyển cả giòng nước nhiễu nhương chảy về giòng sông nhân ái.

Thời của Chung Ly cũng như thời của Bé bây giờ, một lũ giả nhân, giả nghĩa vận dụng xảo thuật để khống chế con người. Chúng đem điều trí trá để dối gạt, lợi dụng sự ích kỷ cầu an của lớp nho thư hương lại để độc bá tư tưởng, đốt sách chôn học trò nhằm tiêu diệt các mầm đấu tranh. Từ các bá thuật ấy, chúng nghênh ngang tưởng rằng đã tóm thâu toàn thiên hạ, mới lộ nguyên hình ngạ quỷ, đem lương dân nướng vào lò lửa đỏ, bần cùng hóa con người ngang súc vật để dễ sai bảo hoành hành. Những kẻ còn đôi chút khí khái như Chung Ly thì lẩn quẩn trong vòng luân lý để rồi lãng phí nhiệt huyết trong những mơ tưởng viển vông.

Từ khi nhận chân được một chỗ đứng trong giòng cuồng lưu, Chung Ly Hán cơ hồ hết nghi ngại hoang mang. Ông hiểu mọi đóng góp của mọi người nếu đặt được trong sự vận hành của cuộc đấu tranh chung vì lớp nhân dân thống khổ

ấy thì đấy là ngọn lửa hồng để tiếp nối cho cuộc đấu tranh kiên trì bền bỉ từng hằng thế hệ đã qua và sẽ tới để xây dựng một xã hội an bình hòa hợp thực sự.

Trong niềm an tâm ổn cố, Chung Ly Hán trở về với cuộc sống và góp sức mình vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Trong vai trò kẻ sĩ khiêm tốn tự đặt mình làm một viên đá hèn mọn vào cuộc đấu tranh trường kỳ, Chung Ly lấy khả năng và sức thuyết phục của mình để góp sức hướng dẫn ngọn sống đấu tranh với một châm ngôn giản dị mà diệu dụng "thật thà là cha quỷ quái" câu châm ngôn chân chất ấy là tia lửa đốt cháy mọi xảo thuật man trá, mọi lời lộng ngôn huênh hoang của kẻ địch.



Khơi dậy bản chất "chính trực" của dân tộc, vốn dĩ bị lãng quên và vùi dập bởi những lời hoa ngữ điêu ngoa, những thủ đoạn lọc lừa của kẻ địch và bọn con buôn chính trị xảo trá, Chung Ly tiếp tục dùng thân mình cho sự minh chứng sự thật, sự chính trực của tâm hồn. Như một phiến đá xanh đặt đúng mạch của ngọn cuồng lưu, sự chính trực vốn là viên ngọc quý của dân tộc chẳng càng ngày càng được chẳng mài dũa sáng ngời để chuẩn bị cho ngày, khi các lọc lừa gian dối đều rơi mặt nạ, sự chính trực sẽ khiến anh em nhìn rõ mặt nhau trong bao dung và hòa hợp.

Và Chung Ly Hán an tâm về trời dù cuộc chiến vẫn còn đang dở, bởi chẳng hiểu, sự chính trực sẽ được các thế hệ tiếp nối xiển dương, và sẽ trở thành vũ khí để giải phóng đất nước chẳng, dân tộc chẳng. . . Về cõi thiên thai này, Chung Ly vẫn tiếp tục dùng tâm chính trực để truy vấn về nguồn mạch của nẻo biến dịch. . .

Bé nghe ông lão kể chuyện mà lòng thanh thoát, em hỏi: "Thế bây giờ cụ đã thấu hiểu nguồn mạch của nẻo biến dịch chưa".

Chung Ly Hán mỉm cười và trả lời:

"Nguồn mạch của biến dịch là những gì vô cùng, ta không thể thấu hiểu bằng lý lẽ thường tình, nhưng ta có thể sống và cảm nhận nó bằng từng giây phút của cuộc sống. Con chim sẻ riu rít từ bụi nọ sang bụi kia. Con chim vạc vượt qua những cánh đồng rộng và cất tiếng hót sảng khoái. Loài đại bàng mỗi lần tung cánh che khuất cả một góc trời, lướt bay qua muôn dặm biển khơi" Nẻo biến dịch thì vô cùng mà khả năng con người thì hữu hạn. Kẻ thức thời là kẻ hiểu được chỗ đứng của mình trong càn khôn, để từ đó tâm không vọng cầu và lòng không sợ hãi. . . "

"Con người vốn dĩ câu chấp vì lòng đầy sợ hãi, thuở ta làm tướng điều khiển ba quân tung hoành ngang dọc, ta đã gượng gạo nương theo ý kiêu ngạo để lấp liếm nỗi sợ hãi trong lòng.

Điều mà thời của con gọi là tự do quyết định, thời ta gọi là thiên mệnh. . .

Mệnh trời không phó thác cho riêng ai, tự do không phải là một tặng vật.

Tự do chỉ có được khi tâm không sợ hãi, không sợ hãi vì lòng không vọng cầu cho riêng bản thân. Tự do trước tiên và trên hết là một sự tranh đấu với chính mình, để cởi bỏ cái tâm kiêu hãnh hèn mọn. Và từ đó, ôm trong lòng cả vũ trụ bao la."

Lòng không vọng cầu và tâm không sợ hãi. Bé lập lại trong trí lời họ Chung vừa nói. Em bâng khuâng nhìn lần mây trắng thấp thoáng đằng xa. . . Biết đến bao giờ lòng em mới đạt được cõi thanh tịnh, không sợ hãi, chẳng vọng cầu. Không bị câu thúc bởi những hệ lụy nhỏ nhen thường tình.

Như đọc được nỗi băn khoăn của bé, Chung Ly trả lời: Tình do tâm mà động. Khi tâm hỗn loạn thì tình đột khởi si mê. Khi tâm thanh tịnh thì tình sẽ bao dung sáng láng. Tâm không sợ hãi thì tình không câu thúc ràng buộc. Người bạn thiết của con là kẻ sẽ đến với con bằng tâm không sợ hãi, lòng không nghi ngại. Bởi chỉ khi tâm chẳng không sợ hãi, lòng chẳng không nghi ngại, chàng mới có được sự can đảm thật sự, lòng can đảm dứt bỏ cái tôi nhỏ bé, vượt lên trên những thiên kiến thường tình và từ đó mới tạo được một sự nghiệp sẽ làm con hãnh diện đóng góp và nương tựa.

Và con, con sẽ đóng góp với chẳng sự khiêm tốn và bao dung, đóng góp với chàng tâm hồn yêu đuối và trong sáng như thế, con sẽ hỗ trợ chàng, thêm sức cho chẳng đạt được tự do thực sự, tự do chỉ có được khi tâm không câu chấp phân biệt.

Từ bỏ suối, bé đi men theo lối mòn giữa hai hàng liễu rủ, tâm không vọng cầu và lòng không nghi ngại, cõi càn khôn vô cùng chẳng phân biệt với vài giọt nắng li ti. . . Bé chợt hiểu những câu chấp, những hệ lụy của đời người vốn dĩ phát xuất từ trí kiêu ngạo, làm sao cho tâm trí tương dung, thuận theo lẽ trời mà bay bổng với ngàn hoa. . . Em nghe tiếng lục lạc từ đằng xa vọng lại, cuối nẻo đường, một con lừa chậm rãi đi tới. Trên lưng lừa một ông lão nón rơm che phủ đến mang tai, ngồi ngược trên lưng lừa, tay cầm cây roi

nhỏ thỉnh thoảng phất nhẹ trên mo cau che kín mông lừa.

Ông lão có khuôn mặt thật hoạt kê, cái mũi to và đỏ chót như trái cà chua, nụ cười rộng đến mang tai và đôi mắt chiếu những ánh nhìn tinh anh và cực kỳ trong sáng.

Ông lão cười với Bé bằng mắt và hỏi:

"Này Bé, con đi đâu đó?

Bé ngập ngừng trả lời:

"Thưa cụ, con đi tìm. . . một người bạn"

Ông lão cười lớn và bảo:

"Người bạn thực sự là kẻ con không bao giờ tìm được. Khi định tâm tìm một người, con đã nuôi trong lòng hình ảnh một mẫu người nào đó. Một nghệ sĩ hào hoa, một chiến sĩ bất khuất, một kẻ sĩ điềm đạm hay một chàng trai trẻ hào hùng. Tìm một mẫu người là chuyện viển vông, và ví thử trong vài giây phút choáng váng đầu tiên gặp gỡ, con ngỡ đã gặp một người bạn mình đang tìm kiếm, thì thực ra, đó chỉ là kẻ con muốn họ trở thành theo những mơ ước của con. Và từ đó, sau những giây phút ngất ngây ban đầu, cả con lẫn y sẽ thất vọng về nhau. . . "

Bé lúng túng vì nhận ra lòng mình mang quá nhiều ảo vọng. Em ngước mắt cầu cứu nhìn ông lão. Ông lão vuốt mũi và nheo mắt cười với Bé:

"Con hãy nhìn quanh đây, mỗi viên sỏi, mỗi bụi cây, vài đóa hoa dại. . . mỗi vật đều mang một ý nghĩa. . . huống hồ là con người. . . mỗi người đều có một giá trị. . . nếu con đến một người chân thành với y, đón nhận tất cả những gì y hiến dâng từ bản chất y, nhìn nhận y như thể là con người trọn vẹn chứ không phải như thể là kẻ trong vọng tưởng của con, con sẽ có một người bạn thiết. . . một kẻ sẽ hòa nhịp với con để cùng trở thành. . . "

Giọng ông lão luống một chút ngậm ngùi:

"Một người bạn, một quê hương, một cuộc thế. . . ta chỉ nắm được, hội nhập được khi lòng ta thực sự gắn bó, đầy bao dung, không câu chấp. . . một điều thực giản dị mà mấy ai thể hiện được. . . "

Ông lão ngừng câu nói, và dẫn Bé đến ngồi bên góc

biển, bằng giọng trầm buồn, ông kể với Bé về đời ông.

Thuở còn ở thế gian, ông lão là Lý Thiết Quải, một kẻ sĩ sinh trong thời Xuân Thu Chiến Quốc, buổi trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng. Thời của Lý cũng như thời của Bé ngày nay, con người đua đòi theo danh lý mà quên nẻo chân tâm. Trăm hoa đua nở mà nở hoa độc trái cấm. Trăm nhà đua tiếng mà thốt toàn lời lộng ngôn huyền hoặc. Có kẻ thuận theo cái tôi hèn mọn mà kêu gọi con người sống vị kỷ, mất một sợi lông chân mà được cả thiên hạ cũng không màng. Có kẻ chiều theo bản năng hung hãn, xướng thuyết quyền uy, lấy bạo lực làm phương tiện để khống chế con người, coi sinh mệnh nhẹ như con sâu cái kiến. Có kẻ nhân danh một thế giới huyền hoặc ngày mai để ép lương dân hi sinh hàng thế hệ từng kiếp người một cách vô vọng. Lại có kẻ mơ mơ màng màng trong thế giới thần bí u mê, lấy bùa chú lọc lừa để dẫn dắt con người vào cõi mộng ảo.

Thời loạn ngôn nảy nở bao nhiêu tư tưởng cuồng điên vọng đại. Có đôi kẻ học lóm chút đỉnh kiến văn đã ngỡ mình đạt lý, tự kiêu tự đại cố chấp khăng khăng ôm tháp ngà tư tưởng mình, phỉ báng nguyền rủa ý kiến kẻ khác. Cái học rối như bòng bong, như thuyền không lái, như ngựa không cương, mạnh ai nấy diễn. Lại có kẻ thất phu mượn đôi kẻ sĩ ngu dại kia về làm bình phong để lập thuyết biện minh cho tham vọng uy quyền.

Thế cuộc từ đó tương tranh, nẻo chính đạo không ai với tới. Bá nghiệp càng ngày càng xiển dương. Chiến tranh cũng tai ương càng ngày càng lan rộng.

Là kẻ sĩ, hiểu được căn bệnh của đương thời, Lý Thiết Quải lên tiếng rao giảng con đường trung đạo. Con người không phải là con vật thí nghiệm cho những ý kiến tai quái đối nghịch của trăm nhà. Lẽ chính đạo thuộc những ai tâm không phân biệt, lòng không câu chấp. Con người là giá trị duy nhất phải được tôn trọng với tất cả những yếu đuối khổ lụy cũng những tiềm lực đối kháng, vùng lên để hòa nhập với càn khôn. Minh triết là nắm được cái hữu hạn trong hòa hợp với vô cùng.

Như kẻ đốt đuốc đi rao giảng niềm tin lý đi khắp các cõi chư hầu, gõ cửa các lãnh địa quyền môn để thuyết phục giới hữu quyền từ bỏ những kiêu hãnh sa đọa, thuận theo thiên mệnh chấm dứt các cuộc tương tranh và quy nhân tâm về một mối.

Những lời ngay thường trái tai, lõng thật thường bị dè bỉu. Giới cầm quyền đương thời, chìm ngập trong tham vọng quyền uy, đã ngoảnh mặt trước lời lẽ khẩn khoản của Lý. Có đám chư hầu làm ra điều muốn rửa tai nghe Lý trần tình nhưng thâm tâm thì chế nhạo coi thường Lý. Lý bị bêu rếu như một cuồng sĩ, ông bị bao hình phạt vì dám nói lên lời thật trái tai.

Trải nửa đời người sống trong mỏi mòn tù ngục vặt trăm thứ tai ương, nhưng niềm tin vẫn son sắt trong tấm thân cõm cõi vì ngược đãi bạo hành. Lý vẫn bền lõng rao giảng chánh đạo, và đem thân thách thức mọi đe dọa để xiển dương minh triết. Cho đến cuối đời người, thân tàn ma dại, Lý đành thay đổi sách lược, ông không thèm thuyết giảng với đám cận thị tư tưởng, mù lòa tâm hồn. Ông cỡi ngược trên lưng lừa, lấy mo cau úp trên mông lừa để che miệng thế gian, và lê la nơi chốn đầu đường xó chợ để rao giảng niềm tin nơi đám con trẻ.

Lý tin tưởng, chỉ những tâm hồn vô nhiễm của trẻ thơ mới cảm nhận và ghi dấu được minh triết, cái biết từ căn bản phải tách ly những thiên kiến và dục vọng quyền uy, để dần dần, từng thế hệ sẽ nối tiếp nhau nắm vận nước. Và đám trẻ thơ của Lý, với cái học hồn nhiên trong sáng của minh triết, sẽ góp sức để ổn định thế cuộc.

Lý Thiết Quải về trời khi chưa nhìn được kết quả công việc khai hóa đó. Vậ ông trở thành vị tiên của minh triết.

Đã mang lấy nghiệp vào thân, dù đã bước vào cõi thiên thai này Lý vẫn không ngừng thao thức, nhìn xuống thế, Lý vẫn thấy con người còn đắm chìm trong cõi tương tranh, minh triết vẫn bị khuất lấp, những tà thuyết vẫn độc bá chính trường, số mệnh con người vẫn chìm ngập trong đọa đầy khổ ải.

Lý hiểu những vận động dưới thế của mình vẫn chưa đủ. Minh triết dù có được xiển dương vẫn không thể đưa con người đến chỗ quán thông vạn vật hầu giải quyết những khổ lụy của kiếp người. Và chỉ khi con người đạt đến chỗ an nhiên, tâm thuần khiết như trẻ thơ mới hiểu được sự bí nhiệm của minh triết.

Và ông trú chung một lều cỏ với Tào Quốc Trượng, vị tiên của lễ nghi để san sẻ với bạn nguồn sáng đầy bao dung và mầu nhiệm: những lễ nghi hằng ngày, rất bình thường mà con người vẫn hành xử nhưng rất ít người hiểu được cốt tủy.

Lý Thiết Quài dẫn Bé về lều cỏ. Em cảm động khi thông cảm được niềm ưu tư của Lý, em hiểu ra người nắm minh triết thực sự, là một người rất bình thường, có tâm thuần hậu như bác nông phu nơi quê nhà em, có hồn trong sáng và vô nhiễm như đám trẻ thơ và có tình thương bao la để vượt mọi lằn ranh đầy cạm bẫy của trí kiêu ngạo. Trên khuôn mặt hoạt kê, trên nụ cười hồn nhiên của Lý, em mơ hồ cảm nhận cái biết chân thực và vĩnh viễn, đang len lén đi vào hồn em.

Thảo lư nằm trên một ngọn đồi cao, rất nhiều thông và lộng gió. Bé khép nép bước vào một căn phòng nhỏ, không khí nơi đây thật vắng lặng yên tĩnh. Căn phòng trang trí giản dị, một kệ sách, một chiếc bồ đoàn, vài phiến đá xanh mài nhẵn. Bé lặng lẽ nhìn một cụ già đang nhắm mắt nhập định. Cụ già mặc trường bào trắng, mái tóc và chòm râu bạc xóa, em nghe tiếng cụ nhỏ nhẹ:

"Này Bé, con hãy ngồi xuống đây và nhấp cùng ta chung rượu này"

Bé bở ngỡ không tin vào tai mình, em nhìn chung rượu đang được cụ già đưa tới. Em ấp úng:

"Thưa cụ. . . Con không biết uống rượu"

Cụ già mở mắt, nhìn em thật hiền hòa:

"Ở xứ Cận Đông có đấng Cứu Thế, trước giờ thọ nạn đã nâng chén rượu trước mặt các tông đồ và thốt một lời phán truyền thật bi tráng "Hãy cạn chén đi, đây là máu của ta,

máu của sự giao ước chuộc tội cho con người". Bên cõi Thiên Trúc có đấng Giác Ngộ, trải bao ngày tháng khổ hạnh hành hạ thân xác trên đỉnh núi tuyết. Một đêm trăng tròn, nằm bất tỉnh nơi hang động, chợt xúc động tâm cơ và đạt đạo sau khi nhấp bình sữa dê của một thôn nữ cúng dường".

"Một ly rượu, một bình sữa, những dưỡng chất của trần gian, đó là những ẩn ngữ, những nghi thức mà rất nhiều người thời con vẫn tin tưởng giữ gìn nhưng mấy ai nắm được cốt tủy của những lễ nghi này"

Bé im lặng nhìn ông cụ, một nguồn sáng bí nhiệm tràn ngập hồn em, em cung kính đưa hai tay đón chung rượu, một chút vị cay lãm tê buốt đầu lưỡi, nhưng từ đó một nguồn sáng trong suốt bay bổng trước mặt em và đưa lòng em vào cõi lâng lâng diệu vợi. Em nghe bên tai câu chuyện của ông cụ thoang thoảng...

(Xem tiếp kỳ sau)

● Bạch Mã



MỘNG HƯỚNG KHÊ



Tặng Thái Tú Hạp

Quanh co núi đổ dốc đèo
Vàng lên nắng hạ trong veo đỉnh trời
Xanh tình ruộng mạ quê ơi !
Dưới chân xóm nhỏ thưa mời bóng râm
Quán thiên lộ trải ân cần
Bước vô Đà Nẵng nghe gần Huế xưa
Đèo mây nếu áo qua đò
Về thăm mắt đẹp mấy o ngoài mình
Tóc thề còn thả ngọn xinh
Hay mưa đã chẻ dòng tình đôi nơi ?
Về thăm phố của sông, đồi
Chiều vô trong Nội khép rồi cửa Ngăn
Ngó ra xứ Quảng thâm trầm
Mịt mù binh lửa biệt âm ngày về
Bàng hoàng cối mộng hướng khê
Giải khăn sô chít bốn bề nước non

HOÀNG XUÂN SƠN
(Viễn Phố)

HÒA ÂM II

Cuộc hẹn tan tành như bọt sóng
Xin người về với mộng trùng lai
Mai sau thành khói sương vang động
Khắp bốn phương trời thương nhớ ai.

Nơi đây ngày tháng làm khách lạ
Đôi khi gỏ cửa tới trần gian
Hỏi thăm, từng người, thăm tất cả
Nhưng người, nhưng cảnh chẳng thân quen.

Nơi đây tản tạ trong hư vọng
Những nỗi niềm riêng trong cuộc chung
Đêm khuya quay về ngồi đối bóng
Nhưng bóng hình chia điệp điệp trùng.

Thiên thu ta hát bài tống biệt
Ngàn năm mây trắng vẫn còn bay
Ngàn năm ta vẫn đứng phương này
Lầm lũi trên đường về im lặng.

Hồ Đắc Ngọc

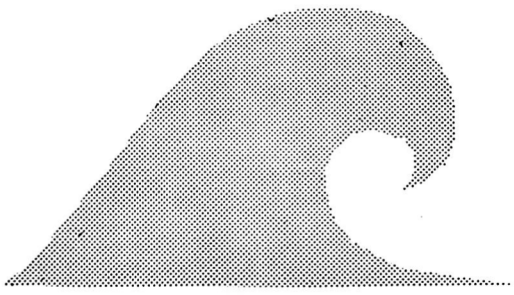



Hương Hoa Quỳnh trên sông

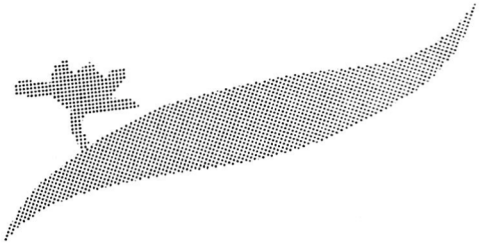

Hàm Luông là một trong những nhánh chính cuối cùng của sông Cửu Long. Buổi chiều vào giờ con nước đứng mặt sông yên tịnh và phẳng lặng như một mặt hồ. Chiếc ghe vượt biển nhỏ siú chạy từ từ, bình thản giữa giòng sông hướng mủi về cửa biển.

Cảnh chiều về trên sông thật đẹp, thật dịu dàng nhưng cũng thật mênh mang kỳ ảo. Đêm nay ghe sẽ neo lại tại một điểm trên mặt sông này để sáng mai chờ con nước rông sẽ theo đó mà thoát ra biển cả.

Đêm không trăng và trời đã tối hẳn, trên ghe có một sự yên lặng vừa phải, vẫn có những tiếng xầm xì nho nhỏ từ khoang ghe vọng lên. Trên phòng lái, ông cụ già thỉnh thoảng vẫn thở dài khắc khoải, có tiếng quẹt diêm hút thuốc của người đàn ông đứng tuổi, còn hai thanh niên đã có vẻ thoải mái hớn sau khi bàn với nhau về những điều phải lãm cho ngày mai đang quay ra do giấc ngủ. Một lúc lâu sau không còn một tiếng động nào khác trừ tiếng nước chảy róc rách đập vào mãn ghe.

Thật ra thì chẳng ai ngủ được nên khi có một thanh niên chợt hỏi "có ai cảm thấy gì không?" thì cả bộn người đều thấy : một mùi hương thật lạ vừa theo gió thoảng đến rồi tan loảng ngay vào khoảng không chung quanh.

Tiếng người đàn ông :

— Mùi hương lạ lắm, tôi không nhận ra được và không hiểu tại sao giữa sông rộng như thế này mà lại có

Tiếng một thanh niên trả lời :

— Có lẽ là của đám bìm bìm nào trôi gần đây.

— Không phải đâu, ông cụ già xen vào một cách quả quyết bất ngờ, tôi biết đó là mùi hương gì, đó là mùi hương của cái hoa quỳnh thứ ba đang nở ở nhà tôi. Rồi ông cụ tiếp ngay, nhà tôi có một chậu hoa quỳnh lớn đúng vào lúc đang nở hoa. Ngày hôm kia cả nhà tôi đã thức thật khuya để xem cái hoa quỳnh đầu tiên nở, tối hôm qua cũng vậy, cái hoa thứ hai nở, và suốt buổi sáng ngày hôm nay khi ra khỏi nhà lần cuối cùng tôi biết chắc rằng đêm nay cái hoa thứ ba còn lại thế nào cũng nở đúng vào giờ này. Rồi ông cụ nói một cách hồi hả mừng rỡ : Như vậy là trọn vẹn, tôi không phải tiếc gì nữa và tôi chắc đó cũng là một cái điềm tốt cho chuyến đi này của đại gia đình tôi.

Ba người kia giữ một sự yên lặng đồng ý, mong rằng điều ông cụ tin sẽ đúng cho gia đình ông ta và tất cả mọi người khác trên ghe. Ông cụ có vẻ thỏa mãn cao hứng ngâm mấy câu thơ cổ rồi quay sang nói với mấy người đàn ông : "Anh thấy không, loại hoa thật vô tình, người đã bỏ đi rồi mà hoa vẫn cứ nở". Có tiếng một thanh niên đáp lời : "Hoa đâu có vô tình, thưa cụ, theo tôi chỉ có con người mới thật là vô tình. Nhưng thôi khuya lắm rồi cụ ngủ đi một chút, rồi mai còn nhổ neo sớm."

Thuyền ra cửa biển vào sáng sớm lúc mặt trời đang mọc. Giai đoạn đầu của chuyến đi đã thành công. Bây giờ không còn công an, không còn nhà tù nữa, nhưng còn cả một đại dương đang mùa nổi sóng trước mặt. Biển đổi màu, từ màu đỏ đục ngầu của đất phù sa đến màu xanh lá cây của nước biển gần bờ, rồi khi biển có màu xanh dương

thầm thì cũng là lúc mà tầm nhìn hút mắt của mọi người cũng không còn thấy bóng dáng mảnh đất vừa bỏ ra đi. Thôi đứng nhìn ve dãng sau nữa, chẳng thấy gì đâu...

Biển động mạnh mà chiếc ghe lại yếu quá, sáng ngày thứ sáu của chuyến đi, ghe bị nứt, nước thấm dần vào Thuyền sẽ chìm trong vòng vài giờ nữa, chẳng có cách nào tránh được, cũng chẳng hy vọng gì sẽ được một chiếc tầu biển nào đến cứu trừ khi phải làm cho nó thấy là chính nó đã đụng vỡ ghe của mình. Cái quyết định đó đến thật nhanh, chưa ai kịp có ý kiến gì khác thì một chiếc tầu biển từ đàng xa đi ngược đến đã sừng sững trước mặt. Cái mũi tầu cao và cong vút như một cái lưỡi hái mà chiếc ghe nhỏ xả hết mấy dâm thẳng vào. Có một tiếng động của ván ghe vỡ vụn vì sự va chạm, rồi có những tiếng la hét của tất cả mọi người trên ghe và trên tầu. Có những tấm lưới, dây và phao được quang xuống, nhưng chỉ có một nửa số người của thuyền đi được kéo lên. Tất cả những gì còn lại đã theo giòng hải lưu cuốn đi thật xa trong khoanh khắc.

Buổi tối hôm đó trên chiếc tầu biển, sau những giờ khắc bàng hoàng của tai nạn xảy ra, người thanh niên chợt nhận ra một điều là gia đình của ông cụ chỉ còn duy nhất một đứa cháu dịch tôn sống sót. Nhớ lại câu chuyện ông cụ kể vào buổi tối trên giòng sông Cửu, người thanh niên tự nhiên có ý nghĩ là cái hoa quỳnh thứ ba đó đã không nở, bởi vì mỗi cái hoa là một đời, nếu cái hoa thứ ba mà nở thì gia đình ông cụ sẽ phải tuyệt tự. Nhưng như vậy tại sao lại có mùi hương lạ đêm hôm đó? Người thanh niên không sao tìm được câu trả lời cho điều này. Nhưng có một điều, người thanh niên biết chắc rằng là anh ta sẽ không bao giờ tìm lại được mùi hương lạ nầy trừ khi trở về tìm lại ngay trên giòng sông cũ. ●

Phương Bối

Gởi về sông cái lớn

Đường nào về quê hương tôi ơi,
Dòng sông Cái Lớn, lớn chơi vơi.
Đôi bên dừa nước xuôi biền biệt.
Cuối nẻo . . . về đâu, nước giáp trời.

Sông đón tôi về ngang Xẻo Rô,
Sông vào Tắc Cậu gió buồn đưa.
Vẳng trong tiếng sóng xô quanh quạnh,
Tiếng lá đùa reo, tiếng trẻ đùa.
Sau hàng dừa nước, dưới hàng cau
Lúp xúp dăm ba mái lá nghèo.
Em có ra vườn thăm rẫy khóm,
Cảm phiền cho nối bước anh theo.
Lá khóm màu xanh tím thiết tha,
Tìm liền sông Cái tới rừng xa.
Tình anh bỗng trải theo tình đất.
Em đứng nghiêng nghiêng đẹp nõn nà.

Sông quanh Cái Nước lên miền ruộng,
Xẻo Đước, Xẻo Quao xế Xẻo Bần.
Xẻo Cạn, Xẻo Kè . . . hiu hắt xẻo,
Xẻo nào cũng ấp ủ tình thâm.
Rạch đưa sông đến từng thôn xóm.
Chằng chịt trên đồng kinh nối kinh,
Soi bóng người bơi xuồng trói sấu,
Phá rừng, gieo lúa tận U Minh.

Giặc chiếm quê giăng cờ đỏ chói,
Đào kinh, dựng cản, trạm lung tung.
Thuyền không ai bỏ sông sầu đọng.
Nước lũ tràn lên ngập khắp vùng.
Muôn chén gạo cơm thành sỏi đá,
Chỉ còn nước mắt độn ngô khoai.
Ruộng "lén" hợp tác, dân tàn tạ.
Trả thuế mồ hôi, thuế đọa đày.

Đêm ngược sông lần ra cửa biển,
Người đi, hồn níu cứng quê hương.
Bờ xa xa một trời lưu luyến.
Thôi đã chia lìa nước mắt tuôn . . .

Đường nào về quê hương tôi ơi,
Dòng sông Cái Lớn nước reo sôi.
Lòng dân thành một rừng gươm giáo.
Đuổi giặc thù đi, dựng lại đời.

Vĩnh Thuận

Thơ

xin anh đừng quên



Quê hương Việt Nam đang chờ anh đó :
Năm mươi triệu đồng bào đang khắc khoải lầm than
Kìa những trại tù tối tăm đê ngạt
Đang trông chờ tiếng nói của Anh
Đừng lặng thinh làm thân đồng lõa,
Hãy cất lên tiếng nói nhân quyền
Cho muôn ngàn người dân vô tội,
Cho anh em dưới ách bạo quyền.
Ôi, tội lắm những đôi mắt trẻ thơ vô tội
Đang lầm than vét đất chốn nông trường
Bụng đói meo tìm củ khoai, rễ sắn ;
Tay rã rời, chân run rẩy tuổi thơ. . .
Xin Anh đừng lãm thinh cúi mặt
Hãy cất lên tiếng nói kiên cường
Hỡi lớp thanh niên rường cột quốc gia :
Quê hương Việt Nam đang chờ anh đó !

Lê thị Hằng Đống

ĐIỂM SÁCH: NGA SÔ TRONG KHỦNG HOẢNG ● *Nguyễn Xuân Mai*
KHOA HỌC: ĐI VÀO CÕI VÔ BIÊN ● *Nguyễn Thái Hòa*

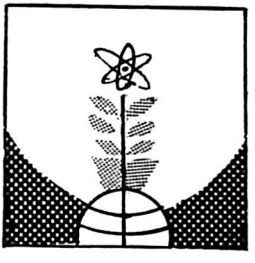

⊕PHẦN NHÂN LOẠI

NGA SÔ TRONG KHỦNG-HOẢNG

ĐIỂM SÁCH

Nga Sô ngày hôm nay đang tuột dốc kinh tế một cách thảm hại. Ở hầu hết mọi mặt, tình trạng đình trệ, phung phí và quản trị vô hiệu gia tăng vũn vụt. Trước là nước xuất cảng lúa lớn nhất thế giới, Nga Sô ngày nay lã nước nhập cảng nhiều nhất. Kỹ nghệ sắt thép, sở trường của Nga, hiện đang đi xuống; và kỹ nghệ điện tư thì thua xa lắc các nước Tây Phương. Đã thế, tình trạng ngoại tệ đang gặp khủng hoảng lớn vì món nợ kếch sù của Nga đối với các nước Tây Phương.

Trong quyển "Nga Sô trong khủng hoảng" (U. S. S. R. in Crisis), Tiến sĩ Marshall I. Goldman, phụ tá giám đốc viện nghiên cứu Nga Sô của đại học Harvard, chứng minh rằng những khủng hoảng kinh tế mà Nga Sô đang gặp phải không phải là sự ngẫu nhiên của lịch sử mà là hậu quả tất yếu của một mô thức kinh tế tập trung và độc đoán kiểu Stalin từ những năm 1920.

Sách lược phát triển kinh tế kiểu Stalin là thiết đạt và khuếch trương kỹ nghệ nặng ngay lập tức. Thay vì khởi đi từ bước xây dựng kỹ nghệ nhẹ tiến lên kỹ nghệ hạng trung để làm bàn đạp kích thích kỹ nghệ nặng, Stalin chủ trương xây dựng ngay kỹ nghệ nặng – kỹ nghệ sắt thép – rồi sau đó biến chế sản phẩm kỹ nghệ nặng thành tiêu thụ sản.

Để có vốn đầu tư vào kỹ nghệ nặng, các nguồn tài lực trước đây dùng cho nông nghiệp, kỹ nghệ nhẹ và tiêu thụ bị cắt giảm tối đa.

Golman cho rằng: ". . . mô thức Stalin có được bước đầu, nghĩa là thực hiện được công cuộc kỹ nghệ hóa một nước lạc hậu trong một thời gian ngắn ngủi. Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau, các bế tắc hiện ra. . . Nền kinh tế tiếp tục cung cấp máy móc trong khi nhu cầu là thực phẩm, tiêu thụ phẩm và kỹ thuật mới. Vì thế, theo sau giai đoạn phát triển, là giai đoạn đình trệ và xuống dốc. Sự thất bại của mô thức Stalin đã được chứng minh rõ ràng qua bài học nông nghiệp. Sinh hoạt sản xuất nông sản (thóc lúa, chăn nuôi. . .) ngày càng thụt lùi.

Trên phương diện xã hội, Goldman kết luận rằng ". . . xã hội Nga còn là phản nghĩa của một xã hội không giai cấp." Giai cấp cai trị được hưởng rất nhiều đặc quyền kinh tế (như là mở các gian hàng thương mại tư nhân) cũng giống như giai cấp cai trị nước Nga trước năm 1917.



Trên phương diện nhân sinh, mức sống dân Nga đang đi xuống. Tử xuất đã được điều chỉnh theo tuổi đang leo thang kể từ giữa thập niên 1960, với 7.1 phần ngàn năm 1964 lên 9.4 năm 1978. Vì vậy, tuổi sống trung bình giảm xuống từ hơn 60 năm nay và tử xuất lúc sơ sinh tăng hơn một phần ba từ năm 1971 đến 1976. Nước Nga là nước tiến bộ đầu tiên và duy nhất đang đi ngược lại chiều hướng phát triển nhân sinh của nhân loại.

Vì thế, theo Goldman, nhân dân Nga Sô không còn im lặng chịu đựng như xưa nữa. Kể từ năm 1980, một loạt các cuộc đình công, biểu tình và phản đối đã xảy ra. Có cả một vài vụ phá hoại bằng chất nổ. Một số công nhân đã thành lập các nghiệp đoàn tự do. Cuộc đình công đầu tiên nhằm phản đối tình trạng khan hiếm thực phẩm đã diễn ra trong hai ngày liền của tháng 5 năm 1980 với sự tham gia của 70,000 công nhân. Để tiếp nối, một vụ khác cũng trong hai ngày liền đã được thực hiện tại hãng xe ở Gorky. Các cuộc đình công khác cũng đã lần lượt xảy ra tại hãng xe Kama River ở Naberezhnye Chelny, hãng xe máy cày ở Cheboksary, cùng các địa điểm khác nữa. Đây là những hiện tượng chứng tỏ sự bất mãn và chống đối của nhân dân Nga càng ngày được thể hiện một cách tích cực.

Nếu mô thức Stalin không thể nâng cao đời sống nhân dân thì mô thức này lại có thể củng cố và phát triển quyền lực của chế độ. Goldman cũng đồng ý rằng :"bản chất của mô thức kinh tế Nga Sô có thể đảm bảo một phần lớn tổng sản lượng quốc gia dành cho khu vực quân sự ... Tập đoàn cộng sản Nga hàng năm trích ra 10 đến 16 phần trăm tổng sản lượng quốc gia cho các chi phí quân sự một cách dễ dàng ' '.

Hai câu hỏi nặng đầu cho tương lai là : liệu các sự bất mãn chế độ của nhân dân Nga, sự căng thẳng giữa các sắc dân Nga Sô, hai mâu thuẫn nội tại chính yếu trong xã hội Nga, có thể sẽ tạo sự bùng nổ hay không ? Hay là, tập đoàn cộng sản Nga sẽ thực thi một số chính sách cải tiến, một điều mà có thể tạo điều kiện trói dậy cho những hậu quả không ngờ trước được ?.

Để kết luận, Marshall Goldman tuy nhận rằng không thể giải đáp được hai câu hỏitrên, nhưng lại khẳng định rằng, mô thức kinh tế cộng sản Nga Sô chắc chắn thất bại, hơn nữa hoàn toàn phi nhân sinh, không phù hợp với nguyện vọng con người. (Marshall I. Goldman, Norton, 210 trang, 15 mỹ kim). ●

Nguyễn Xuân Mai

KHOA HỌC ĐI VÀO COÕI VÔ BIÊN

Mười một năm trước, phi thuyền Pioneer 10 được phóng lên không gian để bắt đầu cuộc hành trình vào vũ-trụ Được trang bị với mắt điện tử và những dụng cụ tinh vi khác, Pioneer 10 đã bay qua Mộc Tinh (Jupiter) và chụp hình hành tinh này. Sau đó, cuộc hành trình bắt đầu bước sang giai đoạn mới : hành trình liên hành tinh.

Pioneer 10 là phi thuyền đầu tiên của loài người đã rời thái dương hệ vào ngày 13-6. Vao lúc ấy Pioneer cách xa mặt trời 2,813,685,909 dặm và di chuyển với tốc độ 30,558 dặm một giờ.

Bên ngoài Pioneer 10 có một tấm bảng đồng chạm trổ một nam và một nữ khỏa thân để biểu hiện hình ảnh người trong thái dương hệ. Ngoài ra còn những ký hiệu khoa học khác để giúp cho những loại người từ những thế giới khác tìm ra nguồn gốc của Pioneer 10.

Cơ hội khám phá ra những sinh vật khác trong vũ-trụ rất hiếm. Khi được phóng vào không gian vô tận, Pioneer 10 sẽ không tới gần một ngôi sao nào khác trong 10,000 năm tới. Khoảng cách từ Pioneer 10 đến vì sao Barnard là 3.8 năm ánh sáng (khoảng 23 ngàn tỷ dặm). Tuy nhiên, các nhà khoa học tại Nasa's Ames Research Center nói rằng Pioneer sẽ hoạt động vĩnh viễn trong khoảng chân không.

Một khám phá của Pioneer là biên giới của bầu khí quyển của mặt trời. Các nhà nghiên cứu đã nghĩ rằng bầu khí quyển này chấm dứt gần quỹ đạo của Thổ tinh nhưng thật sự nó trải rộng hơn trong không gian. Họ hy vọng rằng Pioneer sẽ khám phá ra hành tinh thứ mười trong thái dương hệ, và nguyên nhân của sự đi trệch quỹ đạo của Uranus và Thủy Tinh (Neptune).

Các nhà khoa học sẽ phải kiên nhẫn chờ đợi những tin tức từ Pioneer gởi về trái đất bởi vì với khoảng cách bây giờ, những tín hiệu phải mất khoảng 4 giờ 20 phút để đến địa cầu. Trong tương lai khoảng cách giữa Pioneer và địa cầu sẽ xa hơn nữa.. ●

Nguyễn Thái Hòa

XIN LƯU Ý

Trong mục đích thông tin và kết thân giữa các cộng đồng sinh viên Việt tại hải ngoại, Xác Định mong muốn được đặt liên hệ với tất cả tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san, tam cá nguyệt san, đặc san, bản tin và giai phẩm — chuyên nghiệp hoặc bán chuyên nghiệp — do các anh chị thanh niên sinh viên , học sinh chủ trương.

Xin quý anh chị vui lòng liên lạc về địa chỉ dưới đây:

XÁC ĐỊNH / HỘP THƯ LIÊN LẠC
P.O Box 4087
Arlington, Va. 2204

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG

TẠP CHÍ XÁC ĐỊNH !

TẠP CHÍ XÁC ĐỊNH
Giá Biểu Quảng Cáo
(Trên mỗi số)

Nguyên 1 trang	$125
Nửa trang	75
Một phần ba trang	50
Một phần tư trang	30
Nhắn tin tìm thân nhân	miễn phí

ĐẶNG QUẢNG CÁO TRÊN XÁC ĐỊNH LÀ QUÝ VỊ GÓP PHẦN NUÔI DƯỠNG SỰ TỒN TẠI CỦA DIỄN ĐÀN THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT TỴ NẠN.

THỜI SỰ THẾ GIỚI TÓM LƯỢC • *Lý Văn Anh*
TIN CỘNG ĐỒNG THANH NIÊN SINH VIÊN •
NGHỆ THUẬT: NGUYỄN HÀ PHI THẠCH, MỘT NGÔI SAO SÁNG TRONG LÀNG ĐIÊU KHẮC • *Nguyễn Hân*
PHÓNG SỰ: SINH VIÊN UTA, TEXAS, SÔI ĐỘNG TRƯỚC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ VÀ NHÀ TRƯỜNG • *Nguyễn Dũng*
THƯ TÍN VÀ NHẬN TIN •
NHẠC: TUỔI TRẺ CHÚNG TA • *Châu Đình An*

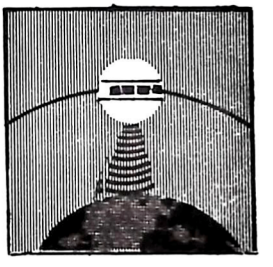

⊕PHẦN TIN TỨC

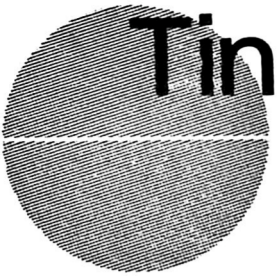

Tin Tóm Lược

● ÂU CHÂU

GIÁO HOÀNG VỀ BA LAN

Chuyến trở về Ba Lan của Đức Giáo Hoàng đặt ra cho tập đoàn cộng sản dưới quyền tướng Jaruxelski một bài toán căn não. Jaruzelski muốn nhân chuyến đi của Giáo Hoàng để nâng cao uy tín của Ba Lan. Tuy nhiên vấn đề không đơn giản như vậy. Đi đến đâu, Giáo Hoàng cũng ngụ ý cho dân Ba Lan hiểu rằng ông thông cảm với ước vọng tự do của nhân dân Ba Lan kể từ ngày thành lập Công Đoàn Đoàn Kết. Hơn thế, hàng triệu người đã đến với Giáo Hoàng trong niềm vui sướng, trong hi vọng tột cùng và nhiều khi cả trong thái độ chống lại tập đoàn cai trị. Vì thế, sau khi Giáo Hoàng trở về La Mã, Jazuzelski sẽ có ba sự lựa chọn: 1) phản ứng lại Giáo Hoàng và nhân dân Ba Lan để lấy lòng Nga Sô; 2) tương nhượng với giáo hội và nhân dân để lấy sự trợ giúp của khối Tây phương; 3) không làm gì cả và coi như Giáo Hoàng không hề đến Ba Lan. Một nhà phân tích của bộ ngoại giao tuyên bố: "Giáo Hoàng đã có thể châm ngòi nổ chậm tại Ba Lan rồi".

Khi Giáo Hoàng chuẩn bị trở về Roma, tổng thống Reagan gởi tập đoàn Jaruzelski một điện văn trình bày những gì Hoa Kỳ mong đợi từ chuyến viếng thăm của Giáo Hoàng. Phát biểu với một nhóm người Mỹ gốc Ba Lan tại Chicago, trong đó thấy phất phới cờ xí của Công đoàn Tự Do, Reagan mô tả chuyến trở về của Giáo Hoàng là một "luồng hi vọng cho nhân dân Ba Lan"; ông ta còn nói thêm:"Tôi mong rằng những người đang nắm chính quyền Ba Lan . . . chứng tỏ thiện chí làm hòa với nhân dân Ba Lan". Trong khi đó Nga Sô và khối Warsaw giữ im lặng. Phong trào đòi tự do khởi nguồn từ Ba Lan đang lan dần. Tại hội nghị hòa bình tổ chức bởi tập đoàn cộng sản Tiệp

Khắc tại Prague, 300 thanh niên đã xuống đường đến Wenceslao Square và hô khẩu hiệu: "Chúng tôi muốn có hòa bình! Chúng tôi muốn có tự do!"



Nhân Dân Ba Lan ủng hộ Công Đoàn Đoàn Kết

PHÁP ĐI TÀU

Vào đầu tháng 5, Tổng thống Pháp François Mitterand đã mở cuộc công du 5 ngày tại Bắc Kinh với mục đích thắt chặt quan h thương mại giữa hai nước. Các vấn đề sau đây đã được thảo luận: hợ tác kỹ thuật trên lãnh vực truyền thông, vận tải, nông nghiệp, nguyên tử năng -- với dự án thiết lập nhà máy nguyên tử tại Quảng Đông -- chiến đấu cơ Mirage 2000, vấn đề Kampuchea.

KHỐI WARSAW HỌP VỀ VŨ KHÍ HẠCH TÂM

Ngày 28-6, khối các nước cộng sản Đông Âu đã họp thượng đỉnh để bàn về vấn đề khối NATO cho đặt các giàn hỏa tiễn liên lục địa tại Âu Châu vào tháng 12 sắp đến.

Được biết trong buổi họp này các nước Đông Âu đã không tán thành đề nghị của Nga Sô là phản ứng một cách cụ thể về việc khối NATO sẽ thiết đặt các giàn hỏa tiễn hạch tâm hạng trung.

Các nước trong khối Warsaw là Nga Sô, Hung Gia Lợi, Bảo Gia Lợi, Tiệp Khắc, Đông Đức, Lỗ Ma Ni và Ba Lan.

SINH VIÊN PHÁP XUỐNG ĐƯỜNG

Hàng chục ngàn sinh viên Pháp tại Lyons, Montpellier và Paris đã rầm rộ xuống đường chống đối việc cải tổ chương trình giáo dục mới đây được đề ra bởi bộ trưởng giáo dục Alain Savary. Sinh viên từ rất nhiều phân khoa khác nhau như y, dược, nha, văn chương, nghệ

thuật đều tham gia biểu tình và lại hứa hẹn sẽ còn biểu tình dài dài.

Được biết nội dung việc cải tổ là nhằm cắt giảm một số ngành học liên quan đến văn chương, nghệ thuật, và đặt định những điều luật gắt gao hơn nhằm giảm thiểu số sinh viên vào đại học mà khuyến khích các chương trình học ở mức độ cán sự.

Đằng sau vẻ ồn ào làm liên tưởng đến thời kỳ sinh viên tổng nổi dậy chống đối De Gaulle năm 1968, lần này lực lượng thợ thuyền nghiệp đoàn hãy còn đứng ngoài cuộc.

● MỸ CHÂU

NICARAGUA KHÁNG CỘNG

Sau 4 năm sống dưới chế độ thiên tả Sandinista, nhân dân Nicaragua ngày càng bất mãn tập đoàn thống trị và các lực lượng kháng cộng ngày càng lớn mạnh. Hiện có 3 lực lượng chính:

— Lực lượng của Eden Pastora đặt căn cứ tại phía Bắc Costa Rica. Pastora là một khuôn mặt sáng trong cuộc nổi dậy của Sandinista nhằm lật đổ độc tài Somoza năm 1979, nhưng sau tách ra và chống lại sự lệ thuộc vào Cuba và Nga của Sandinista.

— Lực lượng thổ dân Miskito đặt căn cứ tại phía nam Honduras.

— Lực lượng dân chủ Nicaragua (FDN) cũng đặt căn cứ tại phía nam Honduras gồm phần đông binh sĩ đã phục vụ dưới quyền Somoza.

Chính quyền Hoa Kỳ đã bí mật tiếp trợ cho các lực lượng kháng chiến này trước là để chống lại ảnh hưởng cộng sản đương nhiệm và sau là để cắt đứt đường tiếp vận từ Cuba đến El Salvador qua ngã Nicaragua.

HỘI NGHỊ THƯỢNG ĐỈNH CÁC CƯỜNG QUỐC TÂY PHƯƠNG

Vào cuối tháng 5, bảy nhà lãnh đạo các cường quốc kỹ nghệ đã họp thượng đỉnh tại quận Williamsburg, bắc Virginia. Đây là hội nghị thượng đỉnh kinh tế lần thứ 9, lần này khá hơn hai lần trước ở Ottawa 1981 và Versailles 1982 vì xảy ra vào lúc sự phục hồi kinh tế ở các nước kỹ nghệ đang bắt đầu.

Hội nghị kết thúc bằng một bản công bố "Williamsburg Declaration" mà nội dung xoay quanh 2 điểm chính:

1) Gia tăng sự hợp tác, tham khảo giữa các cường quốc kinh tế mỗi ngày một chặt chẽ hơn trong các chính sách kinh tế, kể cả chính sách ngoại thương.

2) Kêu gọi Nga Sô phải tích cực và cụ thể hơn trong các cuộc thảo luận nhằm cắt giảm các loại hỏa tiễn nguyên tử ở Âu châu và nói thêm rằng nếu Hoa Kỳ và Nga Sô thất bại trong việc thỏa thuận giảm trừ vũ khí nguyên tử thì các nước liên hệ sẽ tiến hành việc bố trí hệ

thống hỏa tiễn nguyên tử như dự định.

Được biết tham dự hội nghị thượng đỉnh gồm có tổng thống Hoa Kỳ Ronald Reagan, thủ tướng Tây Đức Helmut Kohl, thủ tướng Nhật Yashuhiro Nakasone, tổng thống Pháp François Mitterand, thủ tướng Anh Magaret Thatcher, thủ tướng Gia Nã Đại Pierre Trudeau và thủ tướng Y Amintore Fanfani.

● TRUNG ĐÔNG

PLO PHÂN HÓA TRẦM TRỌNG

Tổ chức Giải phóng Palestine, kể từ khi căn cứ địa chính yếu ở miền nam Lebanon bị Do Thái đánh bật gốc, đã trải qua những thời kỳ khủng hoảng trầm trọng liên quan đến sự sống còn của cả tổ chức, đặc biệt là mới đây với cuộc nổi loạn chống Arafat, lãnh tụ của toàn tổ chức PLO.

Một nhóm bộ hạ của Arafat đóng tại Lebanon đã công khai chống lại sự lãnh đạo của ông ta từ tháng 5 với lý do Arafat đã trở thành "ôn hòa" quá, chỉ muốn rút quân khỏi Lebanon để điều đình với Mỹ và Do Thái.

Người cầm đầu cuộc nổi loạn là Abu Akram, một trong 74 người lãnh đạo của hội đồng cách mạng PLO và là người cầm quân PLO tại Lebanon đã công bố một bản văn chống Arafat và đọc tên 28 nhân vật lãnh đạo cùng theo ông ta. Lực lượng chống Arafat đã củng cố địa cứ tại thung lũng Bekaa, giáp ranh giữa Lebanon và Syria, và tiến đến thành phố Baalbek, căn cứ quan trọng cuối cùng của Arafat ở miền trung Lebanon.

Mới đây, 30-6, ngoại trưởng Shultz của Hoa Kỳ tuyên bố trước một số ký giả tại Ấn Độ nhân chuyến viếng thăm Ấn của ông ta rằng "cuộc nổi loạn này có thể sẽ đưa PLO xuống dưới quyền ảnh hưởng và chi phối của Syria".

DO THÁI BẮN VỆ TINH

Mới đây, cơ quan không gian Do Thái đã ký kết một hiệp ước hỗ tương với cơ quan NASA của Hoa Kỳ mà sự thể hiện cụ thể là phóng một vệ tinh truyền thông nhân tạo vào quỹ đạo trái đất hoạt động tại vùng Trung Đông. Được biết, phí tổn của dự án này lên đến 250 triệu Mỹ kim và trong ngôn ngữ của bang giao quốc tế, truyền thông còn có nghĩa là tình báo.

● Á CHÂU

QUỐC HẬN THÀNH QUỐC KHÁNG

Biến ngày quốc hận thành ngày quốc kháng, kháng chiến quân

A Phú Hãn đã mở hàng loạt đợt tấn công tại thủ đô Kabul vào những ngày cuối tháng 4 năm 1983 khi Nga Sô và chính quyền tay sai bản xứ tổ chức ngày lễ kỷ niệm 5 năm Nga Sô chiếm cứ A Phú Hãn.

Mặc dù Nga Sô đã tăng cường 3000 quân để kiểm soát thủ đô trong những ngày lễ, nhiều sĩ quan Nga và quân bù nhìn bản xứ bị ám sát, hai cư xá dành cho sĩ quan Nga bị đặt bom, 6 trạm biến điện dẫn về Kabul cũng các hệ thống truyền hình và truyền thanh bị cắt đứt.

Được biết, trong 5 năm qua, kháng chiến quân đã làm tê liệt 14% các phương tiện chuyển vận quốc doanh, vô hiệu hóa 75% hệ thống truyền thông và điện lực, gây tổn hại đến 300 triệu Mỹ kim.

LẠI HIỆP ĐỊNH GENÈVE

Tổng thống Pakistan, Muhammed Zia Ul Haq, mới đây trong một cuộc phỏng vấn đài truyền hình số 4 Anh quốc đã đánh tiếng cho biết Nga Sô sẵn sàng rút quân khỏi A Phú Hãn nếu có một hội nghị được tổ chức tại Genève giữa chính phủ Pakistan, chính phủ Nga và chính phủ "tay sai bản xứ" A Phú Hãn. Quả lại là mưu gian của Nga đi đêm với Pakistan để hợp thức hóa sự cai trị của tập đoàn tay sai bản xứ, đồng thời gạt ra ngoài các lực lượng kháng chiến A Phú Hãn.

Liên Hiệp Quốc, qua sự điều hợp của Diego Cordovez, bảo trợ ý kiến trên tuy nhiên có sự hiện diện của các lực lượng kháng chiến. Cho đến cuối tháng 6, cuộc hội đàm vẫn chưa đạt kết quả cụ thể vì 2 lý do chính: 1) Nga Sô phải rút quân là điều kiện tiên quyết; 2) Các lực lượng kháng chiến hãy còn quá rời rạc.

TRUNG CỘNG LÀM THÂN ĐÔNG ÂU

Lần đầu tiên trong 20 năm, tổng bí thư đảng cộng sản Trung Hoa Hồ Diệu Bang cùng thứ trưởng ngoại giao kiêm trưởng đoàn thương thuyết bang giao Nga-Hoa Qian Qichen đã mở chuyến công du tại Lỗ Ma Ni và Nam Tư.

Lỗ Ma Ni là quốc gia Đông Âu duy nhất vẫn giữ bang giao với Bắc Kinh kể từ năm 1960 khi có xung đột Nga-Hoa. Nam Tư, một quốc gia sáng lập viên phong trào phi liên kết đã tái thiết đặt bang giao với Trung Cộng từ năm 1978. Qian sẽ tiếp tục đi Hung Gia Lợi, Ba Lan và Đông Đức.

● ĐÔNG NAM Á & VIỆT NAM

MỘT GIẢI PHÁP CHO KAMPUCHEA ?

Tổng thống chính phủ liên hiệp kháng chiến Cam Bốt, ông Sihanouk từ nơi tạm cư ở Bắc Kinh, mới đây vừa đưa ra lời kêu gọi quan trọng có liên quan đến tình hình Cam Bốt nói riêng và Đông Dương nói chung gồm 2 điểm chính: 1) Sihanouk đe dọa từ chức vai trò lãnh đạo chính phủ liên hiệp kháng chiến Cam Bốt nếu

những cuộc đấu tranh nội bộ không sớm chấm dứt; 2) Sihanouk kêu gọi mở hội nghị quốc tế bàn về Cam Bốt có mời cả Hà Nội và rất có thể là sẽ đưa đến một chính phủ liên hiệp 4 bên, tức là gồm liên hiệp kháng chiến 3 bên (Sihanouk, Son Sann, Pol Pot) cùng nhà cầm quyền bù nhìn Heng Samrin hiện nay do Hà Nội đặt lên ở Nam Vang.

HÀ NỘI RÚT QUÂN KHỎI KAMPUCHEA ?

Đây là lần thứ 6 Hà Nội tuyên bố rút quân khỏi Kampuchea. Trong buổi lễ tiễn đưa được tổ chức rầm rộ, đại sứ CSVN tại Cam Bốt Ngô Diễn tuyên bố Hà Nội sẽ rút 10.000 quân về nước -- nghĩa là gần 1 sư đoàn, 6 lữ đoàn và 1 trung đoàn độc lập. Giả dụ như số quân rút đi như trên có thật thì Hà Nội vẫn còn 150.000 quân tại Cam Bốt; vẫn đủ sức đô hộ nước này.

Hoa Kỳ đã tỏ thái độ nghi ngờ "thiện chí" của Hà Nội. Trung Cộng và Liên hiệp Kampuchea lên án Hà Nội mượn việc thay quân thường lệ mà thổi phồng lên để lừa bịp dư luận thế giới.

KHÁNG CHIẾN LÀO CHỊU CHƠI VỚI TRUNG CỘNG

Theo nguồn tin của giới ngoại giao Tây phương, Trung Cộng đã bí mật ủng hộ một nhóm kháng chiến Lào để chống lại nhà cầm quyền tay sai của Hà Nội ở Vientiane. Quân số của Hà Nội đóng giữ tại Lào từ năm 1975 đã lên đến 45.000.

Được biết hiện nay Trung Cộng đang duy trì trung tâm huấn luyện kháng chiến chống cộng sản Việt tại bên ngoài thủ phủ Côn Minh của tỉnh Vân Nam. Một dọc 8 trại huấn luyện du kích được đóng từ Mengla đến Menghai, khoảng vài dặm bên trong vùng biên giới Lào.

Nguồn tin trên cũng cho biết trong những nhóm chống nhà cầm quyền tay sai hiện nay có thành phần Lào Cộng, tuy nhiên đa số kháng chiến quân Lào là thuộc bộ tộc thiểu số Hmong (quân số vài ngàn) mà trước đây đã có lúc được Hoa Kỳ giúp đỡ.

CỘNG SẢN HÀ NỘI BỊ CÔ LẬP

Tiếp theo Úc, mới đây Nhật quyết định không tái viện trợ cho Hà Nội.

Trong chuyến công du các nước Đông Nam Á, thủ tướng Nakasone tuyên bố là Nhật sẽ chỉ viện trợ tái thiết Việt Nam khi nào Hà Nội chấp thuận giải pháp của khối ASEAN về vấn đề Cam Bốt. Ngoài ra, nhân chuyến viếng thăm Trung Cộng tại Bắc Kinh, tổng thống Pháp Mitterand tuyên bố là Pháp không công nhận chính quyền dựng nên bởi quân đội xâm lăng Cam Bốt. Hơn thế, ông còn kêu gọi quân xâm lăng hãy rút khỏi Cam Bốt để một cuộc tuyển cử tự do dưới sự giám sát của quốc tế sẽ được tổ chức để mang lại hòa bình và dân chủ cho nước này. ●

Lý-Văn-Anh

Tin Cộng Đồng Thanh Niên Sinh Viên

● ĐỒNG MỸ

30-4 TẠI HOA THỊNH ĐỐN

Nhân ngày 30-4 năm nay, hơn 2.000 đồng bào đã xuống đường tuần hành tại Washington, D.C. để lên án CSVN và kêu gọi cộng đồng thế giới ủng hộ nỗ lực kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

30-4 TẠI NỮU ƯỚC

Sáng ngày 30-4, đồng bào Việt Nam ở Nữu Ước cũng như ở các tiểu bang lân cận đã tề tựu tại công trường Dag Hammariskjotd Plaza bên cạnh tòa nhà Liên Hiệp Quốc để đồng lòng biểu dương ý chí phấn đấu chống Cộng. Sau phần diễn hành qua tòa nhà Liên Hiệp Quốc, đoàn người đã dừng lại một công viên trước mặt trụ sở LHQ để nghe ban tổ chức đọc bản thỉnh nguyện thư gửi Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc. Trước khi bế mạc, đồng bào đã đồng thanh hô to: "Mai này chúng ta cùng về Việt Nam để đánh đuổi bọn cộng sản".

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM MỞ VĂN PHÒNG CỐ VẤN

Hội Luật gia Việt Nam tại Hoa Thịnh Đốn thông báo mở văn phòng cố vấn cho người tị nạn, trụ sở đặt tại Trung Tâm Cộng Đồng Đông Dương số 1628, 16th St. NW., Washington, D.C. 20009. Trong giai đoạn đầu kể từ ngày 11-6-83, văn phòng chỉ cố vấn vào cuối tuần; ngoài ra xin liên lạc Hội Luật Gia số (703) 698-5535.

"NGÀY NHỚ ƠN THẦY" TẠI HOA THỊNH ĐỐN

Hội Phụ Huynh Học Sinh Việt Nam đã đứng ra tổ chức "ngày

nhớ ơn thầy" tại quận học chánh Arlington, Bắc Virginia vào chiều ngày 10-6-83. Trong dịp này, đại diện học sinh Việt Nam đã đọc lời nhớ ơn thầy cô. Phần cuối của chương trình là phần phát thưởng cho học sinh Việt Nam ưu tú. Đã có rất đông viên chức giáo dục và giáo chức Việt Mỹ đến tham dự.

HỘI GIÁO DỤC VIỆT NAM KHAI GIẢNG LỚP HÈ

Lúc 7 giờ tối thứ hai, 20-6-83, Hội Giáo Dục Trẻ Em Việt Nam đã khai giảng 10 lớp dạy tiếng Việt và toán từ lớp 1 đến lớp 12. Có trên 300 học sinh ghi tên theo học dưới sự giảng dạy của 40 nam nữ giáo chức. Các lớp học được mở tại trường trung học Kenmore thuộc quận Arlington. Đây là năm thứ 6 các lớp dạy tiếng Việt được mở ra tại vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn.

(C.B.Anh)

ỦY BAN ĐẶC TRÁCH VẤN ĐỀ CỦA NGƯỜI VIỆT LÊN TIẾNG VỚI ĐÀI ABC

Tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn, Ủy Ban Đặc Trách Vấn Đề Người Việt sau hai phiên họp tổ chức trong hai ngày 26 và 27-6-83 để nghiên cứu và thảo luận về nội dung phóng sự "Vietnamese Mafia" do đài truyền hình ABC phát hình trong chương trình 20/20 tối thứ năm 23-6-83, Ủy Ban đã quyết định gửi một văn thư chính thức cho đài ABC để bày tỏ quan điểm và yêu cầu Ban Giám Đốc đài này cho phổ biến nội dung văn thư của Ủy Ban trong trình 20/20 phát hình gần nhất.

Với tư cách một tổ chức kết hợp một số người hoạt động về cộng đồng trong cộng đồng Việt tại hải ngoại, Ủy Ban nhận định rằng nội dung chương trình truyền hình này đã gây nên những ngộ nhận trong khán thính giả Hoa Kỳ và có thể ít nhiều ảnh hưởng đến việc cứu xét gia hạn luật tỵ nạn 1980 và ấn định con số người tỵ nạn nhận vào Hoa Kỳ tài khóa 1984. Ủy Ban cho rằng những trường hợp phạm pháp được phóng viên Tom Kerry viện dẫn tương tự những hành động xảy ra trong bất cứ cộng đồng nào, không kể là "Vietnamese crime." Ủy Ban cũng lưu ý đài ABC đừng quên những thành quả tốt đẹp trong các lãnh vực kinh tế, giáo dục, xã hội... mà cộng đồng người Việt đã đóng góp vào xứ sở này trong tám năm qua.

(CB Anh)

ĐIỀU TRẦN VỀ TỴ NẠN Ở QUỐC HỘI

Hoa Thịnh Đốn (CB Anh). Tiểu ban Di Dân và Tỵ Nạn Hạ Viện ngày 9-6-83 và Ủy Ban Tư Pháp định chế Thượng Viện ngày 20-6-83 đã mở các cuộc họp khoáng đại để các cơ quan đến điều

trần về vấn đề tỵ nạn, trước khi quốc hội có những quyết định chung quyết.

Văn phòng Định Cư Trung Ương ORR đề nghị tái gia hạn luật tỵ nạn thêm 3 năm thay vì 1 năm như trước. Văn phòng đại sứ Douglass thuộc bộ ngoại giao đề nghị thâu nhận tổng cộng 72,000 người tỵ nạn trong tài khóa 1984 thay vì 98,000 như năm trước. Theo đó thì số người Đông Dương giảm xuống còn 46,000. Năm 1983, người tỵ nạn Đông Dương được chấp thuận trên lý thuyết là 64,000 được vào Mỹ.

Con số 46,000 là đề nghị của bộ ngoại giao, quốc hội sẽ quyết định số người tỵ nạn được chính thức nhận vào Hoa Kỳ trong tài khóa 1984, con số nầy thường bằng hay ít hơn số do chính phủ đề nghị.

HỌC SINH VIỆT NAM ĐOẠT GIẢI VĂN CHƯƠNG TOÀN QUỐC

Hai học sinh Việt Nam đã chiếm giải nhất và giải ba trong cuộc thi viết Toàn quốc do Hội Giáo Dục Song Ngữ (NABE = National Association of Bilingual Education) tổ chức. Bài luận giải nhất được đọc trước 2,000 người tham dự hội nghị Toàn quốc lần thứ 12 về giáo dục song ngữ hồi trung tuần tháng 2 ở Hoa Thịnh Đốn và đã gây xúc động cho toàn hội nghị.

ĐẠI HỘI LIÊN HIỆP TẠI HOA THỊNH ĐỐN

Chiếu theo quyết định của Đại hội Đoàn kết Người Việt Quốc Gia tổ chức trong hai ngày 4 và 5 tháng 12-1982, Ủy Ban liên lạc và phối hợp người Việt Quốc Gia đã tổ chức Đại Hội Liên Hiệp Người Việt Quốc Gia trong ba ngày 11-6 đến 13-6-83.

PHẬT GIÁO HÒA HẢO KỶ NIỆM NĂM THỨ 44 NGÀY KHAI ĐẠO

Phật giáo Hòa Hảo, đặt trên nền tảng triết lý Phật Giáo và giáo lý Tứ Ân, là một tổ chức thành lập năm 1939 tại xã Hòa Hảo, Việt Nam với tổng số tín đồ khoảng trên 2 triệu người được tổ chức thành hàng ngũ đồng nhất tại các tỉnh miền Châu Thổ sông Cửu Long. Đã có khoảng trên 100,000 tín đồ PGHH hy sinh trong quá trình tranh đấu từ năm 1945 đến nay.

Ngày 18-5 âm lịch Kỷ Mão, các tín đồ PGHH ở hải ngoại đều cử hành lễ kỷ niệm ngày khai đạo năm thứ 44. Tại California, buổi lễ được tổ chức vào ngày 26-6-83 tại Edison Community Huntington Beach, CA; và tại vùng Hoa Thịnh Đốn, buổi lễ được tổ chức vào ngày 2-7-83 tại hội trường Blair High School, Silver Spring, Maryland.

SINH VIÊN BẮC VIRGINIA THAM DỰ NGÀY QUỐC TẾ

Ngày 15-4 vừa qua được chọn làm ngày International Day cho

trường Đại học Cộng Đồng Bắc Virginia. Alexandria Campus. Đây là dịp cho các sinh viên thuộc nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới phô trương những đặc tính của dân tộc mình. Các loại quốc phục, những bản dân ca, các màn vũ dân tộc và những tiết mục độc đáo nhất đều được mang ra trình diễn. Hội SVVN tại trường đã tham gia Ngày Quốc Tế với những bài dân ca, những tà áo dài và cây đàn tranh độc đáo của quê hương, đã được nhiệt liệt tán thưởng bằng những tràng pháo tay không ngớt. Sự thành công hôm ấy đã gây cảm tình đặc biệt cho SVVN đồng thời thổi vào hội một sinh khí sinh hoạt hết sức phấn khởi.

SINH VIÊN BẮC VIRGINIA SINH HOẠT TRẠI

Ngày 17-6, nhân dịp bãi khóa học mùa xuân, SVVN đại học cộng đồng bắc Virginia đã tổ chức ngày sinh hoạt trại tại Great Fall, VA từ 9 giờ sáng đến 5 giờ chiều. Với hơn 80 anh chị em sinh viên hoạt náo với những trò chơi sinh hoạt, trò chơi lớn, những bài ca cộng đồng, những lúc tâm sự cùng nhau, thời gian vụt qua như "bóng câu qua song cửa". Phút tạm biệt, mọi người đã nắm tay nhau cùng hát "... đường dài sông núi hẹn mai ta sum vầy".

(Nguyễn thái Hòa ghi thuật)

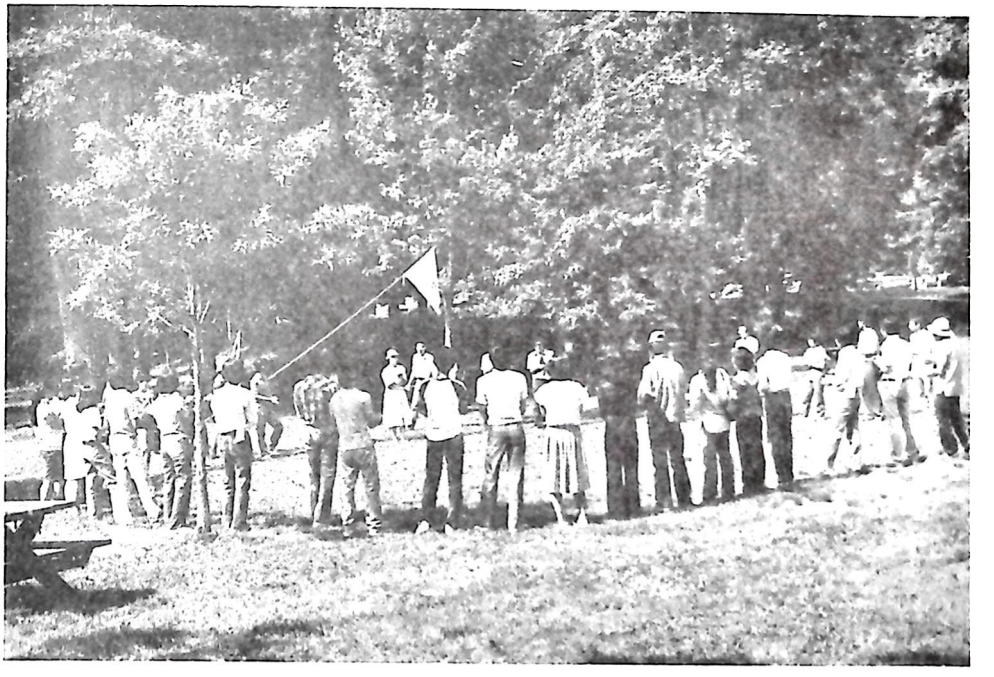

CỤ HOÀNG VĂN CHÍ THUYẾT GIẢNG VĂN HÓA

Mùa thu năm 1982, cụ Hoàng Văn Chí đã thuyết giảng phần thứ nhất của chương trình văn hóa với đại đề: "Văn hóa Việt Nam và văn hóa Á Đông trong khuôn khổ văn hóa nhân loại".

Mùa hè năm nay, cụ Chí thuyết trình phần hai của chương trình văn hóa với đại đề: "Ảnh hưởng của Văn hóa đối với sự thăng trầm của các quốc gia, dân tộc cổ kim và Đông Tây". Chương trình sẽ đề cập đến một số đề tài như: Tại sao Trung Quốc và Việt Nam suy yếu dần? Từ hồi nào? Và tại sao gần đây trở thành mồi ngon cho cộng sản? Tại sao một số dân tộc nghèo nàn và đói rách như Ấn Độ lại không bị nạn cộng sản? Tại sao ở Á Đông chỉ có Nhật trở thành hùng cường? Tại sao cựu Ai Cập, đế quốc Kmer và đế quốc La mã lần lượt sụp đổ và liệu chừng Hoa Kỳ có tránh khỏi nạn ấy không? Tại sao Âu Châu thoát khỏi thời kỳ đen tối, có phong trào Trung Hưng văn hóa, phát triển khoa học kỹ thuật trong khi Á Rập lại bước từ thời kỳ văn minh sáng lạn vào thời kỳ đen tối? Tại sao cộng sản đương phát triển tại Trung Mỹ?

Được biết cụ Hoàng văn Chí là một học giả về văn hóa học mà một trong những công trình của cụ là nghiên cứu và lập thuyết tiến hóa văn hóa (đơn tuyến, đa tuyến, chu kỳ) ảnh hưởng đến sự biến chuyển tâm lý xã hội, chính trị, kinh tế để giải thích lịch sử, giải thích sự thăng trầm của các quốc gia dân tộc.

Mọi chi tiết xin liên lạc : Việt Club (301) 587-0564
914 Thayer Ave,
Silver Spring, MD. 20910

● TRUNG - MỸ

VIỆT NAM THAM DỰ ĐẠI HỘI VĂN HÓA QUỐC TẾ KỲ IV

Đại hội văn hóa Quốc tế kỳ IV năm nay được cử hành trọng thể dưới sự tổ chức của chính quyền địa phương, phòng Thương Mại và dưới sự bảo trợ của Central Bussiness Association tại thành phố Dallas với chủ đề "Dallas chào mừng thế giới". Sự hiện diện và tham dự của phái đoàn Việt Nam trong đại hội nầy mang một ý nghĩa đặc biệt, đúng tám năm kể từ khi đất nước bị cưỡng chiếm bởi cộng sản, đây là lần đầu tiên quốc kỳ và quốc ca Việt Nam Cộng hòa được hiện diện trong một đại hội Quốc Tế và được chào bởi 30 phái đoàn các Sứ Quán và chính quyền địa phương.

TRẠI HÈ GẶP GỠ CỦA HƯỚNG ĐẠO VIỆT NAM

Ngày 14 và 15-5 vừa qua, Kha đoàn Lạc Long thuộc Durant-Oklahoma đã tổ chức một trại hè Nối Vòng Tay Lớn với các đoàn

thể thanh niên sinh viên thân hữu trong vùng khoảng 60 bạn trẻ thuộc các đại học tại Dallas-Arlington (UTA), đại học Durant-Oklahoma (SOSU), kha đoàn Quang Trung (Oklahoma City), đoàn văn nghệ Kháng Chiến của Oklahoma và Dallas đã kéo về đất trại Grayson, vùng đồng hoang Denison nơi biên giới của tiểu bang Texas và Oklahoma.

Hai ngày trại đã diễn ra thật kham khổ, đầy thử thách vì những cơn mưa bão ào ạt phủ chụp không dứt hạt. Mặc dù một số anh chị em sinh viên đã tháo lui và bỏ cuộc, nhưng đa số trại vẫn giữ vững tinh thần để tiếp tục cuộc thám du vùng sông hồ bát ngát dưới cơn giông bão lạnh buốt. Cuối cùng là đêm lửa trại đúng theo truyền thống hướng đạo, gọi lửa thiêng về bập bùng trong đêm khuya, cùng hát ngợi khen núi rừng và đời sống man dã oai hùng của dân da đỏ.

Trại hè đã bế mạc sau hai ngày thi thố với thiên nhiên. Cuộc trại được mô tả là thành công. Các anh em hướng đạo sinh đã cho các bạn trẻ một cơ hội sống chịu đựng và thao vát giữa chốn thiên nhiên. Nhất là đã tạo một sự gặp gỡ đầy cảm thông giữa tuổi trẻ và tuổi trẻ để sửa soạn cho những ngày dấn thân cho Tổ quốc Việt Nam trong tương lai.

(Võ Tuấn ghi thuật)

HẢI NGOẠI BỘ VNQDĐ KỶ NIỆM YÊN BÁI NGÀY 17-6

Nguồn tin thân cận vị phó bí thư nội vụ Việt Nam Quốc Dân Đảng Hải ngoại bộ cho biết : nhân dịp kỷ niệm Yên Bái 17-6 năm nay, hải ngoại bộ VNQDĐ sẽ có một sinh hoạt đặc biệt tại Oklahoma City. Buổi sinh hoạt đặc biệt nầy sẽ diễn ra vào ngày cuối tuần 18-6-1983 trong ý nghĩa "tiếp nối cuộc cách mạng Dân Tộc do các tiền bối còn để lại" và quy tụ hầu hết các khuôn mặt cách mạng của VNQDĐ ở hải ngoại.

(Tin Việt Nam Hải Ngoại)

● TÂY MỸ

TRẠI HỌP BẠN TÂY BẮC KỲ 2-83

Theo truyền thống Trại Họp Bạn Tây Bắc kỳ 1 tại Washington mùa hè 1981, trại họp bạn Tây bắc kỳ 2 sẽ được tổ chức vào hạ tuần tháng 7 tại Scontere Mountain, 11300 SE. 147th Ave., Portland, OR. vào những ngày thứ bảy 23 và chủ nhật 24-7-83.

Được biết Trại Họp Bạn được tổ chức trong tinh thần:

— Phát huy tình đoàn kết giữa giới trẻ vùng Tây Bắc

— Tạo sinh hoạt lành mạnh có tính cách xây dựng cộng đồng

— Phối hợp tổ chức và trao đổi kinh nghiệm giữa các hội đoàn trẻ

— Duy trì truyền thống sinh hoạt hằng năm tại vùng Tây Bắc.

ĐÊM VĂN NGHỆ "VỀ NGUỒN"

Vào chiều tối ngày 17-4-83, hội SVVN tại Foothill College đã tổ chức buổi văn nghệ với chủ đề "Về Nguồn" với sự tham gia của hội SVVN tại De Anza College, ban nhạc BTVN, cùng một số nhạc sĩ và ca sĩ tài danh trong địa phương.

ĐÊM VĂN NGHỆ "HÁT CHO ĐỒNG BÀO TÔI"

Vào ngày 23-4-83 tại Auditorium Sacramento City College, liên hội SVVN tại Sacramento gồm hai trường California State University of Sacramento, Sacramento City College đã tổ chức một buổi văn nghệ với chủ đề "Hát cho đồng bào tôi". Buổi văn nghệ được thực hiện với mục đích quyên góp tiền để giúp đỡ đồng bào tị nạn tại Thái Lan.

TRÌNH DIỄN ÁO DÀI TẠI ĐẠI HỌC BERKELEY

Trong ngày lễ văn hóa nhân ngày "open house" của đại học Berkeley ngày 9-4-83, hội sinh viên Việt Nam đã tổ chức buổi trình diễn áo dài với những kiểu áo tứ cộ chí kim với mục đích giới thiệu phần văn hóa Việt đến với những người bản xứ.

30-4 TẠI BẮC CALIFORNIA

Trong ngày 30-4-83, dưới trời mưa tầm tả xối xuống công trường St. James thành phố San Josemiền bắc California, gần 3.000 đồng bào đã tụ tập biểu dương tinh đoàn kết và ý chí đấu tranh chống cộng sản Hà Nội. Tham dự biểu tình là đại diện các đoàn thể trong mọi lãnh vực sinh hoạt của cộng đồng Việt.

THANH NIÊN SINH VIÊN VÀ 30-4 TẠI BẮC CALIFORNIA

"Đi cho đồng bào tôi" là tên gọi cuộc đi bộ dài 80 dặm từ San Francisco về San Jose, địa điểm biểu tình ngày 30-4, do 5 sinh viên Việt khởi đi từ trưa ngày 28-4. Ngoài ra, một số thanh niên sinh viên khác đã tham dự ngay tuyệt thực 30-4 làm nghĩa cử biểu dương ý chí chống cộng.

"Thanh niên vùng dậy" là chủ đề đêm không ngủ được tổ chức từ chiều ngày 29-4 đến sáng ngày 30-4 với sự tham gia của 200 thanh niên sinh viên trong vùng. Chương trình đêm "thanh niên vùng dậy" gồm phần sinh hoạt ca các bài hùng ca dân tộc và phần hội thảo vào các đề tài "làm thế nào để khuyến khích thanh niên vào con đường hoạt động phát huy văn hóa và phụng sự xã hội", "vai trò của thanh niên trước vận mệnh của đất nước", và "thanh niên hiểu thế nào về hai chữ chính trị".

30-4 TẠI LOS ANGELES

30-4 năm nay đã được 14 hội đoàn đấu tranh miền Nam

California tổ chức trọng thể tại tiền đường tòa thị sảnh Los Angeles với hơn 600 đồng bào tham dự, dù trời đang mưa gió. Các đoàn thể đấu tranh của các quốc gia bạn cũng đã cử đại diện lên phát biểu cảm tưởng ủng hộ cuộc đấu tranh cao đẹp của nhân dân Việt Nam.

30-4 TẠI ĐẠI HỌC UC IRVINE

Tưởng niệm ngày 30-4, năm nay hội SVVN tại UCI, nhóm Về Nguồn (Long Beach) và nhóm thanh niên sinh viên Irvine đã cùng tổ chức đêm văn nghệ tại UCI Interfaith Center với khoảng 250 sinh viên tham dự. Sau phần văn nghệ là sinh hoạt của Đêm Không Ngủ. Khoảng 100 anh chị sinh viên đã quyết định ở lại sinh hoạt.

SAN JOSÉ THẮP NGỌN NẾN CHO QUÊ HƯƠNG

Nhân ngày 30-4, cộng đồng Công Giáo Việt Nam giáo phận San Jose đã tổ chức thánh lễ cầu cho quê hương và dân tộc tại nhà thờ Maria Goretti.

Tối hôm đó, tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, giới trẻ sinh hoạt với chủ đề "thắp một ngọn nến cho Quê Hương". Sau nghi thức thắp nến là phần hội thảo gồm hai đề tài: 1) làm thế nào để đáp lại sự trông đợi của Tổ Quốc và đồng bào ở quê nhà; 2) phải làm gì để xây dựng và phát triển cộng đồng Việt ở nước ngoài.

30-4 TẠI SAN DIEGO STATE UNIVERSITY

Ngày 8-5, hội sinh viên da vàng đã tổ chức lễ tưởng niệm ngày 30-4 tại đại học đường San Diego với chương trình gồm hai phần: 1) Văn nghệ "Hạt cho Quê Hương"; và 2) Thuyết trình do ký giả Dương Phục — Vũ Thanh đảm trách. Đông đảo đồng bào ở San Diego đến tham dự đã hưởng ứng nhiệt liệt.

ĐẠI HỘI LLQD VIỆT NAM TẠI SAN DIEGO

Nguồn tin thân cận Ban Chấp Hành Trung Ương Lực Lượng Quân Dân Việt Nam cho biết đại hội LLQD sẽ diễn ra vào tháng 7-83 tại thành phố San Diego, nam California.

(tin Việt Nam hải ngoại)

● GIA NÃ ĐẠI

30-4 TẠI MONTRÉAL, CANADA

Ngày 30-4 năm nay đã được tổ chức trọng thể tại Montreal do sự điều hợp của Ủy Ban Liên Hợp. Dù thời tiết xấu, đồng bào từ các vùng phụ cận như Ottawa, Quebee, Sherbrooke,... đã không quản ngại đường xa về Montreal để cùng biểu dương tinh thần đấu

tranh chống cộng. Các đoàn thể đấu tranh các quốc gia bạn như Solidarity (Balan), Anticastro (Cuba) và các bạn hữu Gia Nã Đại cũng đã đến tham dự thật đông đảo. Trong dịp này, một bản kiến nghị gởi đến Quốc hội và chính phủ Gia Nã Đại cũng đã được phân phối cho dân bản xứ.

(Tin Dân Quyền)

30-4 TẠI EDMONTON, CANADA

Vào chiều thứ bảy ngày 30-4-83, các đoàn thể tôn giáo, chính trị, xã hội, và các thân hào nhân sĩ và người Việt trong cộng đồng Edmonton đã đông tham dự một buổi hội thảo nhân ngày 30-4 với hai đề mục:

1) Một quan niệm đấu tranh

2) Vai trò và nhiệm vụ của thanh niên trong cuộc cách mạng phục quốc

Cũng trong buổi hội thảo này, ý thức được trọng trách quan yếu của thanh niên Việt trong giai đoạn hiện tại, các anh chị em thanh niên đã mạnh dạn đề nghị thành lập tổ chức "thanh niên chí nguyện" Hội nghị đã biểu quyết chấp thuận.

(Tin Dân Quyền)

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG :

DÂN QUYỀN

TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI VIỆT TRANH ĐẤU CHO DÂN QUYỀN

Boite Postale 415
Station Snowdon
Montreal P.Q. H3X 3T6
CANADA

ARTS



Photo by Harry Naltchayan—The Washington Post

Art and artist Thach Nguyen.

một ngôi sao sáng trong làng điêu khắc

Trong một bài báo đăng ở tờ Washington Post ngày 17-7-1983, ký giả Michael Kernan đã đề cao Nguyễn Thạch như một ngôi sao sáng về điêu khắc ở vùng Hoa Thịnh Đốn và vùng phụ cận. Anh Thạch, một cựu học sinh của một trường Trung Học Pháp tại Saigon, tốt nghiệp tại trường Nova về làm ảnh (Printmaking) và có bằng cao học về Fine Arts (MFA),trường George Washington University.

Anh Thạch rất có khiếu về tranh hiện thực và đặc biệt hơn nữa là ngành điêu khắc. Những điêu khắc phẩm đầu tiên của anh được trưng bày tại phòng triển lãm Dimock. Tác phẩm nổi tiếng nhất của anh phải kể là "Pteroxyle" hiện đang được trưng bày tại phòng triển lãm nghệ thuật. Đó là một miếng gỗ có hình cánh khá lớn với những đường cong mỏng và dịu dàng nhưng mang tính chất đầy hiện thực chứ không huyền ảo, siêu thực. Tác phẩm của anh còn mang tính chất "cứng thẳng" được diễn tả qua hình thức những sợi dây mỏng hay tơ lụa căng cứng, và nó caòn mang tính chất "hùng tráng" hay "vững chải" qua cái giá làm bằng một ống thép uốn khúc. Ngoài ra một số tác phẩm khác của anh như những cánh diều bằng lụa, những nét chữ rồng bay, những mầu da tượng hình, những nét họa trên gỗ hay khoai tây, và những kỹ thuật rửa ảnh đã được trưng bày tại công viên Rock Creek với biết bao nhiêu hâm mộ từ du khách cho tới dân chúng quanh vùng.●

Nam Hân



GHI CHÚ: TRẤM TƯỚNG, một bức minh hoa của Nguyễn Hà Phi Thach dành cho Xác-Định.

Phóng sự Texas :

SINH VIÊN TẠI U.T.A. TEXAS SÔI ĐỘNG TRƯỚC VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ VÀ NHÀ TRƯỜNG

Ghi chú của Tòa Soạn: Tập thể sinh viên Việt Nam tỵ nạn nên có thái độ chính trị, tưởng đã là một câu hỏi xưa như trái đất. Anh hay chị là sinh viên du học của Nam Việt Nam trước đây hay là sinh viên mới đến Hoa Kỳ kể từ sau biến cố mất nước vào 4-1975 cũng vẫn hẳy còn là một câu hỏi cũ rích ! Vấn đề là cái tình trạng luật pháp nào đã và đang cho phép chúng ta còn có mặt ở Mỹ và ở các quốc gia tự do, nếu không phải là cái tình trạng pháp luật mà nó đán nhận cho chúng ta thành "người tỵ nạn"?

Theo định nghĩa thông thường và định nghĩa chính trị, ít nhất nếu muốn xin trở thành cái loại tỵ nạn, thì anh hay chị phải bị một cái gì đó "khó sống" dưới cái chế độ nó đang cai trị nước của anh hay chị. Cái khó sống này nó có thể khiến cho anh hay chị bị vào tù ra khám như chơi, bị mất mạng dễ như trở bàn tay . . . Mà cái gì khiến cho ta vô tù ra khám, hay bị mất mạng một cách giản dị nếu không phải là vì cái chính kiến (ý kiến, quan điểm chính trị) của anh hay chị nó khác với cái chính kiến của nhà nước . . . hay còn được gọi là tập đoàn cai trị? Sự khác biệt trong chính kiến này nó lớn lao đến nổi cả hai phía đều không ưa nhau đến độ ngộp thở, và đến độ không thể "ngó mặt" nhau được !

Thế thì vấn đề trở nên thật rõ ràng. Kể từ sau tháng 4-1975 cho đến nay, ít nhất là áp dụng cho trường hợp những người Việt Nam hiện đang có mặt ở Hoa Kỳ, tất cả những người Việt chúng ta đều đang được xếp loại "tỵ nạn," chối bỏ nó hay có thừa nhận nó thì anh hay chị cũng vì lý do "chính trị" và cái mạng sống của chính mình mà phải tạm có mặt ở nước người. Chính trị tự nghĩa đâu phải là xấu. Trong quan niệm truyền thống của Đông Phương và Việt Nam thì chính trị là lấy cái điều chính, điều phải mà làm cho an dân, làm cho dân giàu nước mạnh.

Trong quan điểm vừa kể Xác Định xin đăng tải bản tin đặc biệt dưới đây về tình hình sinh viên Việt Nam tại đại học UTA, tiểu bang Texas. Là một diễn đàn thanh niên sinh viên Việt tỵ nạn nên Xác Định sẵn sàng chờ đăng tải sự lên tiếng của Ban Chấp Hành sinh viên UTA hoặc của bất cứ anh chị sinh viên nào biết về vấn đề nêu trong bản tin đặc biệt này.

I. GIỚI THIỆU: Viện Đại Học Texas tại Arlington (UTA) với trên 20.000 sinh viên tọa lạc giữa hai thành phố Dalls và Fort Worth. Đại học UTA được khai sinh vào năm 1985 với nhiều phân khoa nổi tiếng gồm kỹ thuật, thương mại, y tế v.v.

Sau năm 1975, biến cố mất Nam Việt Nam đã xua hàng trăm ngàn người Việt sang tị nạn Cộng sản tại Hoa Kỳ. Tại Dalls và Fort Worth là hai thành phố đang trong tình trạng phát triển bậc nhất, đã thu hút trên dưới 15.000 người Việt tị nạn đến sinh sống. Và Đại học UTA trong sớm chiều bỗng trần ngập những khuôn mặt của 250 sinh viên Việt Nam theo học tại đây.

II. NỘI VỤ: Trong suốt 8 năm qua, trước sự rên siết đau thương của đồng bào ta dưới ách thống trị của bọn độctài quê nhà, sinh viên Việt Nam khắp nơi trên thế giới đã lần lượt bầy tỏ thái độ chống cộng dứt khoát và đóng góp tích cực vào công cuộc đấu tranh Cứu Nước, một nhiệm vụ thiêng liêng, tối cần của tất cả những người Việt Nam đang tị nạn cộng sản tại hải ngoại. Thế nhưng, vì một vài luật lệ hay lý do bí ẩn nào đó, số đông sinh viên Việt tại Đại học UTA đã lựa chọn một thái độ im lặng với chủ trương "không lãm chính trị". Điểm này đã gây nên sự chia rẽ trầm trọng và xung khắc dữ dội trong thời gian vừa qua của hai nhóm: một bên muốn đặt vấn đề đòi khẳng định lập trường chính trị của giới sinh viên đối với cuộc đấu tranh chống cộng và một bên chủ trương "phi chính trị"...

Trước khi đi vào chi tiết của nội vụ, chúng ta hãy đi ngược lại dòng thời gian để quan sát tổng quát những sinh hoạt của hội Sinh viên Việt Nam tại Đại học UTA, những sinh hoạt mà hình như bao giờ cũng tránh né màu sắc chính trị. Anh Nguyễn Văn Hiếu, phó chủ tịch nội vụ đương thời, trong một cuộc nói chuyện đã trả lời người viết bài này như sau: ". . . hai sinh hoạt chính của sinh viên UTA là "party và Pinic"..."

Nhưng, vấn đề chính yếu trong sự khác biệt giữa hai nhóm sinh viên này phải chăng là điều luật thứ 6 của bản nội quy Sinh viên UTA, điều luật mà có thể ngăn cấm sinh viên Việt Nam tại UTA không được phép đi xa hơn những cuộc vui có khiêu vũ và những buổi Pinic? "Hội không dính líu vào chính trị và tôn giáo dưới mọi hình thức" (điều6). Bản nội quy ấy do ai làm nên? Điều luật 6 có ngụ ý gì khi ngăn cấm sinh viên có thái độ chính trị? Vì thế, vào năm 1981, khi nhóm sinh viên Iran chiếu phim Việt cộng thì ban chấp hành và một số sinh viên Việt Nam tại UTA chỉ phản ứng yếu ớt trong khi thành phần nghênh chiến chống lại bọn Iran thân cộng lại là đồng bào Việt Nam từ bên ngoài vào (?) Sự kiện này khiến gây thắc mắc và hồ nghi nơi cộng đồng Việt tị nạn đối với ban chấp hành Sinh viên Việt Nam của UTA.



Hình ảnh với phụ chú: Sinh viên UTA và đồng bào Việt Nam đang biểu tình chống buổi chiếu phim Việt cộng do sinh viên Iran tổ chức.

III. DIỄN TIẾN: Tháng năm 1982, nhân kỳ đại hội thể thao Liên trường kỳ 4 tại Texas được tổ chức tại đại học UTA. Ban chấp hành trường này, khi ấy do anh Nguyễn Đức Thắng làm chủ tịch, đã nhảy một bước xa hơn trong công cuộc cổ vỏ cái chiêu bài "phi chính trị" bằng cách tự ý thành lập một cái Tổng hội Sinh viên Việt Nam tại Texas với một bản nội quy mang cái luật lệ cổ hữu "Sinh viên không làm chính trị". Nhưng Nguyễn Đức Thắng đã không ngờ các thành viên thuộc các trường ban như Texas A & M, San Antonio, Texas Tech v.v. đã phản ứng mạnh và không chấp nhận cái chiêu bài "không làm chính trị" của Tổng hội Sinh viên Việt Nam tại Texas do đại học UTA sáng chế! Và đến khi bị chất vấn anh Nguyễn Đức Thắng đã ấp úng không giải thích nổi cái nội dung của cái điều luật ấy.

Ngày 17-6-1983, một nhóm sinh viên UTA với lập trường đấu tranh chống cộng rõ rệt đã triệu tập một phiên họp bất thường chất vấn anh chủ tịch tiếp theo của hội Sinh viên Việt Nam là anh Lê Minh Lợi để yêu cầu anh Lợi phải giải thích rõ ràng hành động của mình, cái hành động mà theo lời của anh chủ tịch Nguyễn Văn Hiếu, đã dùng danh từ "mờ ám" để diễn tả những việc làm của Lợi và những người có liên hệ với anh.

Anh Nguyễn Đỗ Phú, trưởng ban báo chí, đã cho biết rằng Sinh viên UTA suốt 8 năm nay chưa hề tổ chức được một ngày Quốc hận 30-4, năm nay anh cùng với một số người thiện chí tổ chức ngày Quốc hận cho sinh viên thì bị chủ tịch Lợi ngăn cản với lý do "Sinh viên không làm chính trị". Kế tiếp là một tấm hình Hồ Chí Minh khổ nhỏ không biết do ai đã lén treo lên trong phòng họp của Hội. Rồi tờ đặc san của Sinh viên UTA do anh làm trưởng khối báo chí đã bị phản đối kịch liệt vì lập trường chống cộng dứt khoát. Cuối cùng là vụ triệt hạ những hình ảnh triển lãm công cuộc đấu tranh chống cộng của dân tộc Việt Nam. Chính tay anh chủ tịch Lê Minh Lợi đã tháo gỡ một số hình, trong đó có hai hình kháng chiến của Mặt trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam và Biệt đoàn Hải Ngoại Phục Quốc Việt Nam.

Đại khái đó là những căn nguyên đưa đến sự chia rẽ trầm trọng hiện nay trong nội bộ của sinh viên Việt Nam tại UTA. Cũng theo sự nghi ngờ của một số người thì Lê Minh Lợi cùng với một số người liên hệ đang nằm trong một "hệ thống"? Anh Lê Minh Lợi tỏ vẻ không hài lòng trước dư luận của một số người đã gán cho anh cái danh từ "Việt Cộng". Lợi phân trần rằng các trưởng ban báo chí, phó chủ tịch v.v. đã bị một vài người "giật giây" để xách động những vấn đề "chính trị" rồi có những hoạt động tách rời ban chấp hành. Lợi cho biết đây là một sự "chụp mũ" vì cá nhân anh bao giờ cũng sẵn sàng trở về để cầm súng chống quân thù. Nhưng khi được hỏi về quan điểm sống của sinh viên Việt Nam tại hải ngoại, nhất là trước những nỗ lực đấu tranh của đồng bào ta. Chủ tịch sinh viên Lê Minh Lợi đã phát biểu: "... Sinh viên thứ nhất là phải lo học hành, thứ nhì là vấn đề giải trí vì sinh viên phải sống rất cực khổ. Những vấn đề khác chỉ là chuyện phụ... Đối với những phong trào tranh đấu, cá nhân tôi đã sung sướng quên rồi nên không thể thích ứng với các hoạt động ấy, cần phải có một thời gian để hội nhập; ví dụ như trình độ toán học chỉ tới đại số mà anh nem tôi vào Calculus thì làm sao hiểu nổi..."!!!

BẠN ĐÃ MUA DÀI HẠN TẬP CHÍ XÁC ĐỊNH CHƯA ?

IV. ĐỨC KẾT: Cho đến ngày hôm nay, mọi sôi động đã tạm lắng dịu. Nhóm sinh viên chủ trương đưa chính trị vào nhà trường thổ lộ rằng họ sẽ "rút lui" vì không muốn "giao chiến" nữa.

Sinh viên Nguyễn Đỗ Phú đã phát biểu: "Chúng tôi chỉ muốn dóng lên một tiếng chuông mà thôi, để làm vinh danh người sinh viên quốc gia tại Đại học UTA..."

"Một số đông anh em sinh viên chúng ta đã bị ru ngủ suốt 8 năm nay do một sự vô tình hay cố ý của một nhóm người. Chúng ta hãy đánh thức anh em ta dậy, đưa họ trở lại sự thật của người sinh viên tị nạn cộng sản. Ngoài những chuyện học hành, chúng ta cũng phải bỏ ra chút ít thì giờ để suy nghĩ về tổ quốc về những đồng bào của mình đang đau khổ trong gông cùm cộng sản. Chúng ta bây giờ chỉ còn có hai đường để lựa chọn và đi tới: Quốc gia hay Cộng sản? Sinh viên Việt Nam tại UTA ước mong sự hỗ trợ đến từ các trường bạn, vì đây không còn là một sự tranh chấp nội bộ của Đại học UTA, mà là vấn đề chung của mọi người để giúp đỡ sinh viên Việt Nam trở thành một tập thể hoàn toàn Quốc gia. (Lời của Nguyễn Văn Hiếu - Phó chủ tịch Nội vụ, Ban chấp hành Sinh viên Việt Nam UTA, Texas). ●

Nguyễn Đừng
tường trình từ Dallas, 26-6-83



** Các anh chị đã cộng tác nhiệt tình trong việc gây quỹ và thực hiện Xác Định số 2:*

- *Anh Nguyễn khoa Tuệ Anh*
- *Chị Nguyễn vương Anh*
- *Chị Ngô nguyễn Phượng Các*
- *Anh Nguyễn thành Công*
- *Chị Phan thái Lương Dung*
- *Chị Nguyễn khoa Diệu Hiền*
- *Anh Nguyễn thái Hòa*
- *Anh Nguyễn công Huân*
- *Anh Nguyễn Đình Hùng*
- *Chị Bùi vân Trang Khanh*
- *Chị Đặng T. kim Kiểm*
- *Chị Phạm thị Chung*
- *Chị Nguyễn Thị Minh Diệu*
- *Anh Trương khánh Long*
- *Anh Lương thiên Năng*
- *Anh Nguyễn ngọc Phúc*
- *Chị Mai cẩm Phượng*
- *Anh Nguyễn Ngọc Phương*
- *Chị Nguyễn xuân Mai Phương*
- *Anh Nguyễn hà Phi Thạch*
- *Anh Phạm văn Thạch*
- *Anh Nguyễn văn Thành*
- *Anh Nguyễn Anh Tú*
- *Chị Lý thu Vân*
- *Anh Nguyễn đình Vinh*
- *Anh Đỗ Viết Quý*

** Quý ân nhân đã ủng hộ Xác Định :*

Chị Hoàng thị Ngọc Anh	*$20*
Anh Đỗ hoàng Diễn	*$25*
Chị Nguyễn T. Ngọc Giao	*$20*
Anh Trần văn Huê	*$50*
Anh Văn Hưng	*$30*
Cụ Phan văn Lan	*$15*
Anh Nguyễn Mạnh	*$20*
Anh Nguyễn văn Minh	*$20*
Anh Phạm công Mỹ	*$15*
Anh Trương Hồng Sơn	*$100*
Anh Lưu Ph. Sỹ	*$15*
Ông Bùi Thạnh	*$20*
Anh Lưu ngọc Thọ	*$100*
Ông Nguyễn đình Thung	*$20*
Anh Bùi đức Tốn	*$100*
Ông Phạm Khắc Trí	*$50*
Anh Hồ Văn Xuân Nhi	*$20*
Anh Hà Thế Ruyệt	*$20*

HÃY ĐỌC XÁC ĐỊNH ĐỂ CÙNG CHIA XẺ NHỮNG TÂM TÌNH, THAO THỨC, ƯỚC MUỐN CỦA THANH NIÊN SINH VIÊN VIỆT TỊ NẠN.



* Anh Võ văn Phú & Nguyễn ngọc Công (San José, CA). Xác định chờ bài và sự giúp đỡ cụ thể hơn nữa của hai anh. Chúc hai anh và gia đình an vui.

* Chị Ngô thị Quỳnh Lâm (Houston, TX). Xác định đang chờ chị hồi âm. Chừng nào thì đại đăng khoa? phải báo trước đấy nhé !

* Anh Bạch Mã (New Jersey). Xác định mừng anh đoàn tụ cùng chị và cháu, chờ bài sáng tác của anh lắm đấy.

* Anh Nguyễn công Huân (New Jersey). Chừng nào anh dzìa Va tâm sự chúng ta hãy còn dài dài.

* Anh T.D. Luân (Wichita, KS) hè năm nay chưa có dịp hội ngộ rồi. Rất mong gặp anh. Đăng trước trong kỳ nầy hai bài thơ; xin anh gởi tiếp bài viết về kinh tế.

* Chị Lê mỹ Hằng (L.A., CA) chừng nào chị ra trường nhớ báo trước.... một năm để anh em kịp mừng. Chờ thêm thơ và sáng tác của chị. Chúc vui khỏe.

* Anh chị Triều (Kansas city, KS). Xác định rất cám ơn sự ưu ái của anh chị dành cho tờ báo. Xin anh chị tiếp tục cổ động. Kính chúc anh chị và các cháu vui mạnh.

* Chị Đ.K. Kiều và Quỳnh Nga (Charlotte, N.C) hai chị cổ động thêm cho Xác định nhé ! mong gặp, chúc hai chị vui.

* Anh Nguyễn văn Thành (Atlanta, GA) : Cảm tạ sự cổ động của anh cho Xác định. Anh em đang đợi tin và sáng tác của anh, nhất là sáng tác nhạc.

* Anh Võ Tuấn (Dallas, TX) : Xác định kỳ nầy ưu tiên cho các bài về thanh niên và dân tộc nên phải gác lại một số bài. Các hình vẽ đẹp lắm; mong anh tiếp tục gởi các sáng tác về thanh niên, nhất là mong anh giúp nuôi dưỡng Xác định một cách cụ thể ở vùng đó. Hẹn gặp nhau tháng chín hỉ?

* Anh Hà mai Phưởng (San Jose CA): bài đã đăng trong số nầy. Xin anh tiếp tục gởi các bài về sử Dân Tộc. Xin đa tạ sự hợp tác của anh dành cho Xác định.

* Anh Nguyễn chính Trực (San Antonio, TX): đang chờ thư của anh. Cổ động thật mạnh cho Xác Định nhé ! Mong gặp cuối hè nầy.

* Anh chị Nguyễn đại Nhơn & Trần Ngọc Danh (Reading, PA): Mỏn mỏi chờ thư của các anh chị đấy, chừng nào lại có thêm tin vui? Thân chúc các anh chị và cháu bé an vui.

* Anh Hồ văn Dũng (L.A., CA): Nói là về VA mà sao ở miệt Cali vậy? Hay là có "lý do chính đáng" rồi? Mong tin anh đấy ! Cổ động mạnh cho tờ báo bên ấy nhé ! Chúc anh an vui. Mong sớm gặp.

* Anh Trương khánh Long (Philadelphia, PA): Lâu nay sao bặt tăm hỏi vậy? Anh đã sửa xong xe chưa, bữa nào xuống chỏi chơ gặp anh đấy.

* Chị Thân thị Phong Lan (L.A., CA): Bộ Cali chìm xuống đáy Thái Bình Dương rồi hả? Xác Định chờ bài mãi mà chưa thấy dấu cả. Nhớ cổ động mạnh cho Xác Định nhé ! Chúc cả nhà an vui.

*Chị Hoàng thị Ngọc Anh (Tampa, FLA): Hoan hô sự giúp đỡ và tấm thịnh tình của chị dành cho Xác Định. Mong gặp lại trong thời gian ngắn, chờ bài và tin đấy.

* Chị Hoàng Yến (Portland Oregon):Có lẽ người đưa thư lạc lối rồi. Chờ bài và tin của chị hàng ngày đó.

* Anh Nguyễn Mạnh (San Jose, CA): Bài luật thuế nhà chưa đăng được trong kỳ này. Xin anh tiếp tục gởi các bài về luật pháp và cổ động cho Xác Định vùng đó, chúc anh vui khỏe.

* Anh chị Tấm Mỹ (Knoxville, TN): "Anh chị cứ hẹn nhưng anh chị đừng đến nhé... Xác Định khẻ bảo gồm làm sao mong thế !" Mong tin anh chị và chúc anh chị vui khỏe.

* Anh Phạm văn Ut : Trước ở trại tỵ nạn Khao-i-Dang (1980) và Panasm-Khom (1981) Thái Lan. Xin liên lạc với Sơn râu điện thoại (609)-627-0643 hoặc nhờ Xác Định chuyển. Tịnh thân.

* Chị Bùi Vân Trang Khanh (Berwyn, IL.) ở bên đó hiện còn giúp được gì cho Xác Định không? Chúc chị vui, khoẻ và bình yên.

* Anh Nguyễn Đăng Huy (Trostbery, W. Germany) Cám ơn thịnh tình anh dành cho Xác Định. Nhờ anh giúp phổ biến tờ báo bên ấy. Thân ái.

* Anh Nguyễn Ngọc Ngạn (Prince Rupert, Canada). Thưa anh, anh hãy còn "thanh niên" lắm đó. Mong anh viết cho các bài về thanh niên và Dân Tộc. Đã viết thư riêng. Tình thân.

* Anh Hoàng Anh Tuấn (Montreal, Canada) Rất xúc động nhận được thư đầy chân tình của Tuấn. Đừng ngại mình trẻ. Hãy mạnh dạn đi tới. Trách nhiệm đối với non sông không đợi tuổi tác đâu Tuấn. Thân tình.

* Anh Nguyễn Hai Hồ (Regina, Canada). Đã gởi báo đến anh. Mong anh giúp phổ biến Xác Định ở đó. Mong thư.

* Anh chị Nguyễn Hồng Lam & Cúc (Okc., OK.) Mong tin anh chị lắm đấy. Cổ động mạnh cho Xác Định nghe. Thân ái.

* Anh Trần Hoàng Lộc (Irvine, CA.) Rất vui mừng nhận được thư anh. Đã có viết thư riêng. Mong sẽ gặp nhau một ngày gần. Thân tình.

* Anh T. T. Kiệt (Newark, N.J.) Đã nhận được thư anh rồi. Mong nhận các bài viết về thanh niên, hay là sinh viên đấu tranh ngày xưa. Chúc anh chị an vui. Hẹn gặp.

* Anh Nguyễn Văn Thanh (Salt Lake City, UT.) Đang mong tin anh. Thân ái.

* Anh Nguyễn Văn Thành (Carol Stream, IL.) Chân thành cảm tạ sự giúp đỡ của anh. Nói như thế nếu anh chê là khách sáo thì chịu vậy. Mong sẽ có dịp gặp để tâm sự nhiều hơn. Đã viết thư riêng. Tình thân.

* Anh Bùi Văn Phú (Togo, Africa). Gặp nhau mấy bữa vẫn chưa đã. Đã có nhận được thư của anh. Mong sẽ có dịp gặp lại trước... hai năm? Chúc anh an vui.

* Chị Nguyễn T. Ngọc Giao (Springfield, VA.) Cảm tạ sự ưu ái của chị dành cho Xác Định. Đang chờ bài của chị đấy. Thân ái.

* Anh Nguyễn C. Hòa (Falls Church, VA.) Cám ơn bức thư đầy tình xây dựng của anh. Mong anh giúp cổ động cho Xác Định. Thân tình.

* Anh Nguyễn Minh (San Antonio, TX). Đã nhận được thư và bài thơ của anh. Mong anh tiếp tục viết cho Xác Định cũng như giúp phổ biến Xác Định ở vùng đó. Mong tin.

* Anh chị Trần Hiền (Kansas City, MO). Rất vui nhận được thư của anh chị với lời lẽ hết sức... đi thẳng vào lòng người. Mong anh chị giúp đỡ nhiều hơn cho Xác Định. Kính chúc anh chị cùng gia quyến an vui.

* Anh Trần Thế Kiệt & Ngô Gia Long (Washington, D.C.) Mong gặp hai anh gấp. Chừng nào đại đăng khoa vậy? Báo tin đi chứ.

* Anh Châu Đình An (Orange, CA). Rất tiếc. Hoa Thịnh Đốn không cầm chân anh lại được để anh phải "Tây Du". Anh đã làm cho anh em cảm động lắm. Mong anh tiếp tục sáng tác cho "diễn đàn thanh niên sinh viên Việt tị nạn". Thân chúc vui khỏe.

* Anh Đặng Ngô Ngọc Quang (Anaheim, CA). Đang đợi chờ tin của anh lắm đó. Chúc anh an vui.

* Anh Hồ Văn Xuân Nhi (Cyprus, CA). Rất cảm kích nhận được bức thư chan chứa tâm tình của anh. Có những ý kiến đề nghị rất xác đáng. Mong sẽ có dịp để hàn huyên thật nhiều. Sẽ viết thư riêng. Thân ái.

* Anh Mai Bá Sỏn (Lubbock, TX). Đã nhận được bài thơ "Tiễn chồng" do anh Tuấn chuyển lại. Xin anh tiếp tục gửi tiếp những sáng tác phù hợp với tinh thần của tờ báo; đồng thời, cám ơn sự cổ động của anh cho Xác Định ở Tech. Sẽ thư sau. Thân tình.

* Anh Mai tạ Minh Đức (Washington D.C.) Bộ đi lãm bận dữ vậy sao ? Bài của anh sẽ đăng trong số tới. Anh em đợi anh ở Tòa Soạn đấy, thân.

* Anh Quách Hạnh (Houston, TX.) Đất Houston phát đạt lắm hả anh? anh ủng hộ Xác Định đi ! Muốn được gặp anh vào Giáng Sinh này.

NHẮN TIN
XÁC ĐỊNH SỐ BA SẼ PHÁT HÀNH VÀO CUỐI THÁNG 10 - 1983

Xin quý thân hữu và các anh chị thanh niên sinh viên gửi bài vở, sáng tác và tin tức về địa chỉ tòa soạn trước 15-9-1983

Đón đọc Xác Định số 3, phát hành cuối tháng 10-1983, với tài liệu :

HIỆN TƯỢNG HỒ CHÍ MINH

do Cụ Trần Trọng Sanh, một nhà cách mạng lão thành Việt Nam Quốc Dân Đảng, biên soạn công phu.

ĐÍNH CHÍNH

Vì sơ xuất kỹ thuật Xác Định số 1 tháng 7-1983, đoạn chót phần Tiểu sử Cụ Hoàng Văn Chí đã viết:

"Năm 1940, ông Chí lập gia đình với bà Phan Lệ Hằng".

Xin được đọc lại là:

"Năm 1940, ông Chí lập gia đình với bà Lê Hằng Phấn."

Xác Định thành thật cáo lỗi cùng hai Cụ Hoàng Văn Chí và bạn đọc.

Tạp Chí Xác Định

Phần Nhân Loại

Cáo lỗi : Vì có nhiều bài vở và tin tức quan trọng có liên hệ chặt chẽ đến chủ đề "Thanh niên và Dân tộc" nên phần Nhân Loại của Xác Định số hai phải thâu ngắn lại.

Mong quý thân hữu và anh chị thanh niên sinh viên thông cảm.

Tạp Chí Xác Định

Ghi chú: Đón đọc Phần Nhân Loại trong Xác Định 3 với loạt bài về Chủ Nghĩa Quốc Gia và Tính Phản Khoa Học Của Chủ Nghĩa Cộng Sản.

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin lễ thành hôn của chị
NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC
cùng anh
TRẦN ĐÌNH CHI
được cử hành ngày 13-7-1983 tại Bica, California.
Mến chúc Anh Chị sắt cầm hòa hợp và trăm năm hạnh phúc.
NGUYỄN XUẤN NGUYÊN
NGUYỄN XUÂN HÂN
NGUYỄN XUÂN MAI PHƯƠNG
NGUYỄN HỬA PHONG
NGÔ NGUYỄN PHƯỢNG CÁC



TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin lễ đính hôn của Anh Chị
NGUYỄN NGỌC PHƯỞNG
và
LÊ THỊ KIM BÍCH
được cử hành ngày 18-6-1983 tại Garden Grove, California.
Thành thật chia vui cùng anh chị
Nhóm chủ trương Xác Định

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin hôn lễ của anh
HUỲNH ĐỊNH
thứ nam của ông bà HUỲNH TÍNH, Nha Trang
và chị
NGUYỄN THỊ ĐẶNG
thứ nữ của ông bà NGUYỄN HƯNG, Tuy Hòa
sẽ cử hành tại 412 W. Formance Street vào lúc 10 giờ ngày 16-7-83 tại Philadelphia. Thân chúc hai Anh Chị trăm năm hạnh phúc.
Gia đình NGUYỄN VĂN KHANH

CHÚC MỪNG

Được hồng thiệp của ông bà Chữ Bá Anh báo tin lễ thành hôn của cô:
Chữ Thứ Anh, thứ nữ
đẹp duyên cùng cậu:
Đinh Trưởng Hinh
thứ nam của ông bà Đinh Hoa.
Hôn lễ cử hành vào thứ Bảy ngày 11 tháng 6 năm 1983 tại Falls Church, Virginia.
Cầu chúc tân lang tân giai nhân sắt cầm hòa hợp và xin chúc mừng hai họ.
Đặng Đình Khiết
Nguyễn Xuân Nguyên

XÁC ĐỊNH ÂN CẦN GIỚI THIỆU :

* VIỆT NAM NGÀY NAY

Tiếng nói của giới trẻ cùng mangmột hoài bão duy trì, phát huy văn hoá dân tộc và hun đúc tinh thần quốc gia với lý tưởng quang phục quê hương.

Địa chỉ liên lạc: VIỆT NAM NGÀY NAY
P.O. Box 3025
Santa Ana, CA 92703

* NHÂN VĂN

Tạp chí thời sự, văn nghệ, đấutranh

Địa chỉ liên lạc: NHÂN VĂN
P.O. Box 21638
San Jose, CA. 95151

* VẬN HỘI MỚI

Cơ quan ngôn luận, truyền thông và phục vụ cửa hội văn hóa Việt.

Địa chỉ liên lạc: VẬN HỘI MỚI
2539 Holland st., San Matero, CA 94403

* LÊN ĐƯỜNG

Tiếng nói của tập thể sinh viênViệt Nam tại Đại Học Irvine (U.C.I.),CA.

Địa chỉ liên lạc: VIETNAMESE STUDENT ASSOCIATION, U.C.I.

* TUỔI NGỌC

Tờ báo của tuổi trẻ Việt Nam tạihải ngoại. Với chủ trương nêu caotruyền thống văn hóa vã giá trị tinh thần dân tộc.

Địa chỉ liên lạc: Hồ Văn Xuân Nhi
P.O. Box 762
Los Alamitos, CA 90720

* TỰ DO DÂN BẢN

Tiếng nói của Liên Minh Dân chủ VN.
Địa chỉ liên lạc: TỰ DO DÂN BẢN
P.O. Box 1062
Garden Grove, CA 92640

* NIỀM TIN

Tiếng nói của tập thể sinh viênViệt Nam tại Đại học Cypress, California
Địa chỉ liên lạc: NIỀM TIN
C/O Hội Sinh Viên V.N.
Cypress College

* KỶ YẾU UCLA, 82-83

Do khối báo chí Hội Sinh Viên Việt Nam tại UCLA chủ trương và thựchiện
Địa chỉ liên lạc: KỶ YẾU UCLA, 82-83
ASSOCIATED STUDENTS
308 Westwood Plaza
Los Angeles, CA 90024

CHIA BUỒN

Rất đau đớn nhận hung tin cháu
UÔNG THỊ KIM KHÁNH
mất tại Sài Gòn hưởng dương 13 tuổi. Chúng tôi thành thật chia buồn cùng anh UÔNG ĐẮC ĐẠO và gia quyến.

Gia Đình Bạch Mã
Gia Đình Vĩnh Thuận
Gia Đình Lê Tưởng Lâm
Anh em Nguyễn Công Huân
và Đặng Văn Hồ

THƯ TỪ Ý KIẾN XIN GỬI VỀ
XÁC ĐỊNH
P.O. BOX 4087
ARL., VA. 22204

KIM-SƠN

JEWELRY & FABRICS

3131 WILSON BLVD.
ARLINGTON, VA. 22201

– MUA BÁN NGỌC THẠCH
SỬA CHỮA NỮ TRANG

*

– NHẪN HỘT SOÀN LẤY LIỀN

*

– BÁN ĐỦ CÁC LOẠI HÀNG VẢI,
TƠ LỤA

ĐIỆN THOẠI: (703) 525–6199
(703) 560–2839

**ĐỌC VÀ QUẢNG CÁO
TẠP CHÍ XÁC ĐỊNH**

TƯƠNG CỰ ĐÀ

SAUCE DE SOJA

Bí thơm vì THÍNH QUÊ HƯƠNG
Cá kho nồi vị nhờ TƯƠNG CỰ ĐÀ

Thính Quê Hương và Tương Cự Đà là hai sản phẩm của hãng:
VIETNAM FOOD & DRINK, INC., bán khắp thế giới
3824 Ironwood Place
Landover, MD. 20785 USA
Tel: (301) 322-7948
262-3735

BÁC SĨ

NGUYỄN QUỐC QUÂN

SUITE 405

ĐIỆN THOẠI: (703)354-2629

- Tốt nghiệp Chuyên Môn Nội Khoa Chương Trình Georgetown University Medical Service, Washington D.C.
- Bác sĩ Cố Vấn Trưởng (Chief Medical Consultant) Sở Giám định Chuyên môn Y khoa tiểu bang Virginia.
- Bác sĩ điều trị các bệnh viện Fairfax Alexandria, Northern Virginia Doctors, Arlington, Jefferson.
- Bác sĩ Giám Đốc Viện Dưỡng Lão Evergreen, Annandale, Virginia.

Khám bệnh nội thương và tổng quát
theo giờ hẹn mỗi ngày

CÓ NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICAID

BÁC SĨ

NGÔ ĐÌNH THUẤN,M.D.

MEDICAL DENTAL BUILDING
3801 NORTH FAIRFAX DRIVE SUITE 201
ARLINGTON, VA 22203

GIỜ LÀM VIỆC: THEO HẸN
NHẬN MEDICAID VÀ BẢO HIỂM
ĐIỆN THOẠI: (703) 524–1025

EXPRESS ART PRINTING

14 S. ALMADEN AVE.
SAN JOSE, CA 95113

Phone: (408) 287–8665

BÁC SĨ

TRẦN MINH TÙNG

NỘI KHOA – THẦN KINH

CHUYÊN TRỊ CÁC CHỨNG :
– NHỨC ĐẦU
– ĐAU NHỨC CHÂU THÂN
– MẤT NGỦ
– KÉM TRÍ NHỚ . . .
VÀ CÁC BỊNH TÂM THẦN VÀ THẦN KINH KHÁC.

6521 Arlington, Blvd. Suite 205
Falls Church, Virginia 22042
Điện thoại (703) 241 - 5695

CAFÉ MOULIN ROUGE

18 S. Almaden Ave., San Jose
(408) 275-9686

Để đáp lại lòng chiếu cố của qúi khách,
CAFÉ MOULIN ROUGE sẽ mở cửa vào buổi trưa :
SANWICHES, CROISSANTS, QUICHE, CAFÉ

GIỜ MỞ CỬA :

LUNCH :	*MON - FRI*	*10:00 AM - 2:00 PM*
	SAT - SUN	*OPEN AT 2:00 PM*
EVENINGS :	*TUE - THU*	*7:00 PM - 11:00 PM*
	FRI	*7:00 PM - 12:30 AM*
	SAT	*2:00 PM - 12:30 AM*
	SUN	*2:00 PM - 11:00 AM*

Café Moulin Rouge cống hiến qúi khách cafe, banh mì tuyệt hảo trong một khung cảnh thanh lịch.

KÍNH MỜI



TÌM ĐỌC! TÌM ĐỌC!

VIỆTNAM KỸ SƯ

ĐỒ MỘT KỸ GIẢ CHỦ TRƯƠNG PHÁT HÀNH CHƯA ĐỊNH KỲ
ẤN PHÍ 3 ĐỒNG.
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC:
LÊ CAO HỒI
9907 Dupont Ave S.
Bloomington, MN 55420

Nén đau thương gấp chùm bông bí
Ấu đi con để kịp lên đường
Dấu vườn xưa có thành hoang phế
Cũng nên về dựng lại Quê Hương

DẤU VƯỜN XƯA CÓ THÀNH HOANG PHẾ

Thô Giang Hữu Tuyến
Bìa Hồ Đắc Ngọc

Giá bán 3 đồng (chưa kể cước phí).
Ngân phiếu xin đề VIỆT CHIẾN P.O. BOX 3602, ARLINGTON, VA 22203 USA

Bác-sĩ
TRẦN ĐOÀN

Y KHOA TỔNG QUÁT VÀ CHÂM CỨU
Boulevard Medical Center
8301 Arlington, Blvd Fairfax, Va 22031
(tầng trệt phía sau)

- BỆNH ĐÀN BÀ, TRẺ EM, NGƯỜI LỚN
- GIẢI PHẪU (DA QUI ĐẦU, TRĨ, CỘT ỐNG DẪN TINH)
- KHÁM NHẬP HỌC, CHỦNG NGỪA
- TAI NẠN LAO ĐỘNG
- CHÂM CỨU: CĂNG DA MẶT, CAI THUỐC LÁ, BẤT LỰC, TÊ THẤP V.V...

● Thứ hai đến thứ sáu từ 9 giờ đến 18 giờ 30
● Thứ bảy từ 10 giờ đến 15 giờ.

* NHẬN MEDICAID VÀ BẢO HIỂM

DIỆN THOẠI (703) 573 - 1313

VIỆTNAM MARKET

6613 WILSON BLVD
(SEVEN CORNER)
FALLSCHURCH, VA 22044
ĐIỆN THOẠI: (703)241-0262

---

* BÁN ĐẦY ĐỦ CÁC LOẠI THỰC PHẨM Á ĐÔNG
* CÁC LOẠI TẠNG PHẨM VÀ MỸ PHẨM
* HÀNG NGÀY CÓ RAU TƯƠI VÀ THỊT TƯƠI
* GIỜ MỞ CỬA: THỨ HAI - THỨ BẢY :
9:30 AM - 10:00 PM
CHỦ NHẬT: 10:00 AM - 6:00 PM

TRÂN TRỌNG KÍNH MỜI

VINH HOA RESTAURANT

746 CHRISTIAN STREET

PHILA., PA 19147

Những Món ăn thuần túy
của quê hương
CHỦ NHÂN KÍNH MỜI

Nhà Sách & Băng Nhạc Alpha

3101 Wilson Blvd. Arlington, VA 22201 USA (703)524-2011

(Góc đường Wilson & Highland. Kế tiệm vải MỸ AN)

-Đầy đủ Kinh, Sách, Truyện, Báo chí, Băng nhạc Việt Nam tại hải ngoại
-Nhận dịch giấy tờ Khai sinh, Hôn thú v.v...
-Bán các loại băng Cassette, Video chưa thâu với giá đặc biệt.
-Bán các loại cassette radio SHARP, JVC
-Chụp hình "Passport", Thẻ xanh, Nhập tịch lấy liền.
-Nhận chụp hình và quay video các đám tiệc, đám cưới, hội hè và phong cảnh theo hẹn.
-Nhận sửa máy ảnh, thực hiện những dịch vụ hình màu và đen trắng.
-Bán và cho thuê các loại phim video VIỆT, MỸ, PHÁP, TRUNG HOA.
-Nhận in thiệp cưới, danh thiếp.

-ĐẶC BIỆT: GỬI BĂNG NHẠC, SÁCH BÁO CHO NGƯỜI Ở XA ĐẶT MUA.

cà phê Đà Lạt

3143 Wilson Blvd., Arlington, VA 22201

ĐIỆN THOẠI: 276-0935

- Đã hoàn toàn đổi mới
- Nơi gặp gỡ bạn bè
- Giá bình dân
- Tiếp đãi lịch sự, ân cần với đủ các món ăn thuần túy Việt Nam:

PHỞ - HỦ TIẾU - BÁNH CUỐN - CƠM TẤM BÌ, CHẢ, THỊT NƯỚNG - VỊT QUAY - BỘ KHO - BÚN BÒ HUẾ - THỊT KHO NƯỚC DỪA ...
MỒN NHẬU: LẨU LƯỚN
ĐẶC BIỆT CÁC LOẠI CHÈ NỔI TIẾNG CỦA SAIGÒN NĂM XƯA
MỞ CỬA MỖI NGÀY TỪ 8:30 SÁNG ĐẾN 10:00 TỐI.

CHỦ NHÂN KÍNH MỜI

CỬU LONG MARKET

3819 C S. GEORGE MASON
Ngã ba SEMINARY ROAD
BAILEY'S CROSS ROAD
Điện thoại: (703) 578–1058

• BÁN:
– THỰC PHẨM Á ĐÔNG
– RAU CẢI VÀ TRÁI CÂY TƯƠI HÀNG NGÀY
– SÁCH TRUYỆN VÀ TIỂU THUYẾT ĐỦ LOẠI

• ĐẶC BIỆT:
CHO THUÊ SÁCH TRUYỆN VỚI NHỮNG TÁC PHẨM CHỌN LỌC CỦA NHÀ XUẤT BẢN SAIGON CO.

• GIỜ MỞ CỬA:
THỨ HAI – THỨ BẢY : TỪ 9:30 AM – 8:00 PM
CHÚA NHẬT: TỪ 10:00 AM – 7:00 PM

CÓ BÁN ĐỦ CÁC LOẠI CAO ĐƠN HOÀN TÁN

KÍNH MỜI

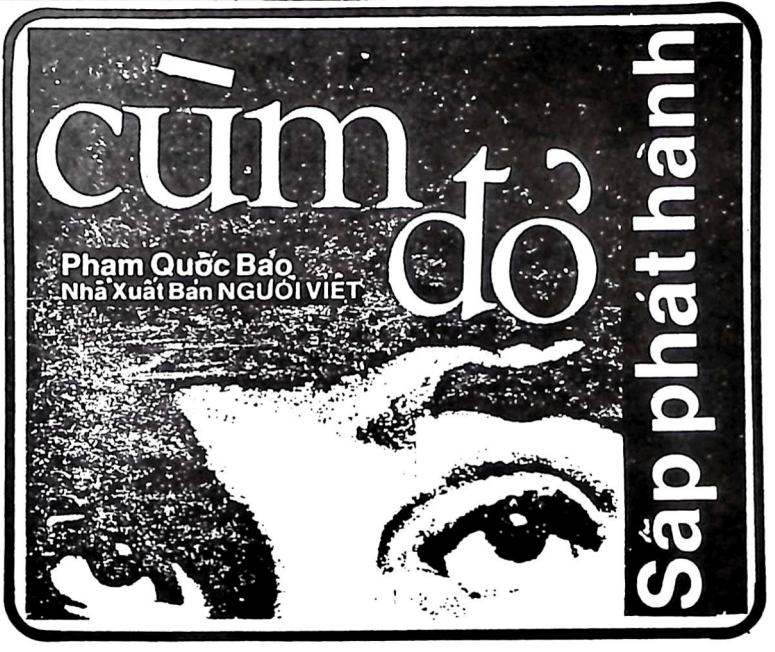

siêu thị
Á CHÂU

CHÂN THÀNH CẢM TẠ QUÝ KHÁCH HÀNG
VÀ ĐỒNG HƯƠNG ĐÃ ỦNG HỘ CHÚNG TÔI
SUỐT HAI NĂM QUA-CHÚNG TÔI LUÔN
LUÔN CẢI TIẾN ĐỂ PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH

* Nhiều mặt hàng đại hạ gía thay đổi hàng tuần
* Đầy đủ thực phẩm, băng nhạc, sách, báo tạp chí v.v...
* Gởi hàng về Việtnam qua Air France Cargo
* Văn phòng Western Union duy nhất trong vùng gởi điện tín về Việt nam và khắp thế giới.

Xin mời đến:

SIÊU THỊ Á CHÂU
(Asian Supermarket)
6216 Wilson Blvd (gần Seven Corners)
FallsChurch, VA 22044
Phone: (703)237-8411

Giờ mở cửa:
Thứ hai - thứ bảy: 9:00AM - 9:00PM
Chúa nhật: 9:30AM - 7:00PM

ĐẶC BIỆT ĐẠI HẠ GÍA
TRONG DỊP KỶ NIỆM ĐỆ NHỊ CHU NIÊN

XÁC ĐỊNH

* Diễn đàn phản ảnh tâm tình, hoài bão và đặt vấn đề về vai trò và trách nhiệm của thanh niên sinh viên Việt Nam tại hải ngoại đối với công cuộc Cứu Nước và Dựng Nước.

* Môi trường trao đổi kiến thức, quan điểm và kinh nghiệm về các vấn đề liên quan đến học vấn, ngành nghề và đời sống; cũng như tạo mối liên hệ cảm thông giữa các thanh niên sinh viên Việt Nam tại hải ngoại.

Trong tinh thần ấy, ngoài việc đáp ứng những nhu cầu thực tế trong sinh hoạt thường nhật của đời sống thanh niên sinh viên; trên lập trường Dân tộc không Cộng Sản, XÁC ĐỊNH chủ trương xây dựng một nền văn nghệ trẻ khai phóng, hướng thượng, một cộng đồng người Việt tại hải ngoại lành mạnh và đoàn kết. Do đó XÁC ĐỊNH xác quyết:

– không phổ biến những lập luận phương hại đến công cuộc đấu tranh chung của dân tộc.

– không phổ biến văn hóa ủy mị ru ngủ tinh thần đấu tranh và ý thức trách nhiệm của người thanh niên sinh viên Việt Nam tại hải ngoại.

□□□□□

lời khuyên học trò

"Các Anh, các Chị chịu khó gia tâm một ít, tìm cho đến cội rễ, học cho đến ngọn nguồn, trước phải hiểu lịch sử nước nhà, sau phải coi phong trào thế giới: làm sao là khôn, làm sao là dại, sao là quốc tủy phải giữ gìn, sao là hại phải chấm dứt."

Nguyễn Bá Học
Lời Khuyên Học Trò

Tạp chí XÁC ĐỊNH
P.O Box 4087
Arlington, VA 22204

To _____

_____

ẤN PHÍ 3 MỸ KIM _____